



## Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam Báo cáo kỹ thuật

Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng (VCA), xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

*Tổ chức nộp*

Chữ Thập Đỏ

Tháng 7, 2014



American  
Red Cross



*Ấn phẩm này được soạn thảo cho Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ thông qua Hiệp định hợp tác số AID-486-A-12-00009.*

*Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam là một dự án nhằm giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu. Dự án sẽ đưa vào thực hiện các chính sách và chiến lược quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển phát thải thấp, tập trung vào giảm lượng khí thải từ ngành lâm nghiệp và nông nghiệp, tăng cường sinh kế và định cư thích hợp với biến đổi khí hậu, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Giải quyết các rủi ro biến đổi khí hậu dài hạn và các lỗ hổng về giới trong cảnh quan rừng và đồng bằng là những mục tiêu chính của dự án.*

*Ấn phẩm này được xuất bản với sự hỗ trợ từ nhân dân Mỹ thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID). Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung và nội dung này không nhất thiết phản ánh quan điểm của USAID hay Chính phủ Hoa Kỳ.*

## MỤC LỤC

Lời giới thiệu.....	1
Ghi nhớ của các bên liên quan.....	2
Tóm lược kết quả nghiên cứu của báo cáo.....	3
Giải thích thuật ngữ, viết tắt trong báo cáo.....	5
<b>1. Các thông tin cơ bản về xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.....</b>	<b>9</b>
<b>1.1. Vị trí địa lý, địa hình và điều kiện thời tiết, khí hậu.....</b>	<b>9</b>
1.1.1. Tỉnh Nam Định.....	9
1.1.2. Xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.....	10
<b>1.2. Tài nguyên thiên nhiên.....</b>	<b>11</b>
<b>1.3. Lịch sử hình thành và phát triển.....</b>	<b>11</b>
<b>1.4. Cơ sở hạ tầng.....</b>	<b>12</b>
<b>1.5. Dân cư.....</b>	<b>13</b>
<b>1.6. Bộ máy tổ chức chính quyền, xã hội.....</b>	<b>14</b>
<b>1.7. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội.....</b>	<b>15</b>
1.7.1. Kinh tế.....	15
1.7.2. Xã hội.....	17
<b>2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (SWOT) theo 5 hợp phần.....</b>	<b>17</b>
<b>2.1. Sinh kế.....</b>	<b>17</b>
<b>2.2. Điều kiện sống cơ bản.....</b>	<b>20</b>
<b>2.3. Sự tự bảo vệ của hộ dân.....</b>	<b>22</b>
<b>2.4. Sự bảo vệ xã hội.....</b>	<b>23</b>
<b>2.5. Tổ chức xã hội/ chính quyền.....</b>	<b>24</b>
<b>3. Tình hình hiểm họa tự nhiên và xã hội của địa phương.....</b>	<b>25</b>
<b>3.1. Các loại hình hiểm họa tự nhiên và xã hội.....</b>	<b>25</b>
3.1.1. Các loại hiểm họa, thiệt hại, xu hướng biến động.....	25
<b>3.2. Phân tích tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng theo các hợp phần.....</b>	<b>30</b>
<b>4. Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro.....</b>	<b>38</b>
<b>4.1. Nhận diện các vấn đề quan tâm của cộng đồng.....</b>	<b>38</b>
<b>4.2. Xếp hạng ưu tiên các vấn đề tại địa phương.....</b>	<b>40</b>
<b>4.3. Nguyên nhân.....</b>	<b>40</b>

4.3.1. Vấn đề 1 .....	40
4.3.2. Vấn đề 2 .....	41
4.3.3. Vấn đề 3 .....	41
4.3.4. Vấn đề 4 .....	41
4.3.5. Vấn đề 5 .....	42
4.3.6. Vấn đề 6 .....	42
<b>4.4. Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro .....</b>	<b>42</b>
<b>5. Kết luận và khuyến nghị .....</b>	<b>42</b>
<b>5.1. Kết luận 1 .....</b>	<b>42</b>
<b>5.2. Kết luận 2 .....</b>	<b>44</b>
<b>5.3. Kết luận 3 .....</b>	<b>45</b>
<b>5.4. Kết luận 4 .....</b>	<b>46</b>
<b>5.5. Kết luận 5 .....</b>	<b>46</b>
<b>5.6. Kết luận 6 .....</b>	<b>47</b>
<b>Tài liệu tham khảo .....</b>	<b>49</b>
<b>Phụ lục .....</b>	<b>50</b>

## LỜI GIỚI THIỆU

Dự án “Hỗ trợ ứng phó biến đổi khí hậu ở rừng và đồng bằng Việt Nam” (viết tắt là dự án “Rừng và đồng bằng Việt Nam” hay VFD) do Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID) tài trợ, được triển khai tại 4 tỉnh: Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An và Long An trong thời gian 5 năm, từ 2013 - 2017. Mục tiêu chung của dự án là thúc đẩy sự chuyển đổi của Việt Nam trong ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) để phát triển bền vững và hạn chế phát thải khí nhà kính, góp phần thực hiện Kế hoạch Quốc gia về BĐKH và Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh. Dự án VFD do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Cơ quan chủ quản với sự tham gia chỉ đạo thực hiện của Ủy ban nhân dân 4 tỉnh Nam Định, Thanh Hóa, Nghệ An và Long An; các đối tác hỗ trợ kỹ thuật gồm có: Tổ chức Winrock International, Tổ chức Phát triển Hà Lan, Hội Chữ thập đỏ Mỹ, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Trung tâm Phát triển nông thôn bền vững. Dự án có 3 hợp phần: “Cảnh quan bền vững”, “Thích ứng BĐKH”, “Điều phối và chính sách”. Trong đó, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Mỹ, Trung tâm Phát triển nông thôn bền vững, Tổ chức Phát triển Hà Lan cùng với 2 tỉnh đồng bằng là Nam Định và Long An phối hợp thực hiện chủ yếu hợp phần “Thích ứng BĐKH” nhằm nâng cao nhận thức về BĐKH của người dân và Chính quyền địa phương; trang bị công cụ và khả năng tiếp cận của người dân với cách thức chuyển đổi sinh kế ở vùng đồng bằng để tăng cường khả năng chống chịu với các rủi ro trước mắt và lâu dài của BĐKH. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng (tên viết tắt tiếng Anh là VCA) do các cấp Hội Chữ thập đỏ Việt Nam thực hiện từ năm 2010 đến nay là hoạt động cơ bản và cần thiết trước khi có những hành động can thiệp tiếp theo nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại cộng đồng. Thông qua hoạt động này, Chính quyền cùng với người dân sẽ xác định được tình trạng dễ bị tổn thương cũng như năng lực ứng phó của họ khi phải đối mặt với những rủi ro tự nhiên và xã hội cũng như những thách thức của BĐKH. Xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu được chọn là 1 trong 30 xã thuộc địa bàn dự án của tỉnh Nam Định. Đây là xã đồng bằng ven biển, có mức sống khá (thu nhập bình quân 24,3 triệu đồng/đầu người/năm) so với các xã khác của huyện Hải Hậu. sinh kế chính của người dân là trồng lúa, trồng màu, trồng cây cảnh, chăn nuôi, đánh bắt hải sản, nuôi trồng thủy hải sản, sản xuất muối, sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch thương mại vụ nên phải chịu rủi ro thiên tai và những tác động của BĐKH.

Báo cáo kết quả đánh giá VCA được trình bày sau đây là tài liệu giúp Chính quyền, các ngành liên quan và các tổ chức, cá nhân có cái nhìn cụ thể về điểm mạnh, điểm yếu, nhu cầu ưu tiên cần giải quyết và đề xuất giải pháp nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong bối cảnh BĐKH tại xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Những thông tin thu được trong báo cáo là cơ sở góp phần giúp Chính quyền xã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai, thích ứng với BĐKH một cách chủ động và hiệu quả. Báo cáo cũng có thể sử dụng như 1 công cụ để Chính quyền xã kêu gọi đầu tư, tài trợ vốn nhằm hỗ trợ xây dựng một cộng đồng an toàn và bền vững hơn trong tương lai.

**HỘI CHỮ THẬP ĐỎ VIỆT NAM**

## **GHI NHỚ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Hoạt động Đánh giá VCA tại xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định diễn ra từ ngày 14 đến ngày 18 tháng 7 năm 2014 được thực hiện bởi Nhóm đánh giá VCA Hội Chữ thập đỏ Việt Nam với sự hỗ trợ kỹ thuật của Tập huấn viên cấp Quốc gia Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và các Cán bộ dự án “Rừng và Đồng bằng Việt Nam”.

Kết thúc 5 ngày đánh giá với sự tham gia tích cực của hơn 433 người dân và lãnh đạo Chính quyền xã Hải Hòa, đoàn đánh giá đã phác thảo báo cáo VCA. Qua thời gian làm việc của Chính quyền xã và Nhóm đánh giá đã chỉnh sửa và thông qua Báo cáo chính thức đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng (VCA).

Các bên liên quan thừa nhận bản Báo cáo VCA này là 1 tài liệu quan trọng để làm căn cứ cho các hoạt động tiếp theo của dự án “Rừng và Đồng bằng Việt Nam” cũng như các hoạt động lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu của Chính quyền xã Hải Hòa trong thời gian tới.

**UBND xã Hải Hòa**

**Nhóm đánh giá VCA**  
**Trưởng nhóm**

**Hoàng Thị Huyền**

**UBND huyện Hải Hậu**

**Hội Chữ thập đỏ Nam Định**  
**Phó Chủ tịch**

**Phạm Minh Phương**

## TÓM LƯỢC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA BÁO CÁO

Trong khuôn khổ dự án “Rừng và Đồng bằng Việt Nam” do USAID tài trợ, xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định là 1 xã thuộc địa bàn dự án được triển khai tại tỉnh Nam Định. Để đảm bảo các hoạt động tiến hành tại xã phù hợp với tình hình thực tế, khả năng, nguồn lực cũng như hạn chế những điểm yếu đang tồn tại ở địa phương, nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho hoạt động dự án, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã tiến hành đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng tại xã làm tiền đề cho các hoạt động khác diễn ra nối tiếp đạt được kết quả cao hơn.

Đợt đánh giá VCA tiến hành từ ngày 14 đến 18 tháng 7 năm 2014 được thực hiện bởi Nhóm đánh giá gồm 6 người là Hướng dẫn viên VCA của Hội Chữ thập đỏ tỉnh Nam Định cùng với sự giúp đỡ của nhóm hỗ trợ kỹ thuật. Trong thời gian 5 ngày đoàn đánh giá đã tiến hành 14 cuộc họp với Chính quyền địa phương và người dân tại các xóm, tổng số người tham gia là 433 người (trong đó có 235 nữ, chiếm 54, 27%).

Bằng cách sử dụng các công cụ đánh giá đã được chuẩn hóa trong đánh giá VCA như: SWOT, Lịch mùa vụ, Phân tích sinh kế, Bản đồ rủi ro hiểm họa, Hồ sơ lịch sử, Sơ đồ Venn... thông qua các cuộc họp lấy ý kiến của người dân và Chính quyền địa phương, Nhóm đánh giá đã phát hiện ra những điểm mạnh, điểm yếu, tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng cũng như rủi ro mà người dân đang sinh sống tại địa phương phải đối mặt.

Qua quá trình thu thập và phân tích thông tin, Nhóm đánh giá đã phát hiện ra các vấn đề chính tại địa phương, người dân xã Hải Hòa sinh sống với nhiều ngành nghề: sản xuất nông nghiệp, diêm nghiệp, chăn nuôi gia súc gia cầm, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Đa số các ngành nghề đều bị ảnh hưởng tác động bởi thời tiết, khí hậu, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Bên cạnh đó, vấn đề an toàn cộng đồng cần được quan tâm:

**Vấn đề 1.** Người dân lo lắng về an toàn tính mạng và tài sản trong mùa mưa bão, nhất là bão lớn (siêu bão) bởi: Nhà ở hộ dân bán kiên cố và xuống cấp, gần đê biển chiếm tỷ lệ cao; đê biển dài 3,2 km nhưng có cao trình thấp, xuống cấp, chưa có mỏ kè kiên cố 1,6 km nên không chịu được bão gió từ cấp 10 trở lên và khi có triều cường nước biển dâng cao dễ bị vỡ đê; Thông tin cảnh báo sớm, kiến thức, kinh nghiệm về phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu đối với cán bộ, người dân còn hạn chế.

**Vấn đề 2:** Trồng lúa, trồng cây màu đã có nhiều thay đổi về mùa vụ, giống cây trồng, chống sâu bệnh, phòng tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nhưng điều kiện sản xuất còn khó khăn, diện tích đất sản xuất lúa và màu còn chịu nhiều rủi ro ngập úng và nhiễm mặn, sâu bệnh làm giảm năng suất, mất mùa, ảnh hưởng thu nhập đời sống người dân.

**Vấn đề 3:** Nuôi trồng thủy hải sản nước lợ, nước ngọt tạo thêm việc làm cho hàng trăm lao động và có thu nhập cao, nhưng cũng phải đối mặt với rủi ro cao do tác động thời tiết, khí hậu, ô nhiễm môi trường làm giảm sản lượng, chết tôm, cá, ảnh hưởng đến thu nhập và mất vốn sản xuất của người dân.

**Vấn đề 4:** Nghề làm muối không bền vững bởi thời tiết khắc nghiệt, giá muối thấp, tiêu thụ muối khó khăn, người dân bỏ nghề, chuyển đất làm muối sang trồng màu, nuôi trồng thủy hải sản. Hiện còn 15 hộ dân với diện tích làm muối chỉ còn vài ha, họ muốn chuyển đổi sang nuôi trồng khác nhưng chưa được cho phép và hỗ trợ chính sách chuyển đổi.

**Vấn đề 5:** Khai thác đánh bắt hải sản chủ yếu gần bờ, thu nhập thấp, ảnh hưởng thiên tai, việc làm không đều, nguồn lợi hải sản ngày càng cạn kiệt, một bộ phận người dân muốn chuyển nghề không yên tâm duy trì đánh bắt hải sản.

**Vấn đề 6:** Tình trạng ô nhiễm môi trường, nước dùng cho ăn uống và sinh hoạt không đảm bảo chất lượng có nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe, bệnh tật xảy ra đối với người dân.

Dựa vào ý kiến người dân, trong báo cáo này Nhóm đánh giá đề xuất các giải pháp để Chính quyền địa phương và người dân tại xã cùng xem xét giải quyết những khó khăn, thách thức mà địa phương đang phải đối mặt. Để giải quyết được các nhóm vấn đề này cần có sự đồng thuận, sự phối hợp hành động thiết thực, đồng bộ của Chính quyền địa phương cũng như người dân và sự hỗ trợ từ cấp trên, từ các chương trình dự án.

Báo cáo VCA đã được thông qua tại cuộc họp các ban ngành xã Hải Hòa ngày 18 tháng 7 năm 2014 và được Chính quyền xã thống nhất với những kết luận mà Nhóm đánh giá đã đưa ra sau thời gian làm việc tại địa phương.



# GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ, VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO

## 1. Khái niệm đánh giá VCA

Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó (tên tiếng Anh Vulnerability and Capacity Assessment, viết tắt là VCA) gồm 1 quá trình thu thập và phân tích thông tin về các hiểm họa mà người dân ở địa phương phải đối mặt, mức độ khác nhau của tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó với các hiểm họa xảy ra đơn lẻ hoặc đồng thời, và khả năng phục hồi sau đó.

Mục đích chính của VCA là cho phép cộng đồng xác định và hiểu rõ tình trạng dễ bị tổn thương và khả năng ứng phó của họ và các hiểm họa mà họ phải đối mặt. Việc này giúp xác định các ưu tiên ở địa phương để giảm tình trạng dễ bị tổn thương quanh họ và phát triển năng lực của cộng đồng.

## 2. Các thuật ngữ sử dụng trong VCA

**Tình trạng dễ bị tổn thương** (viết tắt là TTDBTT): Là phạm vi một cá nhân, cộng đồng, cơ cấu, hoạt động dịch vụ hoặc một vùng địa lý dễ bị thiệt hại hoặc gián đoạn do tác động của một hiểm họa cụ thể. Đơn giản hơn đó là những đặc điểm yếu, thiếu, kém, không an toàn sẽ làm tăng mức độ thiệt hại của cá nhân, cộng đồng khi xảy ra hiểm họa.

**Khả năng** (viết tắt là KN): Là các nguồn lực và kỹ năng mà người dân sở hữu, có thể phát triển, huy động hoặc tiếp cận nhằm cho phép họ ứng phó, chống chịu với những hiểm họa có thể xảy ra. Khả năng có thể là tài sản vật chất, là các kỹ năng của cá nhân, cộng đồng hoặc các hệ thống phúc lợi quốc gia.

**Hiểm họa** (viết tắt là HH): Là hiện tượng tự nhiên hoặc do con người có thể gây thiệt hại về vật chất, mất mát về kinh tế, hoạt động đe dọa cuộc sống và chất lượng cuộc sống của con người nếu nó xảy ra.

**Rủi ro** (viết tắt là RR): Là những mất mát tiềm ẩn về tính mạng, tình trạng sức khỏe, sinh kế, tài sản và dịch vụ mà có thể xảy ra đối với một cộng đồng hoặc xã hội trong một khoảng thời gian xác định trong tương lai.

**Thảm họa**: Là một sự gián đoạn nghiêm trọng sự vận hành chức năng của một xã hội, gây ra mất mát lớn về người, vật chất và môi trường, vượt quá khả năng chống chịu bằng nội lực của cộng đồng bị tác động.

**SWOT**: Là từ viết tắt tiếng Anh xuất phát từ 4 chữ (strengths, weaknesses, opportunities, threats), có nghĩa là (điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức). Đây là phương pháp phân tích một vấn đề dựa trên 4 khía cạnh nhằm tìm ra những điểm mạnh cũng như điểm yếu hiện tại và trong tương lai mà cộng đồng có thể sử dụng để đối mặt với vấn đề đó.

***Biến đổi khí hậu*** (viết tắt là *BĐKH*): Là sự thay đổi của hệ thống khí hậu gồm khí quyển, thủy quyển, sinh quyển, thạch quyển hiện tại và trong tương lai bởi các nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo trong một giai đoạn nhất định từ tính bằng thập kỷ hay hàng triệu năm. Sự biến đổi có thể là thay đổi thời tiết bình quân hay thay đổi sự phân bố các sự kiện thời tiết quanh một mức trung bình. Sự biến đổi khí hậu có thể giới hạn trong một vùng nhất định hay có thể xuất hiện trên toàn địa cầu.

### **3. Quy trình thực hiện VCA**

Hoạt động đánh giá VCA được thực hiện bởi Nhóm đánh giá VCA của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam trong 5 ngày. Nhóm đánh giá VCA bao gồm 6 hướng dẫn viên được đào tạo, các cán bộ hỗ trợ kỹ thuật và cán bộ hỗ trợ hậu cần. Năm bước tiến hành VCA gồm có:

- Bước 1: Chuẩn bị và lập kế hoạch đánh giá VCA
- Bước 2: Thu thập thông tin bằng cách sử dụng các công cụ trong VCA
- Bước 3: Phân tích và kiểm chứng các thông tin thu được từ cộng đồng
- Bước 4: Lập kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro
- Bước 5: Báo cáo và giám sát hỗ trợ việc thực hiện

### **4. Kết quả mong đợi của đánh giá VCA**

Huy động sự tham gia của lãnh đạo Chính quyền xã, người dân tại các xóm (tổng cộng khoảng 400 người). Thông qua các cuộc họp phỏng vấn, làm việc nhóm để nâng cao năng lực của cộng đồng dân cư.

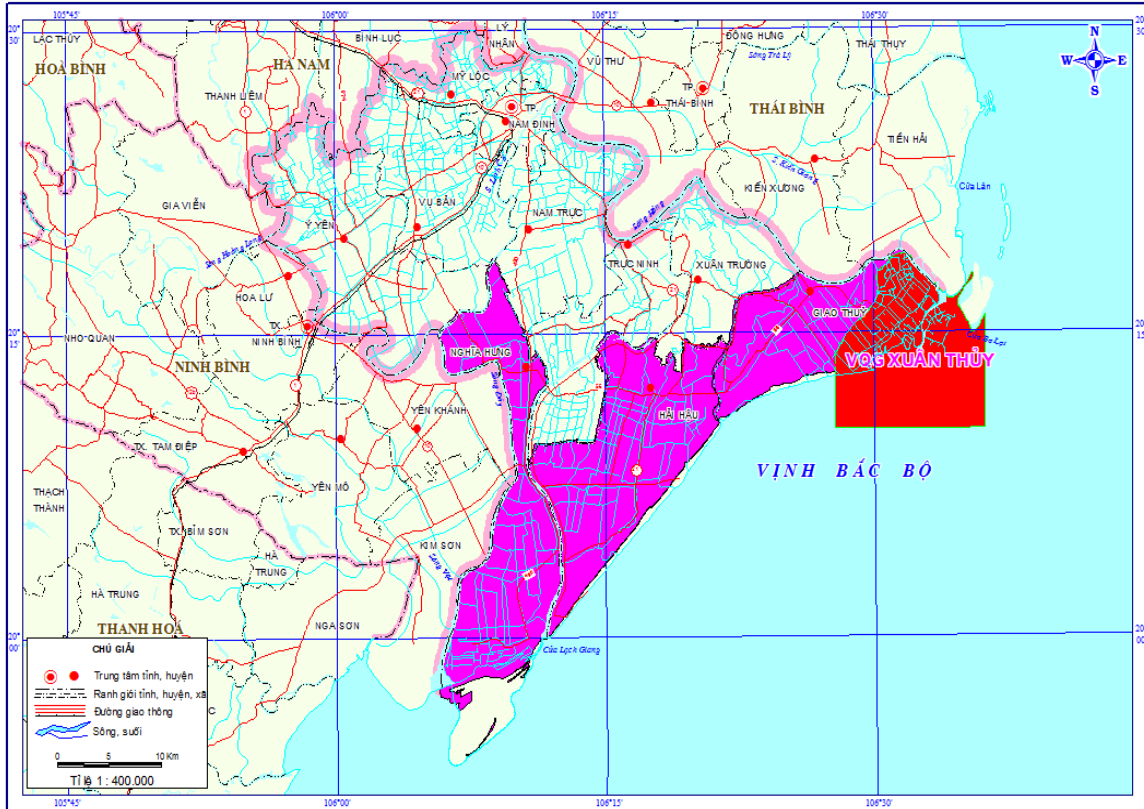
Kết thúc 5 ngày Nhóm đánh giá VCA đã thu được bản phác thảo kết quả báo cáo VCA.

Cam kết của Chính quyền cấp xã, huyện về việc sử dụng kết quả báo cáo VCA vào các hoạt động lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và phòng chống thiên tai của địa phương.

# 1. Các thông tin cơ bản về xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định

## 1.1. Vị trí địa lý, địa hình và điều kiện thời tiết, khí hậu

### 1.1.1. Tỉnh Nam Định



Bảng 1. Bản đồ tỉnh Nam Định

Nam Định là một tỉnh ven biển phía đông nam đồng bằng châu thổ Sông Hồng, tọa độ địa lý từ 19 độ 55 phút đến 20 độ 16 phút vĩ độ bắc và 106 độ đến 106 độ 33 phút kinh độ đông. Phía đông giáp tỉnh Thái Bình, phía tây giáp tỉnh Ninh Bình, phía nam và đông nam giáp biển Đông, phía bắc giáp tỉnh Hà Nam. Nam Định nằm trong vùng ảnh hưởng của khu vực tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, cách thủ đô Hà Nội 90km, cách cảng Hải Phòng 100km, đó là các trọng điểm kinh tế lớn trong giao lưu, tiêu thụ hàng hóa, trao đổi kỹ thuật, công nghệ, thông tin và kinh nghiệm quản lý kinh doanh.

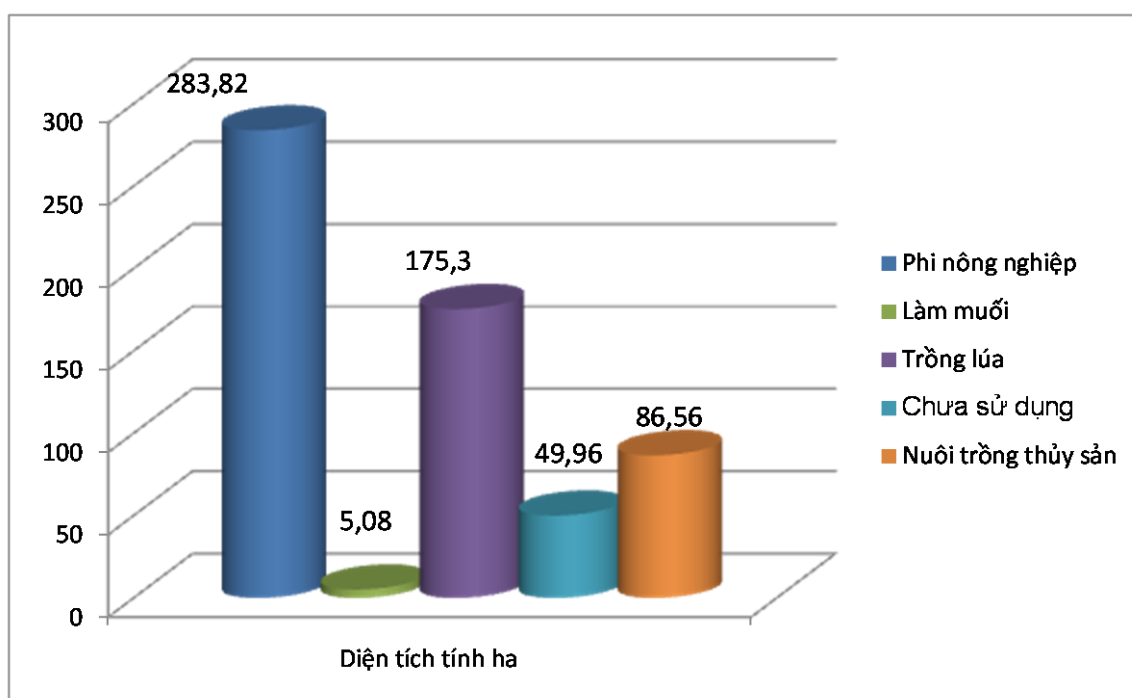
### Các đặc điểm khí hậu cơ bản

Cũng như các tỉnh trong vùng đồng bằng Bắc Bộ, Nam Định mang khí hậu chí tuyến gió mùa ẩm, có thời tiết bốn mùa (xuân, hạ, thu, đông) tương đối rõ rệt. Nhiệt độ trung bình trong năm từ 23 - 28°C. Tháng lạnh nhất là các tháng 12 và tháng 1, với nhiệt độ trung bình từ 16 - 17°C. Nóng nhất là tháng 7, nhiệt độ khoảng trên 29°C. Lượng mưa trung bình trong năm từ 1.750 - 1.800 mm, chia làm



## 1.2. Tài nguyên thiên nhiên

Tổng diện tích đất tự nhiên của xã 877,36 ha, trong đó: Đất phi nông nghiệp: 283,82 ha chiếm 32,35% diện tích đất tự nhiên; Đất nông nghiệp: 543,58 ha chiếm 61,96% diện tích đất tự nhiên (trong đó đất trồng lúa 175,3 ha, đất trồng cây màu 276,64 ha, đất nuôi trồng thủy sản 86,56 ha, đất làm muối 5,08 ha); Đất chưa sử dụng: 49,96 ha chiếm 5,69%.



Bảng 3. Biểu đồ diện tích sử dụng đất, đơn vị tính ha

Về nguồn nước sử dụng của người dân trong xã chủ yếu là nước giếng khoan. Toàn xã hiện 288 hộ dân có bể dự trữ nước mưa để ăn uống. Một số ít hộ có đời sống kinh tế khá, mua sắm thiết bị lọc nước (5 triệu/máy).

## 1.3. Lịch sử hình thành và phát triển

Trước năm 1960 Xã Hải Hòa cùng với xã Hải Xuân là một xã có tên gọi chung là xã Hải Xuân. Sau năm 1960, xã Hải Xuân chia tách thành hai xã Hải Xuân và Hải Hòa. Xã Hải Hòa từ đó cho đến nay có 12 xóm (Xuân Phong, Xuân Thịnh, Xuân Hòa Tây, Xuân Hòa Đông, Tân Hùng, Xuân Đài Tây, Xuân Đài Đông, Xuân Hà, Xuân Trung, Cồn Tròn Đông, Cồn Tròn Tây, Xuân An). Xã có 3 Hợp tác xã nông nghiệp: HTX Thống Nhất, HTX Duyên Hải và HTX Hưng Thịnh. HTX Thống Nhất gồm các xóm: Tân Hùng, Xuân Hòa Đông, Xuân Hòa Tây, Xuân Thịnh, Xuân Phong; HTX Duyên Hải gồm các xóm: Xuân Hà, Xuân Trung, Xuân Hà Đông, Xuân Hà Tây; HTX Hưng Thịnh gồm các xóm: Cồn Tròn Đông, Cồn Tròn Tây, Xuân An.

#### **1.4. Cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống dân sinh**

Xã Hải Hòa được thực hiện chương trình nông thôn mới từ năm 2012 nên có thêm cơ hội tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống của người dân.

Về giao thông đường bộ cơ bản được cứng hóa: xã có 1 tuyến Quốc lộ 21 (dài 2,9 km, mặt đường 10,5 m, nền đường 12 m); 2 tuyến đường huyện lộ tiếp giáp từ cống Bà Giác đến Quốc lộ 21 (dài 2,23 km, mặt đường 3 m, nền đường 6 m) và 3 tuyến đường trục xã dài 5,75 km (đường từ chợ Hải Hòa đến đê biển dài 1,5 km, mặt đường 3,5 m, nền đường 5 m; đường từ cầu Góc Đa đến giáp xã Hải Triều dài 2,08 km, mặt đường 2 m, nền đường 3,5 m; Đường từ giáp xã Hải Cường đến Quốc lộ 21 dài 2,17 km, mặt đường 3 m, nền đường 6 m) đều được trải đá nhựa từ ngân sách Nhà nước đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Bên cạnh đó, thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” đến nay toàn xã có 31 tuyến đường giao thông liên xóm dài 22,89 km được bê tông cứng hóa. Tính riêng trong năm 2013, xã đã đầu tư xây dựng cơ bản cho y tế, giáo dục, giao thông thủy lợi gần 7,5 tỷ đồng, trong đó nhân dân đóng góp 134 triệu đồng; đầu tư xây dựng giao thông thôn xóm hơn 3,9 tỷ đồng (trong đó người dân trong xã đóng góp 2,3 tỷ, vận động con em quê hương sinh sống ngoài địa phương ủng hộ 1.174 tỷ đồng, trong đó có Linh Mục Thực ủng hộ 40 tấn xi măng, giá trị 50 triệu đồng, vốn ngân sách Nhà nước hơn 437 triệu). Tuy vậy mặt đường trục xóm nhỏ hẹp (1,2 -1,5 m) và những đoạn đường xây dựng lâu năm do ảnh hưởng thiên tai và tác động BĐKH đã bị xuống cấp, không đảm bảo theo tiêu chuẩn xây dựng nông thôn mới. Nên việc đi lại, phát triển sản xuất khó khăn, nhất là đi lại trong mùa mưa lụt dễ rủi ro, xảy ra tai nạn thương tích. Toàn xã có 5 tuyến đê sông dài 13,251 km, nhưng chủ yếu là đê đất (mới được kè cứng hóa đê sông Múc, đoạn từ xã Hải Triều đến sông Phú Lễ dài 4,177 km), thực trạng các đoạn đê sông Mùng 1 Tháng 5, Phú Lễ 6, sông 15 và sông Phú Lễ đang bị bồi lấp.

Hệ thống kênh mương thủy lợi của xã dài 30,6 km nhưng mới kè cứng hóa 1,2 km, 20 cống đập chính nhưng cũng đã xuống cấp và không có các trạm bơm nên chưa đảm bảo chủ động tưới tiêu.

Hệ thống điện lưới khép kín từ xã đến khu dân cư, 100% hộ dân được sử dụng điện. Nhưng thực trạng mạng lưới điện do lâu ngày bị xuống cấp (5/5 trạm biến áp: xóm Xuân Phong, HTX Thống Nhất, HTX Duyên Hải, xóm Cồn Tròn Đông và trạm gần Nhà thờ Xuân Hà đã cũ, cung cấp không đủ nguồn điện), thiếu điện sản xuất và sinh hoạt, nhất là giờ cao điểm điện thường bị sụt áp. Hiện đang được dự án của Tỉnh đầu tư nâng cấp nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu điện cho sản xuất và sinh hoạt của người dân do điện chưa đủ áp (mới có 5/8 trạm) dẫn đến

cụm dân cư xa điện yếu (1/2 xóm Xuân Đài Đông, 1/2 xóm Xuân Thịnh và 1/2 xóm Xuân Trung), chưa có đường điện (từ 1,5 đến 2 km) ra nội đồng phục vụ sản xuất.

Trạm y tế, trường học của xã được tập trung đầu tư cơ bản. Trạm y tế được xây dựng kiên cố, có đủ các phòng khám chức năng phục vụ khám chữa bệnh cho nhân dân, được công nhận là xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Các trường học có hệ thống các phòng chức năng, sân chơi, cây xanh, điện chiếu sáng đủ tiêu chuẩn. Cơ sở vật chất trường Mầm non đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 1. Trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia giai đoạn 2 năm 2013. Hầu hết các trường học xây dựng kiên cố, nhà tầng an toàn cho dạy và học đồng thời có thể sử dụng làm các điểm sơ tán dân khi có tình huống thiên tai cho người dân ở xóm Xuân Hòa Tây, Xuân Đài Tây và các xóm lân cận. Tuy vậy, trường Mầm non khu Hưng Thịnh và trường Tiểu học khu B (địa phận xóm Cồn Tròn Tây), công trình xây dựng cấp 4, bán kiên cố thiếu an toàn trước thiên tai.

Hải Hòa có 2 chợ tại phố chợ Hải Hòa và Cồn Tròn được xây dựng đạt chuẩn, thuận lợi cho buôn bán phục vụ đời sống dân sinh trong xã.

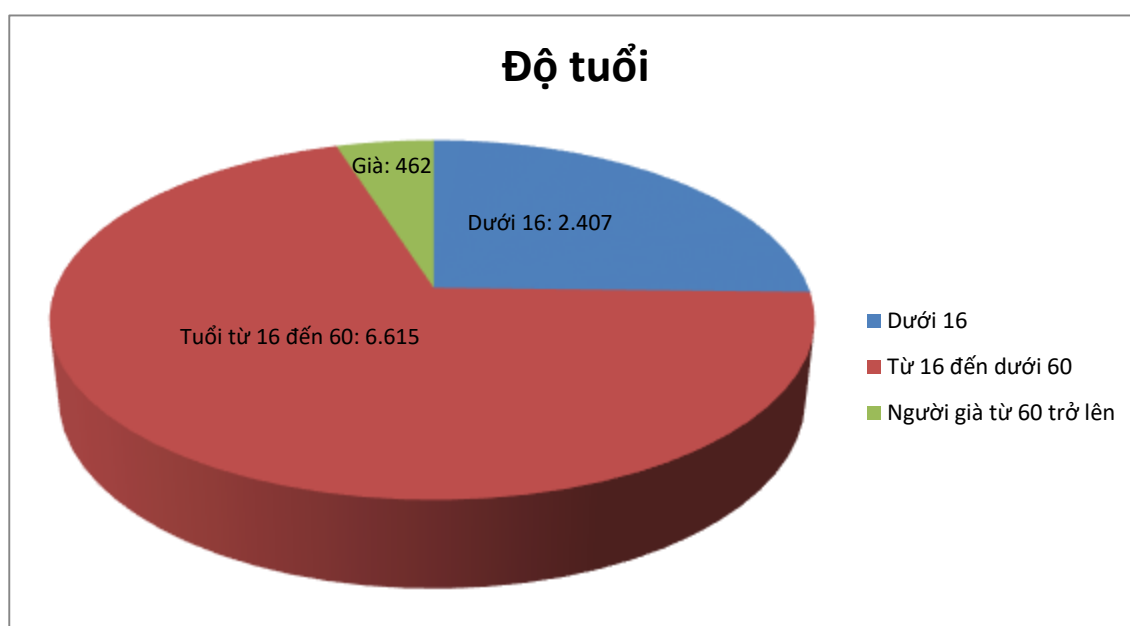
Trụ sở xã Hải Hòa được xây dựng mới năm 2012 với hai dãy phòng kiên cố, cao tầng, khang trang, đáp ứng nhu cầu làm việc các phòng, ban của xã. Trụ sở xã nằm trên trục đường liên xã, ở khu vực trung tâm nên thuận lợi cho việc tiếp xúc giải quyết yêu cầu của người dân. Hội trường UBND xã được xây dựng rộng lớn đáp ứng được các hội nghị lớn với sức chứa 350 người. Đến nay 12/12 xóm đều được xây dựng nhà văn hóa đáp ứng cho yêu cầu sinh hoạt cộng đồng với tổng giá trị 4 tỷ đồng từ sự đóng góp của người dân và con em quê hương ngoài địa phương. Trong đó nhà văn hóa xóm Xuân Phong được xây dựng kiên cố, trị giá 700 triệu đồng (người dân 70%, con em quê hương ủng hộ 30%); 11 nhà văn hóa xóm còn lại xây dựng trước năm 2012, mỗi nhà với tổng kinh phí 300 triệu (người dân góp 90%, con em quê hương ủng hộ 10%).

- Ngoài ra trên địa bàn xã còn có 10 cơ sở thờ tự tôn giáo (1 chùa, 9 nhà thờ). Các cơ sở thờ tự này có khả năng làm nơi tránh trú khi có thiên tai xảy ra đối với người dân. Các vị đứng đầu các Tôn giáo quan tâm tạo điều kiện hỗ trợ về lương thực, thực phẩm, nấu ăn tại chỗ.

### **1.5. Dân cư**

- Dân cư xã Hải Hòa được phân bổ thành 12 xóm. Mật độ dân số trung bình là 1.026 người/km<sup>2</sup>. Các xóm dân cư phân bổ rải rác không tập trung. Dân cư tập trung đông nhất ở phía Nam trục đường 21 và dọc theo Quốc lộ 21. Việc phân bổ dân cư không đều gây khó khăn cho hoạt động quản lý, đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, gây khó khăn cho việc phát triển kinh tế vùng, nhất là việc xây dựng cánh đồng mẫu lớn, xây dựng nông thôn mới.

- Tổng số hộ tính đến 31/12/2013: 2.868 hộ với 9.123 nhân khẩu (trong đó nữ chiếm 53%).
- Cơ cấu độ tuổi: trẻ em dưới 16 tuổi: 2.117 người; từ 16 tuổi đến dưới 60: 6.615 người; người già: 462 người; người khuyết tật: 102 người.
- Tỷ lệ hộ nghèo: 5,71% (164 hộ, 374 khẩu); Tỷ lệ hộ cận nghèo: 4,53% (130 hộ, 393 khẩu);
- Dân tộc: chủ yếu dân tộc Kinh.
- Tôn giáo: người theo đạo Thiên Chúa giáo chiếm 70,66%; Người theo Phật giáo chiếm 29,24%.



Bảng 4. Biểu đồ độ tuổi lao động

### 1.6. Bộ máy tổ chức chính quyền, xã hội

Xã Hải Hòa có tổ chức Đảng, Chính quyền, Đoàn thể - Tổ chức xã hội từ xã đến 12 xóm hoạt động hiệu quả. Có 22 chức danh định biên chuyên trách (12 đại học, 5 trung cấp, 5 sơ cấp). BCH Đảng bộ xã có 17 người; 17 chi bộ với 248 đảng viên. Lãnh đạo UBND xã gồm có 1 Chủ tịch, 2 Phó Chủ tịch và các cán bộ công chức định biên theo các lĩnh vực chuyên môn. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội như: Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội CTĐ, Hội người cao tuổi, Hội khuyến học... tập hợp và động viên đoàn viên, hội viên và người dân đoàn kết dân tộc thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng - an ninh. Các tổ chức đoàn thể đều có Cán bộ lãnh đạo tham gia làm thành viên Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão của xã, góp phần tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng, chủ



động thực hiện các giải pháp giảm nhẹ rủi ro, xây dựng cộng đồng an toàn trước thiên tai.

Hội CTĐ xã được củng cố kiện toàn, đến nay có 7 người tham gia Ban Thường vụ, 17 người tham gia Ban chấp hành Hội với 525 hội viên, tích cực làm nòng cốt trong các hoạt động nhân đạo từ thiện góp phần giải quyết an sinh xã hội, tích cực các hoạt động phòng ngừa ứng phó thiên tai, hiến máu nhân đạo.

Xã có 2 Tôn giáo chính, cơ sở thờ tự Tôn giáo được xây dựng khang trang, gồm 3 giáo xứ với 9 nhà thờ, 1 nhà chùa, thuận lợi cho việc tự do tín ngưỡng, lễ nghi Tôn giáo, các vị đứng đầu các Tôn giáo như Linh mục xứ đạo, Trụ trì chùa có ảnh hưởng tốt đến người theo đạo thực hiện đoàn kết Lương - Giáo, làm nhiều việc góp phần xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, văn minh, tiến bộ và an toàn hơn, góp phần giảm thiểu rủi ro thiên tai.

## **1.7. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội**

### **1.7.1. Kinh tế**

Cơ cấu kinh tế của xã đã chuyển dịch nhiều so với trước, từ kinh tế chủ yếu thuần nông sang cơ cấu: nông, ngư, diêm nghiệp, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản chiếm 50%, sản xuất ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ 50%. Theo đó sự thay đổi về sử dụng đất và phân bổ lại lao động trong xã ở nhiều lĩnh vực ngành nghề khác nhau khá lớn so với trước đây. Với tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp của xã 543,58 ha, trước đây chủ yếu là trồng lúa và trồng một phần diện tích cây màu. Nhưng do nhu cầu phát triển và điều kiện khí hậu thời tiết đã chuyển đổi sử dụng đất từ trồng lúa và diện tích làm muối (5 năm về trước diện tích làm muối 80 ha, nay còn 5,08 ha) sang trồng màu nhiều hơn (276,94 ha), nuôi trồng thủy hải sản 49,96 ha, và diện tích trồng lúa 2 vụ 175,3 ha.

- Nghề trồng lúa 2 vụ (vụ mùa từ tháng 7 đến tháng 11; vụ chiêm từ tháng 2 đến tháng 6) có khoảng 1.147/2.868 hộ tham gia chiếm 40% số hộ trong xã, trồng lúa đảm bảo an ninh lương thực địa phương và cung cấp một phần lương thực chất lượng cao như nếp đặc sản, nếp 97, BC15, gạo Bắc thơm số 7, NDD5, RVT ra ngoài địa phương. Theo báo cáo số 35/BC-UBND ngày 10/12/2013 về tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế xã hội năm 2013, tổng sản lượng lương thực đạt 2.061,7 tấn với năng suất bình quân đạt 117,7 tạ/ha. Trong đó vụ chiêm đạt 67,7 tạ/ha, vụ mùa đạt 50 tạ/ha. Diện tích trồng cây vụ đông dưới chân ruộng 2 lúa bước đầu được thử nghiệm 2,2 ha ngô, lạc, đỗ, dưa lê, dưa leo, cà chua và các loại rau màu thương phẩm và có hiệu quả tăng thu nhập cải thiện đời sống là mô hình có thể nhân rộng phát triển kinh tế hộ nông dân, giải quyết lao động nông nhàn tại địa phương. Việc chuyển đổi 7 ha đất làm muối kém hiệu quả sang cây màu ở cánh

đồng Xuân Đài đã cho kết quả thu nhập khá gấp 3 - 4 lần so với làm muối nên được người dân HTX Hưng Thịnh học tập, đang thực hiện cải tạo đất trồng các loại rau màu.

- Cây trồng màu cung cấp rau, củ, quả trong và ngoài địa phương, góp phần tăng thu nhập đời sống. Đến nay có khoảng 1.400 hộ trồng màu, thu hút lao động nam, nữ tham gia. Xã có 2 làng nghề gồm 400 hộ ở xóm Tân Hùng và Xuân Hà trồng 40 ha cây cảnh như cây bon sai và cây phôi bé, cây sanh cung cấp cho trong và ngoài tỉnh, có thu nhập cải thiện đời sống, thu nhập bình quân khoảng 540 triệu/ha/năm (20 triệu/sào/năm).

- Làm muối hiện thiếu ổn định, ảnh hưởng thời tiết khí hậu cực đoan, giá muối thấp, đầu ra chưa thuận lợi nên diện tích làm muối ngày càng thu hẹp (trước đây 80 ha, đến cuối năm 2013 còn 50 hộ ở Xuân Đài Đông chỉ còn sản xuất 5,08 ha, nhưng đến 6 tháng đầu năm 2014 diện tích ruộng muối phải bỏ hoang hơn 1 ha và chỉ còn 15 hộ làm muối). Tổng sản lượng thu được năm 2013 là 381 tấn, năng suất bình quân 75 tấn/ha (trong đó HTX chỉ thu dịch vụ được 17,2 tấn).

- Chăn nuôi có chuyển biến tích cực, có khoảng 700 hộ tham gia, tạo thêm công ăn việc làm cho gia đình. Theo báo cáo UBND xã đến cuối năm 2013, tỷ lệ đàn gia súc gia cầm có chiều hướng gia tăng, đàn lợn 3.350 con; trâu bò 45 con; dê 50 con; gia cầm 32.000 con. Xã đã có mô hình chăn nuôi lớn, có 20 gia trại chăn nuôi lợn, mỗi gia trại từ 50 con trở lên và 2 gia trại nuôi gà thịt, mỗi gia trại từ 5.000 con trở lên.

- Đến nay có 95 hộ dân nuôi trồng thủy hải sản nước lợ và nước ngọt như tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cua, cá mú, cá vược, cá chuối (cá lóc bông)... cung cấp trong và ngoài địa phương. Diện tích nuôi trồng tập trung nhiều nhất ở ven đê biển thuộc xóm Xuân Trung và Cồn Tròn Đông, Cồn Tròn Tây, số còn lại nuôi trồng rải rác, nhỏ lẻ. Thu hoạch sản lượng tôm, cá có thu nhập cao, tôm thẻ chân trắng khoảng 350 - 400 triệu/ha; tôm sú, cá vược, cá lóc bông thu nhập từ 150 - 200 triệu/ha.

- Đánh bắt hải sản chủ yếu đánh bắt gần bờ, có khoảng 200 hộ đánh bắt, lực lượng lao động chính là nam. Có khoảng 120 thuyền nhỏ, mùng, mảng đánh bắt hải sản, có mức thu nhập 50-60 triệu/hộ/năm.

- Tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ như nghề thợ xây, thợ hàn, dệt cước, đan lưới, may mặc, ... phát triển tạo việc làm và tăng thu nhập. Trên địa bàn xã có khoảng 120 cơ sở, cửa hàng, hiệu tạp hóa, quán ăn uống, giải khát, cung ứng vật tư sản xuất nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi, ... phục vụ tốt đời sống sinh hoạt cho người dân. Hải Hòa là xã có đời sống kinh tế khá so với các xã khác của huyện Hải Hậu, có mức thu nhập bình quân 24,3 triệu đồng/người/năm.

Nhìn chung về phát triển kinh tế của xã luôn bị tác động của thời tiết, khí hậu, qua phỏng vấn ngẫu nhiên 20 hộ dân (đại diện hộ phỏng vấn: nam 13, nữ 7, trong đó có 3 hộ nghèo, 2 hộ cận nghèo, 14 hộ trung bình và 1 hộ khá); có 14 ý kiến lo sợ rủi ro làm giảm sản lượng mất mùa; 20 ý kiến lo sợ chết cây trồng và vật nuôi và 9 ý kiến lo sợ mất phương tiện, mất đất sản xuất.

### 1.7.2. Xã hội

Văn hóa xã hội của xã có nhiều chuyển biến tích cực, công tác giáo dục ở các cấp học đều có chất lượng tương đối ổn định. Đội ngũ cán bộ, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn, cơ sở vật chất trường học ngày càng tốt hơn. Xã thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, các bậc phụ huynh tham gia đóng góp các khoản thu cho việc dạy và học của nhà trường. Công tác dân số, y tế, kế hoạch hóa gia đình được tăng cường đẩy mạnh tuyên truyền của các ngành, các tổ chức đoàn thể phối kết hợp với Hội Phụ nữ, các câu lạc bộ để vận động được nhiều đối tượng thực hiện kế hoạch hóa gia đình hạn chế giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên. Công tác xã hội chăm sóc tốt các đối tượng chính sách cho người có công, người già, nạn nhân chất độc da cam, người khuyết tật nghèo... đảm bảo an sinh xã hội, góp phần giảm thiểu rủi ro khi có thiên tai.

## 2. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức (SWOT) theo 5 hợp phần

### 2.1. Sinh kế

Sinh kế của xã đa dạng ngành nghề: trồng lúa, trồng màu, trồng cây cảnh, làm muối, chăn nuôi, khai thác và đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản nước mặn, lợ, nước ngọt. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại phát triển nhiều ngành nghề, nhiều lĩnh vực phục vụ sản xuất, đời sống, tạo thêm việc làm cho người lao động, tăng thu nhập cải thiện đời sống nhân dân.

- Nghề trồng lúa sản xuất 2 vụ trong năm với 175,3 ha đảm bảo lương thực cung cấp cho địa phương. Số hộ trồng lúa chiếm 40%, thu hút 60% lao động nữ. Năng suất lúa bình quân đạt 117,7 tạ/ha. Vụ chiêm đạt 67,7 tạ/ha, vụ mùa đạt 50 tạ/ha. Phương tiện sản xuất lúa đã được cơ giới hóa, có khoảng 15 máy cày, máy bừa và 10 máy tuốt lúa phục vụ sản xuất. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội cho người dân vay vốn để đầu tư sản xuất. Các tổ chức Đoàn thể đã giúp hội viên, đoàn viên và người dân vay vốn sản xuất được thuận lợi như Hội Cựu chiến binh giúp hội viên và sinh viên, học sinh vốn vay Ngân hàng Chính sách 4.250 triệu; Hội nông dân giúp đỡ nông dân vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 26 tỷ và Ngân hàng chính sách 2,7 tỷ; Hội phụ nữ giúp chị em vay vốn Ngân hàng Chính sách 3,1 tỷ đồng. Trên địa bàn xã có 3 cơ sở dịch vụ cung cấp giống, vật tư phục vụ cho sản xuất.

Trong các xóm có các tổ nhóm đôi công cho nhau khi gặt và cấy lúa. Người dân có kinh nghiệm trong sản xuất, chọn giống lúa ngắn ngày, chất lượng cao để gieo trồng. Tuy nhiên, trồng lúa còn những khó khăn về thời tiết khí hậu, hệ thống kênh mương, cống tưới tiêu xuống cấp, nông cạn, bèo rác cản dòng chảy, các tuyến sông bị bồi lấp làm cạn, hẹp ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước, xã chưa các trạm bơm phục vụ tưới tiêu. Hằng năm có 100 ha ruộng lúa thường bị ngập úng vụ mùa và nhiễm mặn vụ chiêm. Mặt khác diện tích trồng lúa chưa qui hoạch dồn điền đổi thửa tập trung nên chưa xây dựng được cánh đồng mẫu lớn; đường giao thông nội đồng nhỏ hẹp, phương tiện cơ giới đi lại phục vụ sản xuất khó khăn, chi phí lại cao nhưng thu nhập thấp và chưa có lãi.

- Trồng màu ngày càng nhiều diện tích hơn và đa dạng giống cây trồng như hành, cà chua, bắp cải, cà rốt, củ cải, dưa lê, dưa leo, rau, củ, quả cung cấp trong và ngoài địa phương, thu hút nhiều lao động nam, nữ của 1.400 hộ có hiệu quả hơn so với trồng lúa, làm muối, tạo thu nhập khá, thu nhập bình quân 120 - 150 triệu đồng/ha. Hằng năm tổ chức tập huấn từ 2 - 3 lần cho cán bộ Chi, Tổ Hội về kiến thức trồng trọt và chăm sóc cây trồng. Trên địa bàn xã có 6 cơ sở dịch vụ cung cấp giống, vật tư và thu mua sản phẩm. Tuy vậy, trồng màu đang đối mặt với những thách thức khó khăn về thời tiết thất thường nên có nhiều rủi ro thiên tai như một số diện tích nhiễm mặn, ngập úng, mưa lớn gây thiệt hại rau màu. Bên cạnh việc thiếu điện sản xuất, tiêu thụ sản phẩm đầu ra thiếu ổn định, giá cả bấp bênh nên xu hướng sản xuất cây màu cần được cân nhắc về cây trồng và thị trường tiêu thụ để có hiệu quả bền vững.

- Mô hình trồng cây cảnh của xã tự phát trong vài năm trở lại đây đã trở thành 2 làng nghề ở xóm Tân Hùng và Xuân Hà, thu hút khoảng 400 hộ (trong đó lao động nữ chiếm 20%) trồng 40 ha cây cảnh chủ yếu là cây bon sai, cây phôi bé và cây sanh, thu nhập cao, bình quân hơn 540 triệu/ha/năm. Sản phẩm cung cấp trong và ngoài tỉnh. Hộ trồng cây cảnh được giúp đỡ vay vốn, phổ biến và chia sẻ kỹ thuật, kinh nghiệm trồng và chăm sóc cây cảnh. Tuy vậy, nghề cây cảnh cũng đang đối mặt với khó khăn đầu ra, nhất là cây sanh không còn tiêu thụ được, ảnh hưởng việc đầu tư phát triển mở rộng làng nghề.

- Nghề sản xuất muối đến cuối năm 2013 có 50 hộ ở Xuân Đài Đông, Xuân Đài Tây, Xuân Trung với diện tích 5,08 ha với sản lượng thu được khoảng 381 tấn/năm, năng suất khoảng 75 tấn/ha. Nhưng làm muối đang gặp khó khăn về thời tiết như số giờ nắng nóng nhiều hơn, mưa trái vụ bất thường gây thiệt hại ruộng muối, tiêu thụ khó, thu nhập thấp (40.000đ/ngày), muối tồn đọng khó bảo quản an toàn trước thiên tai. Hiện nay số hộ làm muối không còn nhiều, khoảng 15 hộ với sản xuất vài ha. Số hộ còn làm muối chủ yếu là hộ nghèo, cận nghèo, đời sống khó khăn nên không có kinh phí đầu tư để tự chuyển đổi diện tích làm muối sang sản xuất cây lương thực, cây màu hoặc nuôi trồng thủy hải sản. Cho nên nghề làm

muối cần được cấp có thẩm quyền quan tâm cho phép và hỗ trợ chính sách chuyển đổi sang nuôi trồng thủy hải sản và trồng màu.

- Nuôi trồng thủy sản được người dân chủ động đầu tư vốn lớn cho nuôi trồng nước lợ, mặn và nước ngọt, nuôi trồng đa dạng loài thủy hải sản trong nhiều năm qua có hiệu quả, thu hút 95 hộ đầu tư với trên 400 lao động nam có việc làm (lao động nữ tham gia ít), thu nhập cao như: thu nhập tôm thẻ chân trắng khoảng 350 - 400 triệu/ha, tôm sú, cá vược, cá chuối thu nhập 150 - 200 triệu/ha. Trên địa bàn xã có 2 cơ sở dịch vụ cung cấp vật tư và giống cua. Tuy vậy nuôi trồng thủy sản đang có nhiều vấn đề bất cập như ô nhiễm môi trường, nuôi trồng nhỏ lẻ, thiếu tập trung, chưa có hệ thống thủy lợi riêng để dẫn nước vào ra ao đầm nên thường ảnh hưởng nhiễm độc thuốc trừ sâu, ô nhiễm nguồn nước. Cung cấp giống thủy hải sản từ ngoài tỉnh, thiếu chủ động và giống thường bị dịch bệnh; thời tiết cực đoan gây dịch bệnh làm thiệt hại tôm, cua, mất vốn.

- Đánh bắt hải sản gần bờ, thu hút 200 lao động nam (lao động nữ chiếm 5%) có việc làm. Phương tiện đánh bắt có 120 thuyền, mùng, mảng, tạo thu nhập từ 50 - 60 triệu/hộ/năm, góp phần đa dạng hóa thu nhập kinh tế hộ, cải thiện đời sống. Tuy nhiên, đánh bắt hải sản gần bờ đang đối mặt với thách thức do tác động BĐKH, thiên tai ngày càng thu hẹp bến bãi neo đậu; Ngư lưới cụ khó bảo quản, thường xảy ra mất cắp, nguồn lợi hải sản cạn kiệt, nguy cơ đánh bắt thiếu ổn định, thu nhập thấp nên đã có một bộ phận phải chuyển nghề.

- Chăn nuôi lợn, gà, vịt, ngan, trâu, bò, dê người dân tích cực duy trì có khoảng 700 hộ chăn nuôi cung cấp thực phẩm trong và ngoài địa phương, tạo thu nhập không lớn (khoảng 5 triệu đồng/hộ/năm) nhưng tận dụng được thời gian lao động nhàn rỗi của cả phụ nữ và nam giới, của người già và trẻ em giúp tăng thu nhập cải thiện đời sống đối với hộ chăn nuôi. Tuy nhiên, chăn nuôi nhỏ lẻ tại hộ gia đình là chính, hiện có 20 gia trại chăn nuôi lợn và 2 gia trại chăn nuôi gà là mô hình chăn nuôi lớn, nhưng gia trại chăn nuôi xen kẽ khu dân cư, phát thải gây ô nhiễm ảnh hưởng sức khỏe cộng đồng, nguy cơ dịch bệnh bùng phát ở vật nuôi khó phòng tránh và dập dịch, trong khi đó mạng lưới thú y mỏng (chưa có cán bộ thú y đến các xóm); giá cả thức ăn, con giống chăn nuôi cao, giá bán heo thịt, gia cầm thịt, thương phẩm thấp, hộ chăn nuôi chưa có lãi nhiều.

- Tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại phát triển tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân ngày càng đa dạng và phong phú. Có khoảng 700 lao động chủ yếu là nam làm nghề thợ xây, thợ mộc, thợ hàn (nữ chiếm từ 20 - 30%). Thu nhập bình quân các nghề trên 170.000 đồng/ngày đối với nam, từ 100.000 - 120.000 đồng/ngày đối với nữ. Nghề dệt cước, nghề đan lưới tại gia đình có khoảng 350 nữ hết tuổi lao động, thu nhập 60.000 đồng/ngày. Trong xã có 3 xưởng may thu hút gần 200 lao động nữ, thu nhập bình quân 100.000 đồng/ngày. Tuy sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại trên địa bàn xã chưa mạnh. Công

việc thợ xây không ổn định, dịch vụ cơ khí, nghề thợ hàn phát triển chậm. Độ an toàn khi làm thợ mộc, thợ xây chưa cao, phương tiện sản xuất còn thô sơ. Nghề dệt cước và đan lưới còn phụ thuộc vào chủ hàng. Nghề thợ may thu nhập thấp. Nhưng sản xuất tiểu thủ công nghiệp và thương mại an toàn trước thiên tai hơn các ngành nghề khác và góp 50% vào cơ cấu kinh tế của xã nên cần được quan tâm khuyến khích các mô hình sản xuất, dịch vụ thương mại làm ăn có hiệu quả cao, tạo điều kiện giải quyết việc làm cho lao động địa phương.

Nhìn chung sinh kế của người dân trong xã có những điểm mạnh và cũng không ít cơ hội phát triển kinh tế, tăng thu nhập. Tuy nhiên, sinh kế người dân còn nhiều hạn chế về kiến thức khoa học kỹ thuật, về tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp, về ô nhiễm môi trường, dịch bệnh nuôi trồng thủy hải sản. Các ngành nghề sinh kế nói trên đều lệ thuộc vào điều kiện tự nhiên, thiếu ổn định, tiềm ẩn nhiều rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, nhất là thiệt hại về mùa màng thường xảy ra do ngập úng và nhiễm mặn trên diện rộng; rủi ro nuôi trồng thủy hải sản; lao động thiếu việc làm, nhiều nghề nặng nhọc, độc hại nhưng thiếu ổn định, rủi ro cao. Trong đó lao động nữ tham gia hầu hết ở tất cả các lĩnh vực ngành nghề, bao gồm cả lao động nặng nhọc, và lao động có môi trường độc hại, thường bị say nắng, nóng, nhiễm độc thuốc trừ sâu. Cơ cấu sử dụng đất có liên quan đến phát triển kinh tế xã hội thường thay đổi hàng năm. Theo báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) của xã cho thấy diện tích đất chuyển mục đích sử dụng được phép từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp qua từng năm (năm 2012: 1,09 ha; năm 2013: 4,83 ha; năm 2014: 5,06 ha; và dự kiến năm 2015: 7,38 ha). Nhưng trong thực tế sự thay đổi sử dụng đất các năm qua có sự chênh lệch và khác biệt lớn do điều kiện khí hậu, thời tiết và nhu cầu phát triển sản xuất.

## **2.2. Điều kiện sống cơ bản**

Hải Hòa là xã được triển khai thực hiện sớm chương trình nông thôn mới từ năm 2012 đến nay, tạo điều kiện thúc đẩy đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống người dân ở mức khá so với các xã trong huyện Hải Hậu. Điện, đường, trường học, chợ, trạm Y tế, nước sạch, vệ sinh môi trường đáp ứng được đời sống cơ bản của người dân. Tính đến năm 2013, xã Hải Hòa có các tuyến đường Quốc lộ, đường huyện qua xã và đường trục xã đều được kết cấu đá nhựa; đường giao thông thôn xóm được cứng hóa 100%, thuận lợi cho việc đi lại, phục vụ phát triển kinh tế xã hội. Về thủy lợi có lợi thế tự nhiên nhờ có mạng lưới sông ngòi gồm 5 tuyến sông với tổng chiều dài 13,251 km. Các tuyến sông chính quan trọng như sông Múc, sông Phú Lễ. Trong đó sông Múc đã được kè cứng hóa, kênh tưới tiêu dài 30,6 km, trong đó đã có 1,2 km được kè cứng hóa, cùng với hệ thống cống đập

chính xã có tới 20 công, tạo điều kiện cho tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp (trồng lúa và cây màu). Mạng lưới điện được khép kín, 100% hộ dân được dùng điện và hệ thống điện của xã đang được dự án cấp tỉnh đầu tư nâng cấp. Công trình trường lớp các cấp học hầu hết cơ bản được xây dựng kiên cố, an toàn cho việc dạy và học trước thiên tai. 100% hộ dân sử dụng nước ăn uống, sinh hoạt từ giếng khoan, trong đó có 10% hộ dân xây bể chứa nước mưa để dùng ăn uống, một bộ phận hộ dân có mức sống khá hơn đã chủ động mua thiết bị lọc nước sạch để dùng trong ăn uống. Điều kiện khám chữa bệnh chăm sóc sức khỏe người dân ngày càng tốt hơn, người tham gia bảo hiểm y tế đạt 62% nên cơ hội tiếp cận dịch vụ y tế nhiều hơn. Tỷ suất sinh tự nhiên trong năm 2013 là 0,99%, giảm so với năm 2012 là 1,11%. Tỷ lệ tăng dân số 1,1%, giảm so với năm 2012 là 0,95%. Trong năm 2013 đã khám và điều trị 16.816 lượt người, đối tượng mua bảo hiểm y tế được xã hỗ trợ tăng thêm. Xã phấn đấu trong thời gian tới tiếp tục hỗ trợ 220.000/621.000đ/thẻ, tiến đến thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân. Xã đã qui hoạch bãi rác tập trung và tổ chức thu gom rác thải, chôn lấp làm sạch môi trường. Xã có Trạm y tế, chợ, bưu điện văn hóa và trụ sở xã phục vụ công dân. Đến nay 12/12 xóm có nhà văn hóa do dân góp và ủng hộ của con em quê hương đang sinh sống ngoài địa phương (mức đóng góp của dân từ 70 đến 90% để xây dựng), giá trị xây dựng mỗi nhà văn hóa từ 300 đến 700 triệu/nhà. Trong năm 2013 người dân đóng góp xây dựng công trình giao thông, nạo vét kênh mương thủy lợi hơn 2,5 tỷ đồng. Nhà ở của người dân cũng có những cải thiện đáng kể, an toàn trước thiên tai, có 1.576/2.868 nhà kiên cố, chiếm 54%. Có 1.662/2.868 hộ có nhà vệ sinh tự hoại, chiếm 57%.

Tuy vậy, về điều kiện sống cơ bản của người dân trong xã cũng còn nhiều yếu kém, hạn chế. Hầu hết các tuyến đường giao thông trục xóm nhỏ hẹp, xuống cấp, nhất là trục đường xóm Cồn Tròn Đông, Cồn Tròn Tây và xóm Xuân An không đảm bảo cho sơ tán dân khi có tình huống thiên tai khẩn cấp xảy ra (đường dài khoảng 3km); đê biển dài 3,2 km nhưng mới được mở kè 1/2; cao trình đê thấp, nhiều đoạn đê bị xuống cấp rạn nứt không an toàn khi có gió bão lớn kết hợp với triều cường dễ xảy ra vỡ đê (thời gian qua đã có 3 lần vỡ đê); hệ thống kênh mương tưới tiêu chủ yếu là kênh mương đất, các tuyến sông bị bồi lấp, nông cạn, cống đập xuống cấp, ... chưa đảm bảo cho tưới tiêu thoát nước. Xã chưa có dự án lắp đặt các trạm bơm nước phục vụ tưới tiêu, điện cho sinh hoạt và sản xuất còn thiếu, chưa có mạng lưới điện kéo ra đồng để phục vụ sản xuất, thiếu 3 trạm áp điện nên điện không đủ công suất. Đại bộ phận người dân sử dụng nước giếng khoan chưa qua lọc phèn, tạp chất có nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe (theo ông Chủ tịch UBND xã cho biết nhân viên tiếp thị máy lọc nước dùng bút thử nước có 14%

tạp chất trong nước mưa; 40% tạp chất trong nước lấy từ giếng khoan). Những năm gần đây do tác động của BĐKH với nhiều đợt nắng nóng trong năm kéo dài cùng với việc khai thác nước ngầm của người dân ngày càng nhiều nên dẫn đến cạn kiệt nguồn nước (So sánh mực nước giếng khoan năm 2012 với năm 1999 mực nước đã giảm hơn 6m; so sánh năm 2014 với năm 1999 mực nước tụt thấp hơn 7m). Với tình trạng BĐKH như hiện nay thì cũng đủ cho thấy trong vài năm tới ở xã Hải Hòa sẽ thiếu nước sinh hoạt trầm trọng nên về lâu dài cần có các giải pháp đảm bảo nước sạch cần được cấp nước tập trung. Trước mắt cần được cơ quan chức năng xét nghiệm tạp chất nước và giúp người dân có giải pháp xử lý nước sinh hoạt, ăn uống hợp vệ sinh. Xã đến nay thực hiện chương trình nông thôn mới đạt được 16/19 tiêu chí Quốc gia, còn 3 tiêu chí phải phấn đấu là điều kiện sống của người dân được nâng lên tương đối khá, nhưng qua phỏng vấn các hộ dân đã có 19/20 ý kiến lo sợ về vấn đề tai nạn giao thông; 20/20 ý kiến lo lắng ô nhiễm môi trường, 8/20 ý kiến không an toàn do cháy nổ, 11/20 ý kiến lo lắng dịch bệnh ở người do tác động thảm họa thiên tai vì vậy điều kiện sống cơ bản của người dân cũng cần được cải thiện nhiều hơn nữa, nhất là sống trong bối cảnh thiên tai, biến đổi khí hậu khó lường.

### **2.3. Sự tự bảo vệ của cá nhân, hộ gia đình và bảo vệ xã hội**

Hầu hết người dân có ý thức bảo vệ tính mạng và tài sản trước thiên tai. Tỷ lệ người lớn biết bơi chiếm 60%, trẻ em biết bơi chiếm 10%; Người dân được truyền thông và chủ động tìm hiểu thông tin thiên tai để chằng chống nhà ở, chặt tỉa cây cành, sơ tán, dự trữ nước uống, lương thực, trông coi và chăm sóc người già, trẻ em, người khuyết tật yếu thế trong mùa mưa bão. Tuy vậy, biện pháp an toàn cá nhân và hộ gia đình còn nhiều hạn chế, rủi ro cao khi có thiên tai khắc nghiệt, cường độ mạnh hơn, nhất là theo kịch bản của biến đổi khí hậu về nhiệt độ tăng, nước dâng cao hơn, gió bão mạnh hơn. Tỷ lệ nhà bán kiên cố xuống cấp còn nhiều; có gần 500 hộ dân với trên 2.000 người ở ven đê biển nhà ở chưa an toàn, chưa có nhà trú bão (điểm sơ tán dân quá xa, đường sơ tán nhỏ hẹp, xuống cấp khó khăn ở Cồn Tròn Đông, Cồn Tròn Tây và Xuân An, nguy cơ rủi ro thiên tai cao). Qua phỏng vấn hộ về đường đi sơ tán xa từ chỗ ở cách điểm sơ tán 1 km có 10/20 có ý kiến, cách gần 2 km có 1/20 ý kiến, cách hơn 2 km có 8/20 ý kiến, cách gần 5 km có 1/20 ý kiến; về nhà ở trong 20 hộ được phỏng vấn có 1 hộ ở nhà tầng, 3 hộ nhà kiên cố, 16 hộ nhà ở bán kiên cố. Tỷ lệ người chưa biết bơi còn cao (hơn 40% đối với người lớn, trẻ em trong độ tuổi chưa được dạy bơi và học bơi chiếm đến 90%); Phụ nữ chủ hộ gia đình, người khuyết tật, người già còn nhiều bất lợi trong phòng ngừa ứng phó thiên tai khi có tình huống khẩn cấp (164 hộ nghèo, 130 hộ cận nghèo thiếu dự trữ lương thực, nước uống; 462 người già; 2.117 trẻ em; 102



người khuyết tật dễ bị tổn thương); Lao động đánh bắt gần bờ còn chủ quan, thiếu thông tin, thiếu trang thiết bị an toàn trên thuyền, mùng khi đánh bắt. Đại bộ phận người dân trong cộng đồng nắm bắt thông tin diễn biến thiên tai thiếu kịp thời do hệ thống truyền thanh xuống cấp, thiếu cùm loa, bảng tin hoặc trong mùa mưa bão hệ thống truyền thanh, ti vi không hoạt động được do bị mất điện. Kiến thức, kỹ năng và các giải pháp an toàn cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng còn hạn chế. Giáo viên, học sinh chưa được thường xuyên tập huấn, cập nhật đầy đủ về kiến thức giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Kết quả phỏng vấn ngẫu nhiên 20 hộ, có 15 hộ trả lời về mức độ không an toàn quanh nhà và rào chắn; có 50% người được phỏng vấn trả lời trẻ em nhỏ tự đi học (6 hộ có trẻ em đi học thì 3 hộ trả lời trẻ em tự đi học), có 13 ý kiến trả lời hộ gia đình có kế hoạch phòng chống thiên tai... Như vậy cho thấy sự hiểu biết để chủ động bảo vệ của người dân để giảm thiểu rủi ro còn hạn chế.

#### **2.4. Sự bảo vệ xã hội**

Xã và các Hợp tác xã, xóm rất quan tâm công tác phòng ngừa ứng phó thiên tai; tổ chức các lực lượng ứng phó cộng đồng trong mùa mưa bão. Trong năm 2013, xã tổng kết công tác phòng chống lụt bão, kiện toàn BCH phòng chống lụt bão có đủ các ngành, đoàn thể tham gia và có phân công cụ thể, thực hiện phương châm 4 tại chỗ. Xã thành lập đội tìm kiếm cứu nạn, phân công chỉ đạo và phân bổ lực lượng cụ thể. Trong tháng 4 năm 2013, UBND xã đã xây dựng kế hoạch và phối kết hợp với các ban ngành liên quan tổ chức tốt diễn tập Phòng chống lụt bão (PCLB) và Tìm kiếm cứu nạn (TKCN) tại đê biển Cồn Tròn Đông với tình huống di dân và cứu nạn trên biển đã được UBND huyện Hải Hậu biểu dương và trao tặng giấy khen. Xã chủ động xây dựng phương án PCBL & TKCN một cách cụ thể. Trên cơ sở những phương án đã xây dựng và thực hiện có hiệu quả của năm trước, bổ sung những điểm còn hạn chế, còn thiếu để khi có bão lụt xảy ra triển khai thực hiện có hiệu quả, hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất. Ngay từ đầu mùa mưa hàng năm, UBND xã đã thành lập đoàn đi khảo sát thực trạng những tuyến đê biển, sông, mương tiêu ở khu dân cư, giao thông đường thủy, đường bộ của xã để có kế hoạch tu bổ, sửa chữa, nạo vét, giải tỏa dòng chảy đảm bảo chủ động ứng phó với mưa bão và di chuyển người dân, phục vụ sản xuất. Xã giao chỉ tiêu vật tư dự trữ, chuẩn bị nhân lực cho từng đơn vị, hợp đồng mới với các chủ phương tiện sẵn sàng ứng cứu kịp thời khi có bão đổ bộ; Kiểm tra, rà soát các phương tiện và số lượng nhân lực tham gia đánh bắt hải sản, kiểm tra chất lượng an toàn của các thuyền, mùng, mảng để kịp thời có biện pháp nhắc nhở đảm bảo an toàn cho người dân trong mùa mưa bão, đặc biệt là đã quản lý được chặt chẽ các phương tiện, ngư dân khai thác, hoạt động ngoài biển. Bảo vệ hệ thống đê, kè. Tổ chức tưới tiêu bảo vệ sản xuất lúa, cây màu. UBND xã phân công đội ứng phó và chuẩn bị vật tư dự trữ PCBL theo từng đơn vị HTXNN. Toàn xã có tổng số 250 người được phân công ứng trực 24/24 tại các điểm xung yếu, cụ thể: HTX Thống Nhất: 100 người; HTX Duyên

Hải: 50 người; HTX Hưng Thịnh: 50 người; Lực lượng quốc phòng: 50 người để sẵn sàng ứng phó. Mỗi đơn vị tự chuẩn bị dụng cụ như dao, cuốc, xẻng, thúng, mủng và các trang thiết bị khác để phục vụ ứng phó khi có tình huống xảy ra. Đồng thời chuẩn bị hậu cần mỗi đơn vị chuẩn bị 400 kg gạo và 5 triệu đồng. Khi có tình huống vỡ đê thì HTX Duyên Hải và Hưng Thịnh phải điều động 200 lao động, HTX Thống Nhất 300 lao động mang theo dao, cuốc, xẻng, thúng, mủng có mặt tại các đoạn đê xung yếu để hộ đê. Đặc biệt HTX Thống Nhất cử 100 lao động ứng cứu cống Phú Lễ 6, không cho nước mặn tràn vào 4 xóm của HTX Thống Nhất. Chính quyền địa phương còn vận động và chuẩn bị các trang thiết bị cần thiết khi có thiên tai xảy ra như 4.000 cọc tre, 2.300 chiếc bao tải, đá dự phòng cho công tác hộ đê; chuẩn bị các phương tiện 8 xe ô tô, xe công nông và huy động các phương tiện của người dân trong tình huống phải di dời dân từ vùng nguy cơ cao vào nơi tránh trú an toàn. Triển khai kế hoạch chủ động di dời dân đến nơi an toàn như nhà thờ, nhà chùa, trường học.

Nhìn chung lực lượng ứng phó cộng đồng khi có thiên tai được thành lập với số lượng nhiều, nhưng chất lượng còn hạn chế do chưa được tập huấn và trang bị phương tiện thiết yếu để cứu hộ, cứu nạn an toàn (chưa có thuyền qua các đoạn sông, nhiều xóm và lực lượng ứng phó chưa có phao, áo phao, đèn pin, áo đi mưa, mũ bảo hiểm, cưa máy...). Cán bộ chủ chốt Chính quyền, Đoàn thể, ít được tập huấn về kiến thức biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro. Các tổ chức Mặt trận tổ quốc, đoàn thể còn thiếu nội dung, tài liệu để tuyên truyền cho cán bộ hội viên và người dân. Hệ thống loa truyền thanh xuống cấp, thiếu cụm loa; chưa có bảng tin, biển báo lắp đặt nơi công cộng, vùng nguy cơ cao. Trường học chưa có chương trình nội dung giới thiệu kiến thức phòng ngừa thảm họa cho học sinh, nhất là học sinh tiểu học, lớp 4, lớp 5. Trong mưa bão thường bị mất điện nên hệ thống truyền thanh xã không hoạt động được, nhưng chưa có phương tiện khác như âm thanh lưu động, loa cầm tay thay thế để thông tin cảnh báo về thiên tai kịp thời cho người dân. Địa điểm di dời từ nhà dân cho đến khu tránh trú an toàn xa, đường giao thông đi lại nhỏ hẹp, xuống cấp, khó khăn trong việc di dời dân. Thực trạng 3,2 km đê biển có cao trình thấp, nhiều đoạn xuống cấp rạn nứt và còn 1,6 km chưa được kè mỏ đê kiên cố nên nguy cơ rất cao khi có gió bão lớn, nước dâng cao tràn đê, gây vỡ đê, đe dọa đến tính mạng người dân và an toàn cộng đồng, thiệt hại sinh kế và gây hậu quả xấu đến môi trường.

## **2.5. Tổ chức Xã hội/Chính quyền**

Hệ thống tổ chức Đảng, Chính quyền và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội từ xã đến xóm thường xuyên được củng cố kiện toàn đảm bảo thực hiện triển khai các chương trình kế hoạch giảm thiểu rủi ro, chương trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, tham gia tuyên truyền vận động nhân dân phòng ngừa ứng phó thảm họa, giúp đỡ sơ tán, cứu trợ lương thực, nước uống khi cần thiết, vận động nguồn lực 4 tại chỗ cho phòng chống thiên tai. Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội

Cụm chiến binh có chương trình giúp hội viên phát triển kinh tế gia đình như vay vốn ngân hàng Chính sách, ngân hàng Nông nghiệp Phát triển nông thôn, vốn từ nguồn vận động trong nông dân, phụ nữ... như nông dân chủ dự án vốn vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 26 tỷ, từ Ngân hàng Chính sách xã hội 2,7 tỷ; phụ nữ 3,1 tỷ vốn vay từ Ngân hàng Chính sách; Hội Cụm chiến binh 4,250 tỷ vốn vay từ Ngân hàng chính sách. Mặt trận tổ quốc đẩy mạnh các phong trào, cuộc vận động “ngày vì người nghèo”, vận động Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam, thực hiện cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư, góp phần thúc đẩy triển khai thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới đảm bảo sự tham gia đóng góp của người dân làm đường, nạo vét kênh mương, làm nhà văn hóa xóm mỗi năm lên đến hàng tỷ đồng. Trong năm 2013 đã trao tặng 6 ngôi nhà đại đoàn kết cho người nghèo, trị giá 240 triệu đồng, tặng quà cho các hộ nghèo, giá trị 152 triệu đồng. Các tổ chức Tôn giáo đã chủ động quyên góp giúp đỡ người dân khi thiên tai, hoạn nạn. Các nhà thờ, nhà chùa là những điểm tránh trú an toàn cho người dân khi thiên tai xảy ra. Điển hình các vị Linh Mục phụ trách xứ họ đạo đã đóng góp làm đường, cứu trợ xã hội có năm lên đến cả trăm triệu đồng. Tuy vậy, về cơ chế, chính sách, kinh phí, điều kiện, phương tiện dành cho công tác phòng chống thiên tai của xã còn ít và khó khăn. Cán bộ địa phương, nhất là BCH phòng chống lụt bão và lực lượng ứng phó cộng đồng chưa được tập huấn nhiều về kiến thức giảm thiểu rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu, về lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai, thảm họa dựa vào cộng đồng. Các biện pháp giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu chưa được lồng ghép nhiều vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ít được lồng ghép vào chương trình hành động của các tổ chức đoàn thể - xã hội. Đặc biệt là công tác quy hoạch sản xuất trồng lúa, nuôi trồng thủy hải sản, chăn nuôi, ... tạo điều kiện huy động vốn phát triển nghề đánh bắt hải sản xa bờ, thí điểm xây dựng các mô hình cánh đồng mẫu lớn đối với cây lúa, cây màu, mô hình trang trại chăn nuôi, giảm phát thải, ô nhiễm môi trường, giảm thiểu rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu trước mắt và lâu dài trong tương lai chưa được lồng ghép với phát triển kinh tế xã hội bền vững; gắn xóa đói giảm nghèo với quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng nhằm cải thiện tình trạng dễ bị tổn thương, tăng cường năng lực của cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng cho việc an toàn trước thiên tai.

### **3. Tình hình hiểm họa tự nhiên và xã hội của địa phương**

#### **3.1. Các loại hình hiểm họa tự nhiên và xã hội**

##### **3.1.1. Các loại hiểm họa, thiên tai, xu hướng biến động**

Hải Hòa là xã có địa hình giáp biển nên hằng năm chịu ảnh hưởng các hiểm họa tự nhiên như áp thấp nhiệt đới - bão, lụt, giông sét, sạt lở đất, triều cường và những hiện tượng thời tiết bất thường do biến đổi khí hậu nắng nóng, mưa trái mùa, nhiễm mặn xảy ra với mức độ tác động nghiêm trọng. Hằng năm bão xảy ra tại địa bàn xã từ 1- 3 cơn. Xu hướng bão đến sớm hơn, nhưng kết thúc muộn, khó dự đoán, cường độ mạnh và kèm theo mưa lớn gây ngập lụt. Thời gian giữa các trận bão gần hơn. Lụt lớn hơn, kéo dài hơn (từ 5 đến 7 ngày), khi có triều cường thì ngập lụt dài ngày hơn. Theo thông tin cung cấp của UBND xã trong 8 năm qua, từ 2005 - 2013 số dân cần cứu hộ khẩn cấp 5.310 người; thiệt hại diện tích lúa, hoa màu, vật nuôi, tính tổng giá trị thiệt hại thống kê được 6,38 tỷ là rất lớn. Nhưng theo người dân thì giá trị thiệt hại của người dân và Nhà Nước còn nhiều và nghiêm trọng hơn.

Theo nhận định của người dân tình hình các loại hiểm họa tự nhiên không lường trước được nhưng ngày càng phức tạp hơn, nhất là bão lớn (siêu bão). Các hiện tượng nắng nóng kéo dài sẽ gây nhiễm mặn, làm cạn kiệt nguồn nước ngầm; mưa trái mùa và lượng mưa phân bố không đều như mùa nắng ít mưa, mùa mưa mưa nhiều, thiên tai ảnh hưởng đến tính mạng tài sản và môi trường sống của người dân nên cần có kế hoạch giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu để hướng dẫn người dân và cộng đồng.

Tác động, thiệt hại đối với nhóm người dễ bị tổn thương (xem bảng phân tích dưới đây):

<b>NHÓM PHỤ NỮ NGHÈO</b>			
<b>RỦI RO</b>	<b>TTDBTT</b>	<b>KHẢ NĂNG</b>	<b>ỨNG PHÓ</b>
Mất mùa, giảm năng suất lúa ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống khó khăn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thiếu lao động chính là nam (nam giới đi làm xa), phụ nữ phải gánh vác mọi khâu trồng lúa kể cả việc phun thuốc trừ sâu, dùng thuốc diệt chuột.</li> <li>Diện tích lúa bị nhiễm mặn vụ chiêm, ngập úng vụ mùa.</li> <li>Dịch bệnh sâu rầy,</li> <li>Chuột, ốc bươu vàng</li> </ul>	Có kinh nghiệm và kỹ thuật trồng lúa	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cần chuyển diện tích trồng lúa bị nhiễm mặn, ngập úng sang nuôi trồng thủy sản hoặc chuyển đổi giống cây trồng phù hợp.</li> <li>Phun thuốc phòng trừ sâu bệnh.</li> <li>Dùng thuốc, bẫy diệt chuột.</li> <li>Thu gom ốc bươu vàng.</li> </ul>
Thiệt hại về sức khỏe do tai	Thiếu lao động chính là nam nên phụ nữ phải làm	Có trang bị bảo hộ	Cần tổ chức nhiều ngành nghề, thương

nạn lao động (bị say thuốc và say nắng, đau đầu, choáng trong khi phun thuốc sâu, ngã giàn giáo khi đi phụ xây).	việc nặng nhọc, độc hại	lao động	mại, dịch vụ để tạo cho phụ nữ có nhiều cơ hội tìm việc làm phù hợp.
Thiệt hại nhà cửa do bão.	20% hộ dân có nhà ở không an toàn khi có thiên tai đặc biệt là những hộ phụ nữ nghèo đơn thân.	Có kinh nghiệm phòng chống bão.	Nhờ người xung quanh giúp đỡ (mua lưới chắn chống nhà, chặt tia cành cây cạnh nhà ở).
Thiệt hại về kinh tế trong chăn nuôi.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dịch bệnh phát sinh do nắng nóng kéo dài và rét đậm.</li> <li>Giá cả thức ăn cho gia súc, gia cầm quá cao và giá sản phẩm đầu ra quá thấp.</li> </ul>	Phụ nữ có tính cần cù chịu khó.	Tiêm thuốc, vệ sinh chuồng trại.
Ảnh hưởng tính mạng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chèo thuyền đánh bắt cá trên sông gặp thời tiết xấu mưa to gió lớn</li> <li>Phụ hồ cho thợ nề đứng trên giàn giáo cao</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>Thời tiết xấu không nên chèo thuyền đánh bắt cá trên sông.</li> <li>Không đứng trên giàn giáo cao (dùng ròng rọc kéo hồ từ đất lên cao).</li> </ul>

### NGƯỜI KHUYẾT TẬT VÀ NGƯỜI THU NHẬP THẤP

<b>RỦI RO</b>	<b>TTDBTT</b>	<b>KHẢ NĂNG</b>	<b>GIẢI PHÁP</b>
Mất mùa, giảm năng suất lúa, rau àu, sản xuất muối do thiên tai, ảnh hưởng đến thu nhập và đời sống.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thiếu vốn đầu tư sản xuất.</li> <li>Diện tích lúa bị nhiễm mặn vụ chiêm, ngập úng vụ mùa.</li> <li>Diện tích trồng màu bị ngập úng tháng 7 và nhiễm mặn vào tháng 9, 10.</li> <li>Diện tích làm muối bị mưa nhiều vào tháng</li> </ul>	Có kinh nghiệm và kỹ thuật trồng lúa.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cần hỗ trợ vốn vay để đầu tư cho sản xuất.</li> <li>Đã chuyển diện tích trồng lúa không hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản, và trồng màu.</li> <li>Phun thuốc phòng trừ sâu bệnh.</li> </ul>

	<p>6.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dịch bệnh sâu rầy.</li> <li>• Chuột, ốc brou vàng.</li> </ul>		
<p>Một số hộ thu nhập thấp mắc nợ do mất vốn đầu tư sản xuất khi gặp phải thiên tai, mất cắp lưới khi đánh bắt hải sản, đầu ra sản phẩm trồng màu thấp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thiếu vốn phải đi vay mượn lãi suất cao.</li> <li>• Chưa có nơi tiêu thụ sản phẩm trồng màu.</li> </ul>	<p>Có tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau khi khó khăn.</p>	<p>Cần phối hợp với bộ đội biên phòng và an ninh địa phương tăng cường tuần tra đảm bảo an ninh.</p>
<p>Thiệt hại nhà cửa do bão.</p>	<p>Có 1.292 nhà bán kiên cố, có một số nhà ở không đủ sức chống đỡ trước thiên tai.</p>	<p>Có kinh nghiệm phòng chống bão.</p>	<p>Mua lưới chằng chống nhà cửa.</p>
<p>Sức khỏe của người nghèo bị ảnh hưởng do đời sống khó khăn, do ô nhiễm môi trường, do dùng nước giếng khoan chưa đảm bảo vệ sinh, do phun thuốc trừ sâu nhiều trên lúa, hoa màu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có ít nghề phụ thu nhập thấp, chưa đảm bảo đời sống.</li> <li>• Một số nghề phụ không ổn định</li> <li>• Chưa có hệ thống nước sạch để sinh hoạt.</li> <li>• Không có tiền mua thuốc chữa bệnh khi ốm đau.</li> <li>• Còn 1.206 hộ gia đình hố xí chưa hợp vệ sinh.</li> <li>• Rác thải sinh hoạt thu gom chưa kịp thời và chưa được xử lý.</li> <li>• Chất thải chăn nuôi chưa được xử lý.</li> <li>• Hệ thống tiêu thoát nước trong xóm ít chưa đảm bảo.</li> </ul>	<p>Được cấp thẻ bảo hiểm y tế.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cần đầu tư các nghề phụ ổn định thu nhập đảm bảo cuộc sống cho người thu nhập thấp.</li> <li>• Cần xây dựng nhà máy cung cấp nước sạch.</li> <li>• Cần có phòng khám chữa bệnh và cấp thuốc miễn phí cho người nghèo.</li> <li>• Cần đầu tư vốn cho hộ nghèo xây hố xí hợp vệ sinh.</li> <li>• Cần thu gom rác 2 lần/tuần, xây nhà máy xử lý rác thải.</li> <li>• Xây hầm Bi ô ga.</li> <li>• Cần xây dựng hệ thống thoát nước.</li> </ul>
<p>Người khuyết tật có nguy cơ dễ bị thiệt hại đến tính</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Gặp khó khăn khi di chuyển do bị khuyết</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cần có chương trình hỗ trợ phục hồi chức năng</li> </ul>

mạng, thương tích khi sơ tán trong mùa bão.	tật vận động. <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đoạn đường trục chính của xã thấp, hay bị ngập úng khi di dời dân trong mùa mưa bão.</li> <li>• Tiếp cận thông tin về bão bị hạn chế do trí tuệ kém phát triển.</li> </ul>		cho người khuyết tật. <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cần hỗ trợ phương tiện đi lại (xe lăn, xe lác, tay chân giả) cho người khuyết tật.</li> </ul>
---	---	--	--

### NHÓM HỌC SINH VÀ GIÁO VIÊN

<b>RỦI RO</b>	<b>TTDBTT</b>	<b>KHẢ NĂNG</b>	<b>GIẢI PHÁP</b>
Học sinh có nguy cơ bị đuối nước.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tỷ lệ học sinh biết bơi thấp (90% học sinh không biết bơi).</li> <li>• Chưa có địa điểm dạy cho học sinh (THCS).</li> <li>• Hồ bơi trường Tiểu học không đảm bảo an toàn, nguồn nước bị ô nhiễm nên không dạy bơi được.</li> </ul>	Được cha mẹ và nhà trường đã nhắc nhở đề phòng đuối nước.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cần tập huấn cho giáo viên và học sinh về cách phòng chống và sơ cứu khi đuối nước.</li> <li>• Cần xây dựng bể bơi và dạy bơi cho các em.</li> </ul>
Nguy cơ thiệt hại về sức khỏe, tính mạng và tai nạn thương tích do thiên tai.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đa số giáo viên và học sinh thiếu kiến thức về phòng ngừa ứng phó thảm họa, thích ứng với BĐKH.</li> <li>• Thiếu các tài liệu giảng dạy về BĐKH.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tỷ lệ học sinh tham gia bảo hiểm y tế cao (trên 90%).</li> <li>• Được cha mẹ và nhà trường đã nhắc nhở đề phòng khi có bão.</li> <li>• Nhà trường chỉ đạo giáo viên và học sinh chủ động phòng chống bão.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cần tập huấn về phòng ngừa ứng phó thảm họa và biến đổi khí hậu cho giáo viên, học sinh.</li> <li>• Cần cung cấp trang thiết bị và tài liệu về phòng ngừa thảm họa, BĐKH.</li> </ul>

### NHÓM NGƯỜI SỐNG TRONG VÙNG HIỂM HỌA THIÊN TAI

<b>RỦI RO</b>	<b>TTDBTT</b>	<b>KHẢ NĂNG</b>	<b>GIẢI PHÁP</b>
---------------	---------------	-----------------	------------------

<p>Sập nhà, thiệt hại tính mạng và tài sản do bão và nước biển dâng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 500 nhà dân sinh sống gần đê biển không an toàn (nhà bán kiên cố xuống cấp).</li> <li>• Cao trình đê biển thấp.</li> <li>• Nhiều đoạn đê biển xuống cấp, rạn nứt.</li> <li>• ½ Đoạn đê biển (1,6 km chưa được kè bỏ mỏ).</li> <li>• Đường sơ tán dân xóm Cồn tròn Đông, Cồn Tròn Tây và xóm Xuân Hà xuống cấp, nhỏ hẹp, sơ tán dân khó khăn.</li> <li>• Điểm sơ tán dân xa, tại các xóm chưa có điểm sơ tán.</li> </ul>	<p>Có kinh nghiệm chằng chống nhà cửa</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Di dời dân đến nơi an toàn</li> <li>• Chằng chống nhà cửa.</li> <li>• Nhà nước cho vay vốn để sửa chữa, nâng cấp nhà ở.</li> <li>• Nâng cao trình đê.</li> <li>• Gia cố nâng cấp các đoạn đê xuống cấp.</li> <li>• Kè bỏ mỏ đê (1,6 km).</li> <li>• Nâng cấp và mở đường sơ tán dân xóm Cồn Tròn Đông, Cồn Tròn Tây và xóm Xuân An xuống cấp, nhỏ hẹp, sơ tán dân khó khăn (3 km).</li> <li>• Làm nhà cộng đồng phục vụ sơ tán dân an toàn.</li> </ul>
--	--	---	---

Bảng 5. Phân tích nhóm người dễ bị tổn thương

### 3.2. Phân tích tình trạng dễ bị tổn thương, khả năng theo các hợp phần

Bảng rủi ro, TTDBTT, KN và giải pháp ứng phó xã Hải Hòa

Rủi ro	Tình trạng DBTT	Khả năng	Giải pháp ứng phó
<b>HỢP PHẦN SINH KẾ</b>			
<p><b>Mất mùa, giảm năng suất (lúa, hoa màu, đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thiếu quy hoạch tập trung trong việc trồng lúa, trồng màu, nuôi trồng thủy hải sản.</li> <li>• Diện tích trồng lúa thường bị nhiễm mặn vào vụ chiêm và ngập úng vào vụ mùa nên năng suất sản lượng lúa giảm, nhất là diện tích gần 100 ha của xóm (Xuân Phong, Xuân Hòa, Xuân Thịnh).</li> <li>• Diện tích lúa vụ mùa, rau</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kênh mương được nạo vét, khơi thông dòng chảy, và đưa cơ khí hóa vào sản xuất nông nghiệp (có máy cày, máy gặt, máy tuốt lúa).</li> <li>• Có kinh nghiệm dân gian trong bảo vệ cây trồng, diệt chuột,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cần lên kế hoạch đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi.</li> <li>• Cần chuyển đổi theo quy hoạch một số diện tích ngập úng, nhiễm mặn sang trồng màu và nuôi cá nước lợ (khi thật sự không khắc phục</li> </ul>



	<p>màu thường bị ảnh hưởng thời tiết như: mưa nhiều, sương muối, sâu bệnh, chuột, ốc brou vàng phá hoại, ...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hệ thống kênh mương đất và các tuyến sông bồi lấp nông cạn, bèo rác hẹp dòng chảy; 20 công đập chính xuống cấp tưới tiêu kém.</li> <li>• Phương tiện đánh bắt thô sơ (thuyền, mùng).</li> <li>• Ngư lưới cụ đánh bắt bị mất cấp.</li> <li>• Cạn kiệt nguồn lợi hải sản.</li> <li>• Bến bãi neo đậu ngày càng bị xâm thực thu hẹp.</li> <li>• Nguồn nước nuôi trồng thủy sản bị ô nhiễm, nuôi trồng nhỏ lẻ, thiếu quy hoạch.</li> <li>• Thiếu chủ động con giống (giống chủ yếu mua bên ngoài không kiểm soát được về giống đạt chuẩn).</li> <li>• Kiến thức áp dụng khoa học kỹ thuật trong nuôi trồng thủy sản hạn chế.</li> </ul>	<p>ốc brou vàng, ...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nguồn nước tại gia đình sẵn có để tưới đảm bảo nước cho trồng màu và thau rửa nhiễm mặn.</li> <li>• Có thuyền, mùng, phương tiện đánh bắt.</li> </ul>	<p>được).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Lắp đặt trạm bơm chống úng.</li> <li>• Thường xuyên nạo vét làm thông thoáng dòng chảy các tuyến sông và hệ thống kênh mương, công đập.</li> <li>• Cần đưa giống lúa kháng bệnh cao vào trồng rộng, phòng trừ sâu bệnh bằng thuốc thực vật và kinh nghiệm dân gian.</li> <li>• Vãi vôi và thau rửa mặn diện tích bị ngập mặn.</li> <li>• Đầu tư phương tiện đánh bắt hiện đại để đánh bắt hải sản xa bờ.</li> <li>• Cần qui hoạch nuôi trồng thủy hải sản theo vùng.</li> <li>• Cần có hệ thống thủy lợi dẫn nước vào ra ao đầm riêng (tránh ô nhiễm thuốc trừ sâu).</li> <li>• Cần có cơ sở sản xuất con giống nuôi trồng thủy sản tại địa phương.</li> <li>• Giới thiệu</li> </ul>
--	---	---	---

			nhiều cơ sở cung cấp con giống có chất lượng cho hộ nuôi trồng lựa chọn mua.
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Diện tích làm muối đối mặt với thời tiết mưa nắng thất thường nhất là vào thời điểm tháng 5 và tháng 6 hàng năm.</li> <li>• Giá muối quá thấp.</li> <li>• Dịch vụ tiêu thụ muối của Hợp tác xã hạn chế (năm 2013 tiêu thụ 50% sản phẩm muối làm ra).</li> <li>• Điều kiện bảo quản muối chưa an toàn (Các gia đình tự bảo quản).</li> <li>• Một số người dân kinh nghiệm làm muối còn hạn chế.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Lao động dồi dào (nữ chiếm 60%).</li> <li>• Có 2 Hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ tiêu thụ muối (Duyên Hải và Hưng Thịnh).</li> </ul>	Cần có chính sách hỗ trợ để duy trì nghề làm muối như trợ giá, bao tiêu đầu ra.
<b>Thiệt hại về chăn nuôi</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chăn nuôi nhỏ lẻ khó phòng ngừa bệnh dịch.</li> <li>• Tình trạng nước thải, chất thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt chưa được xử lý hợp vệ sinh, ô nhiễm môi trường dễ gây dịch bệnh (có 20 gia trại chăn nuôi lợn và 2 gia trại chăn nuôi gà xen kẽ trong khu dân cư làm ô nhiễm tăng thêm).</li> <li>• Mạng lưới thú y mỏng (chỉ có cán bộ thú y xã, Hợp tác xã, xóm không có mạng lưới thú y).</li> <li>• Giá cả bấp bênh, chăn nuôi thua lỗ.</li> <li>• Kiến thức khoa học kỹ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có chuồng trại chăn nuôi.</li> <li>• Tận dụng được lao động dư thừa trong gia đình.</li> <li>• Tận dụng thức ăn dư thừa của gia đình.</li> <li>• Có khả năng tự chế biến thức ăn cho gia súc gia cầm.</li> <li>• Có kinh nghiệm chăn nuôi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cần quy hoạch chăn nuôi theo mô hình trang trại, gia trại xa khu dân cư.</li> <li>• Tăng cường mạng lưới thú y giúp đỡ nhân dân phòng ngừa dịch bệnh vật nuôi.</li> <li>• Cần có mô hình bi ô ga xử lý phân vật nuôi, tạo khí đốt, tiết kiệm chất đốt nhưng hợp vệ sinh.</li> <li>• Cần có mô</li> </ul>

	thuật áp dụng vào chăn nuôi còn hạn chế.		hình hộ gia đình xử lý nước thải hợp vệ sinh. <ul style="list-style-type: none"> <li>Trong tương lai cần có hệ thống xử lý nước thải công cộng.</li> </ul>
<b>Thiệt hại về kinh tế do giá cả thị trường không ổn định đối với cây cảnh.</b>	Giá cả bấp bênh, thị trường tiêu thụ không ổn định (có lúc cây sanh giá cao, nay không bán được).	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có tay nghề và kỹ thuật chăm sóc cây cảnh.</li> <li>Lao động nam, nữ tham gia (85% nam, 15% nữ).</li> </ul>	Cần duy trì làng nghề và tìm kiếm thị trường tiêu thụ.
<b>Ảnh hưởng sức khỏe con người, thu nhập đối với sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiến thức về an toàn trong lao động còn hạn chế, trang thiết bị bảo hộ an toàn còn thiếu, chưa đồng bộ.</li> <li>Môi trường lao động độc hại, thiếu an toàn.</li> <li>Nhu cầu và thị trường còn hạn chế.</li> <li>Việc làm bấp bênh.</li> <li>Thu nhập thiếu ổn định,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có lao động sản xuất các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.</li> <li>Có tay nghề và kinh nghiệm, giúp tăng thu nhập cho người dân.</li> <li>Có vốn đầu tư cho dịch vụ, thương mại.</li> <li>Đáp ứng nhu cầu trong và ngoài</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cần mua bảo hiểm y tế.</li> <li>Cần mở các lớp tập huấn để trang bị kiến thức an toàn trong lao động.</li> <li>Phát triển, mở rộng mô hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp có hiệu quả.</li> <li>Tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm đã sản xuất.</li> <li>Tìm hiểu thông tin nhu cầu lao động các ngành nghề ngoài địa phương.</li> <li>Chủ động phối hợp các cơ quan chức năng tổ chức hội chợ giới thiệu việc làm cho người</li> </ul>

	không cao.	địa phương.	dân địa phương.
--	------------	-------------	-----------------

### ĐIỀU KIỆN SỐNG CƠ BẢN

<p><b>Tính mạng, nhà ở, tài sản không an toàn khi có thiên tai lụt bão, nhất là bão lớn (siêu bão)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 46% nhà bán kiên cố, trong đó có 40% nhà xuống cấp.</li> <li>• 500 hộ dân có nhà ở dọc đê gần biển có nhà bán kiên cố (một số nhà xuống cấp).</li> <li>• Còn 1,6 km đê biển chưa được kè bờ mở.</li> <li>• Cao trình đê biển thấp (nước biển dâng cao).</li> <li>• Nhiều đoạn đê biển xuống cấp, rạn nứt.</li> <li>• Đội ứng phó cộng đồng chưa có kiến thức kỹ năng cứu hộ cứu nạn và chưa được trang bị các dụng cụ, thiết bị.</li> <li>• Đường cứu hộ xóm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 54% nhà kiên cố.</li> <li>• Có kinh nghiệm chằng chống nhà cửa và kiến thức phòng chống lụt bão.</li> <li>• Có nơi sơ tán dân tại các nhà cao tầng trường học, nhà thờ, nhà chùa.</li> <li>• Có lực lượng ứng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tập huấn kiến thức về phòng ngừa ứng phó thảm họa, hướng dẫn các giải pháp an toàn trước thiên tai cho gia đình và cộng đồng.</li> <li>• Hỗ trợ vay vốn, hoặc một phần kinh phí giúp cho hộ nghèo xây dựng nâng cấp nhà ở. Nên có mô hình nhà chịu đựng được thiên tai, thích ứng với BĐKH lâu dài để hướng dẫn người dân, nhất là các hộ dân sống dọc đê.</li> <li>• Cần đầu tư mở rộng và nâng cấp tuyến đường xóm Cồn Đông,</li> </ul>
--	--	---	--

	<p>Còn Tròn Đông, Tây và Xuân An còn 1,5 - 2 km xuống cấp, nhỏ hẹp khó khăn cho việc di dời dân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Điểm sơ tán dân xóm Còn Tròn Đông, Còn Tròn Tây và Xuân An cách xa 3 km nhưng chưa có nhà trú ẩn an toàn tại chỗ.</li> <li>• Kiến thức về giải pháp an toàn của người dân, hộ gia đình và cộng đồng còn hạn chế.</li> <li>• Người dân thiếu thông tin về diễn biến thiên tai.</li> <li>• Có 500 hộ với 2.000 nhân khẩu ở gần đê biển có nhà ở không an toàn.</li> <li>• Xu hướng bão, nước biển dâng xảy ra trên địa bàn ngày càng cao hơn, mạnh hơn vượt khả năng chống chịu đối với nhà ven đê biển.</li> <li>• Cán bộ và lực lượng cứu hộ, cứu nạn thiếu kiến thức, kỹ năng và trang thiết bị phòng ngừa ứng phó thiên tai.</li> <li>• Vùng trũng thấp khi di dời dân trong mùa mưa bão gặp khó khăn.</li> </ul>	<p>phó tại cộng đồng thường trực 24/24 khi có cảnh báo thiên tai bão lụt sắp xảy ra.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Có BCHPCLB, lực lượng ứng phó.</li> <li>• Có các phương án phòng ngừa ứng phó thiên tai.</li> <li>• Có tinh thần đoàn kết giúp đỡ của cộng đồng.</li> </ul>	<p>Tây và xóm Xuân An.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cần tập huấn kiến thức kỹ năng và trang thiết bị cứu hộ cứu nạn cho lực lượng ứng phó tại cộng đồng (thuyền, phao, áo phao...)</li> <li>• Thường xuyên tuyên truyền thông tin cảnh báo thiên tai và diễn biến thiên tai cho người dân chủ động phòng ngừa ứng phó với thiên tai cụ thể xảy ra.</li> <li>• Cần nâng cấp đê, bỏ mỏ kè, nâng cấp đoạn đê xuống cấp.</li> <li>• Nâng cấp hệ thống truyền thanh.</li> <li>• Lắp đặt các biển báo vùng nguy cơ.</li> <li>• Xây dựng nhà trú ẩn an toàn cho xóm Còn Tròn Đông, Còn Tròn Tây và Xuân An.</li> <li>• Cung cấp tàu thuyền hoặc xây cầu sông Phú Lễ sang đường quốc lộ 21 cho vùng trũng thấp để di dời dân trong mùa mưa bão.</li> </ul>
<p><b>Ảnh hưởng sức khỏe, dịch bệnh xảy ra</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Rác thải ứ đọng hộ gia đình, cộng đồng lâu ngày (vì tần suất thu gom thấp, 4 lần/tháng).</li> <li>• Chất thải chăn nuôi, nước thải, tỷ lệ hố xí chưa hợp vệ sinh cao.</li> <li>• Nước sạch chủ yếu lấy từ giếng khoan chưa được</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Người dân có ý thức thu gom rác vào bao, túi ni lông.</li> <li>• Một số hộ dự trữ nước mưa,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cần tăng tần suất thu gom và xử lý rác thải tập trung tại bãi hợp vệ sinh.</li> <li>• Tuyên truyền cho người dân về hiện tượng cạn kiệt nguồn nước ngầm để có ý thức tiết</li> </ul>

	<p>xét nghiệm, đại bộ phận chưa có bể lọc. Đang có hiện tượng ngày càng cạn kiệt nguồn nước ngầm và nước nhiễm phèn, sắt cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tỷ lệ mua bảo hiểm y tế của người dân thấp (mới có 62% người có thẻ BHYT), ít được tiếp cận dịch vụ Y tế.</li> </ul>	<p>mua nước lọc để uống.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xã hỗ trợ mua BHYT.</li> </ul>	<p>kiệm nước như khai thác nước ngầm hợp lý; dự trữ nước mưa, xây bể lọc nước hợp vệ sinh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cần xét nghiệm nước để có khuyến cáo người dân xử lý nước sạch. Về lâu dài cần cấp nước tập trung. Trước mắt hướng dẫn nhân dân dự trữ nước mưa, lọc nước giếng khoan để dùng.</li> <li>• Cần mở rộng chính sách hỗ trợ nhân dân được cấp và được mua BHYT để khám chữa bệnh; quan tâm các hoạt động khám bệnh và cấp thuốc miễn phí từ nguồn kinh phí gây quỹ của các đoàn thể, tổ chức xã hội thông qua kêu gọi tài trợ trong và ngoài xã; trong các tổ chức tôn giáo, các mạnh thường quân quê hương làm ăn xa phát đạt.</li> </ul>
--	---	--	--

### SỰ TỰ BẢO VỆ VÀ BẢO VỆ CỘNG ĐỒNG

<p><b>Thiệt hại về tính mạng và tài sản do bão lụt</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hệ thống loa truyền thanh không dây bị xuống cấp, các bảng tin, biển báo ở vùng nguy cơ cao chưa được lắp đặt. Chưa có âm thanh lưu động, loa cầm tay.</li> <li>• Khi có mưa bão thường mất điện.</li> <li>• Đội ứng phó chưa được</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có Ban chỉ huy phòng chống lụt bão, được phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên phụ trách địa bàn dân cư.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đầu tư nâng cấp hệ thống truyền thanh, lắp đặt các bảng tin tại cộng đồng.</li> <li>• Cần được tập huấn kỹ năng kiến thức, trang thiết bị phòng ngừa ứng phó thảm họa như xuống máy, máy phát điện, âm thanh lưu động, loa cầm</li> </ul>
--	--	--	--

	<p>tập huấn, trang thiết bị không có. (thuyền, áo phao, phao cứu sinh, đèn pin, ụng, ...).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tỷ lệ trẻ em biết bơi thấp, chưa được thực hành bơi dẫn đến đuối nước.</li> <li>• Một số hộ dân còn chủ quan trong công tác phòng chống lụt bão.</li> <li>• Lao động chính, người có sức khỏe đi làm ăn xa nên thiếu lực lượng ứng cứu khi có thiên tai xảy ra.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có hệ thống loa truyền thanh đến xóm.</li> <li>• Lực lượng ứng phó tại 3 HTX được thành lập và phân công cụ thể.</li> </ul>	<p>tay..v.v...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xây bể bơi, tập huấn bơi, tập huấn sơ cấp cứu cho cộng đồng và trường học.</li> <li>• Nhà trường và gia đình phối hợp tuyên truyền nhắc nhở.</li> <li>• Tuyên truyền tập huấn nâng cao nhận thức cho người dân, giáo viên và học sinh về kiến thức phòng ngừa thảm họa và biến đổi khí hậu.</li> </ul>
--	--	--	--

### TỔ CHỨC XÃ HỘI VÀ CHÍNH QUYỀN

<p><b>Công tác điều hành phòng chống thiên tai lụt bão còn khó khăn</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thiếu kinh phí, điều kiện phương tiện cho việc phục vụ phòng chống thiên tai.</li> <li>• Sự phối kết hợp giữa các tổ chức, các ngành và người dân chưa chặt chẽ, đồng bộ trước, trong và sau thiên tai.</li> <li>• Việc lồng ghép giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế xã</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có Ban chỉ huy phòng chống lụt bão, được phân công nhiệm vụ cụ thể và phụ trách các xóm, các Hợp tác xã.</li> <li>• Tổ chức lực lượng ứng phó trực 24/24 trong mùa mưa bão.</li> <li>• Hằng năm có tổ chức sơ kết rút kinh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cần tập huấn và trang bị cho các thành viên BCH PCLB và đội xung kích cứu hộ cứu nạn.</li> <li>• Cần có cơ chế chính sách, kinh phí, điều kiện, phương tiện phòng chống thiên tai, kêu gọi nguồn lực thực hiện nhiều hơn, tốt hơn các biện pháp giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng BĐKH.</li> <li>• Cần tiếp nhận và triển khai các dự án giảm nhẹ rủi ro thảm họa và thích ứng BĐKH như dự án VFD.</li> <li>• Cần lồng ghép kế hoạch giảm thiểu rủi ro vào kế hoạch phát triển</li> </ul>
---	--	--	---

	hội của xã còn hạn chế.	nghiệm công tác phòng chống thiên tai và đề ra kế hoạch năm tiếp theo. • Đã có 2 điểm canh đê phòng chống lụt bão, có phân công cụ thể cho các thành viên trong xóm.	kinh tế xã hội; các chương trình hành động của các tổ chức đoàn thể xã hội. • Quan tâm các chính sách phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo gắn quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng và thích ứng BĐKH. • Duy trì diễn tập phòng ngừa ứng phó thảm họa hằng năm.
--	-------------------------	---	--

Bảng 6. Phân tích TTDTBT, KN theo các học phần

#### 4. Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro

##### 4.1. Nhận diện các vấn đề quan tâm của cộng đồng

Qua đánh giá thu thập, phân tích thông tin và qua phỏng vấn 20 hộ về rủi ro thiên tai, có 20 ý kiến lo sợ sập nhà và thiệt hại tài sản; 1 ý kiến lo sợ mất liên lạc; 9 ý kiến lo sợ tai nạn thương tích; 20 ý kiến lo sợ chết người, 20 ý kiến sợ chết cây trồng, 12 ý kiến lo sợ chết vật nuôi và 9 ý kiến lo lắng mất đất sản xuất. Do vậy, Nhóm đánh giá nhận diện các vấn đề quan tâm của cộng đồng xã Hải Hòa như sau:

❖ Người dân lo lắng về an toàn tính mạng và tài sản khi có bão lớn, vỡ đê xảy ra (bão gió mạnh từ cấp 10 trở lên). Bên cạnh đó, kiến thức, kỹ năng, phương tiện cứu hộ cứu nạn cho lực lượng cứu hộ và người dân còn thiếu và chưa có. Những hộ dân sống ven đê biển nhà ở thiếu kiên cố, xuống cấp nhiều, đường cứu hộ xuống cấp, nhỏ hẹp khó khăn cho việc cứu hộ cứu nạn.

❖ Sinh kế của người dân xã Hải Hòa chủ yếu là trồng lúa, trồng màu, chăn nuôi, làm muối, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại đều chịu ảnh hưởng, tác động thiên tai, biến đổi khí hậu.

• Trồng lúa hai vụ bấp bênh do thời tiết khắc nghiệt, phát sinh dịch bệnh, côn trùng phá hại mùa màng. Diện tích trồng lúa không nhiều (175,3 ha) nhưng có gần 100 ha thường ngập úng vụ mùa và nhiễm mặn vụ chiêm. Do vậy, trồng lúa



thu nhập lãi rất thấp, nhưng phải sản xuất lúa nhằm đảm bảo cung cấp lương thực cho địa phương và góp phần an ninh lương thực Quốc gia.

- Thực trạng diện tích đất trồng màu ngày càng tăng thêm từ diện tích trồng lúa và làm muối kém hiệu quả. Nhưng chủ yếu do người dân tự chuyển đổi cây trồng, cơ cấu mùa vụ để giảm thiểu rủi ro, đảm bảo thu nhập đời sống, thiếu hướng dẫn, giá cả bấp bênh, sản phẩm tiêu thụ thiếu ổn định, chưa có mô hình thí điểm sản xuất bền vững.

- Trồng cây cảnh là một trong các loại hình sinh kế năng động và sáng tạo của người dân trong vài năm trở lại đây cho thu nhập cao và đã hình thành hai làng nghề cung cấp cây cảnh cho nhiều tỉnh trong cả nước, giải quyết lao động có thêm việc làm tại địa phương. Nhưng hiện nay đang gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ, giá cả bấp bênh, nhất là cây sanh, đang có sự trăn trở của người dân.

- Chăn nuôi là nghề truyền thống, nhân dân duy trì chăn nuôi giải quyết lao động nông nhàn, tận dụng thức ăn dư thừa, lấy công làm lãi. Chăn nuôi còn nhỏ lẻ, chăn nuôi trang trại còn ít và rủi ro dịch bệnh lãi thấp, có khi bị thua lỗ. Nhưng người dân vẫn chăn nuôi còn kết hợp lấy phân bón cây trồng.

- Nuôi trồng thủy hải sản là lĩnh vực đầu tư vốn lớn, thu nhập khá, giải quyết được nhiều lao động có việc làm nhưng luôn bị ảnh hưởng thời tiết, khí hậu, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh ở tôm, cá, rủi ro cao.

- Làm muối là nghề đầu tư vốn ít, phù hợp với hộ nghèo, cận nghèo thiếu vốn, lao động phổ thông làm được không đòi hỏi nhiều về kiến thức khoa học kỹ thuật. Nhưng giá muối rẻ, tiêu thụ khó khăn, muối làm ra không tiêu thụ được, bảo quản khó khăn, dễ bị thiệt hại. Mặt khác tác động ảnh hưởng thời tiết cực đoan gây thiệt hại sản xuất muối, giảm sản lượng, thất thu, ảnh hưởng thu nhập, đời sống khó khăn. Người dân muốn chuyển đổi diện tích làm muối sang trồng màu, trồng cây lương thực hoặc nuôi trồng thủy hải sản nhưng Nhà nước chưa cho phép, họ thiếu vốn không thể tự chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

- Nghề đánh bắt hải sản của ngư dân trong xã chủ yếu là đánh bắt gần bờ, phương tiện đánh bắt chủ yếu là thuyền nhỏ, do tác động biến đổi khí hậu và ý thức của ngư dân nên nguồn lợi hải sản gần bờ ngày càng cạn kiệt, dẫn đến đánh bắt hải sản thu nhập thấp, thiếu ổn định bền vững.

- Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại đang mở ra nhưng chưa nhiều, đầu ra còn khó khăn, chưa tạo thêm nhiều việc làm tại chỗ cho người lao động địa phương và ít rủi ro thiên tai, thu nhập khá, góp phần 50% cơ cấu kinh tế của xã. Nhưng thực trạng việc làm không ổn định, thu nhập bấp bênh, lao động thiếu việc làm còn nhiều, hàng năm có khoảng 30% lao động trong xã phải đi làm ăn xa (ngoài địa phương) để kiếm sống.

❖ Rác thải, nước thải, phân thải làm ô nhiễm môi trường và chất lượng nước ăn uống, sinh hoạt chưa đảm bảo ảnh hưởng sức khỏe, dịch bệnh dễ xảy ra ở người và vật nuôi.

#### 4.2. Xếp hạng ưu tiên các vấn đề tại địa phương

STT	Vấn đề	Cụm 1	Cụm 2	Cụm 3	Xếp hạng toàn xã
1	Người dân lo lắng về an toàn tính mạng, tài sản khi có thiên tai.	1	1	1	Hạng I
2	Người dân lo lắng thiệt hại trồng lúa và cây màu giảm năng suất thu nhập thấp, ảnh hưởng đến đời sống.	2	2	2	Hạng II
3	Người dân lo lắng nguồn nước sinh hoạt chưa đảm bảo chất lượng ảnh hưởng đến sức khỏe.	3	4	3	Hạng III
4	Người dân lo lắng ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe, bệnh tật.	4	3	4	Hạng IV
5	Đường giao thông đi lại trục xóm còn khó khăn, không an toàn khi sơ tán trong mùa mưa bão.	5	4	5	Hạng V
6	Người dân lo lắng đánh bắt hải sản gần bờ thu nhập thấp thiếu ổn định ảnh hưởng đến việc làm và đời sống.	6	5	6	Hạng VI
7	Người dân lo lắng thiệt hại nuôi trồng thủy hải sản, mất vốn ảnh hưởng đến đời sống.	8	7	7	Hạng VII
8	Người dân lo lắng làm muối thu nhập thấp, ảnh hưởng đến việc làm, đời sống.	7	8	8	Hạng VIII

Bảng 7. Xếp hạng các vấn đề ưu tiên của cộng đồng

Từ 8 vấn đề bức xúc của người dân nêu trên hợp thành 6 vấn đề lớn dưới đây:

#### 4.3. Vấn đề, nguyên nhân

**4.3.1. Vấn đề 1: Người dân lo lắng không an toàn tính mạng, nhà cửa, tài sản khi có bão, lụt, nhất là bão lớn (siêu bão).**

**Nguyên nhân:** Đê biển dài 3,2 km có cao trình đê thấp, 1,6 km mái đê chưa được mở kè (khả năng đê biển như hiện nay chỉ chịu được gió bão cấp 9), nhiều đoạn đê xuống cấp, rạn nứt dễ vỡ khi có mưa bão lớn kết hợp với nước biển dâng cao tràn đê; có 500 hộ với 2.000 người ở ven đê biển nhưng nhà bán kiên cố,

xuồng cấp không an toàn trước thiên tai. Người dân còn chủ quan trong phòng chống lụt bão, hiểu biết về kiến thức phòng ngừa ứng phó thiên tai còn hạn chế. Hệ thống thông tin cảnh báo sớm thiếu và yếu (hệ thống loa truyền thanh xuồng cấp, thiếu cụm loa, chưa có âm ly lưu động, loa cầm tay, tại các vùng xung yếu). Lực lượng ứng phó được thành lập đông về số lượng, nhưng chất lượng ứng phó hạn chế (chưa được tập huấn kiến thức kỹ năng và chưa được trang bị phương tiện cứu hộ cứu nạn). Các điểm sơ tán xa, nhất là các xóm Cồn Tròn Đông, Cồn Tròn Tây và Xuân An chưa có nhà tránh trú, đường đi sơ tán nhỏ hẹp, xuồng cấp, điểm sơ tán cách xã 3 km. Nhiều xóm dân cư giáp các tuyến sông, đường đi sơ tán trùng thấp gặp khó khăn di dời khi có thiên tai phải qua sông nhưng chưa có phương tiện tàu thuyền.

#### **4.3.2. Vấn đề 2: Trồng lúa và cây màu thường bị thiệt hại, giảm năng suất.**

*Nguyên nhân:* Thời tiết thay đổi bất thường gây ra dịch bệnh rầy nâu, chuột phá hại lúa; có gần 100 ha ruộng lúa vùng trũng, giáp sông, sát biển thường bị ngập úng vụ mùa và nhiễm mặn vụ chiêm (diện tích cây màu ngập úng và nhiễm mặn còn nhiều hơn); kênh mương và các tuyến sông, cống, đập bị bồi lấp, nông cạn, nhiều bèo, rác thải tắc nghẽn nên tiêu thoát nước kém; chưa có trạm bơm chống úng. Bên cạnh đó lao động trồng lúa, trồng màu phần lớn là phụ nữ và người già, trẻ em (nam giới đi làm ăn xa và lao động ngành nghề khác như thợ nề, mộc, hàn) nên khả năng chăm sóc ruộng lúa, tiếp thu và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế.

#### **4.3.3. Vấn đề 3: Người dân lo lắng ảnh hưởng đến sức khỏe do ô nhiễm môi trường và chất lượng nước sinh hoạt chưa đảm bảo.**

*Nguyên nhân:* Rác thải (rác thải thu gom 1 lần/tuần, nên rác tồn đọng tại gia đình, khu dân cư nhiều ngày gây bốc mùi, ô nhiễm môi trường); chất thải chăn nuôi hộ gia đình, gia trại xen kẽ khu dân cư; nhà vệ sinh chưa hợp vệ sinh còn cao, rác thải thu gom tại bãi chưa được xử lý hợp vệ sinh. Thực trạng nước ăn uống và sinh hoạt từ nguồn giếng khoan nhiễm phèn, nhiễm sắt cao (nhân viên tiếp thị thiết bị lọc nước dùng bút thử nước lấy lên từ giếng khoan có đến 40% tạp chất).

#### **4.3.4. Vấn đề 4: Ngư dân đánh bắt hải sản lo lắng thu nhập thiếu ổn định, ảnh hưởng đời sống.**

*Nguyên nhân:* Ngư dân chưa có phương tiện và kiến thức đánh bắt xa bờ; phương tiện đánh bắt thô sơ, xuồng cấp; trang thiết bị, ngư lưới cụ đánh bắt hải sản thường bị mất cắp; nguồn lợi hải sản ngày càng cạn kiệt do tác động của biến đổi khí hậu và ngư dân đánh bắt triệt chủng nhiều loài hải sản (vì lợi ích trước mắt đánh bắt cả hải sản nhỏ để kiếm sống).

#### **4.3.5. Vấn đề 5: Người dân lo lắng thiệt hại nuôi trồng thủy hải sản ảnh hưởng đến thu nhập.**

*Nguyên nhân:* Thời tiết khắc nghiệt nắng nóng kéo dài, rét đậm, mưa bất thường làm thay đổi độ mặn, cùng với Ô nhiễm nguồn nước do thuốc trừ sâu và chất thải trong chăn nuôi và sinh hoạt; chưa có quy hoạch và hệ thống kênh mương riêng dẫn nước ra vào phục vụ cho nuôi trồng thủy sản; thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật, con giống không đảm bảo chất lượng do không có cơ sở bán con giống tại địa phương, phải mua từ nơi khác về không kiểm soát được dịch bệnh.

#### **4.3.6. Vấn đề 6: Người dân lo lắng nghề làm muối thu nhập thấp không đảm bảo đời sống.**

*Nguyên nhân:* Do thời tiết cực đoan mưa gió thất thường; giá cả thấp; đầu ra tiêu thụ khó khăn; diện tích làm muối chưa được chuyển đổi.

### **4.4. Kế hoạch chuyển đổi vấn đề và giảm nhẹ rủi ro (xem phụ lục 8).**

## **5. Kết luận và khuyến nghị**

### **5.1. Kết luận 1: Nhân dân lo lắng thiệt hại tính mạng, nhà cửa, tài sản khi có bão, lụt, nhất là bão lớn (siêu bão).**

#### **Khuyến nghị 1**

##### **Đối với chính quyền địa phương:**

- Địa phương sớm đề xuất với cấp trên có dự án đầu tư nâng cấp cao trình đê biển, tiếp tục bỏ mở kè 1,6 km mái đê và tu bổ, gia cố các đoạn đê xuống cấp rạn nứt trở nên kiên cố chống chịu được bão lớn và nước biển dâng cao. Trước mắt xây dựng đường cứu hộ, bê tông hóa các đoạn đường khu dân cư và đường ra đồng chưa cứng hóa, tạo điều kiện đi lại thuận lợi và phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa thuận lợi, nhất là đi lại an toàn trong mùa mưa bão. Đặc biệt là sớm có kế hoạch nâng cấp mở rộng đường trục xóm Cồn Tròn Đông, Cồn Tròn Tây, Xuân An và Xuân Hà phục vụ sơ tán dân ra khỏi vùng nguy hiểm khi có thiên tai bão lụt xảy ra. Tổ chức vận động nhân dân và kêu gọi nhà tài trợ, con em quê hương ủng hộ xây dựng nhà cộng đồng làm nơi tránh trú bão an toàn đối với các xóm Cồn Tròn Đông, Cồn Tròn Tây, Xuân An có điểm sơ tán dân xa.

- Nâng cấp hệ thống Đài truyền thanh, lắp thêm các cụm loa vùng lõm trong khu dân cư, cung cấp trang thiết bị âm ly lưu động, loa cầm tay và các trang thiết bị phòng ngừa ứng phó thảm họa cho xã các xóm như: phao, áo phao, áo đi mưa, ủng, mũ bảo hiểm, cửa máy; thuyền và thuyền máy cho các xóm có đường đi sơ

tán qua sông. Lắp đặt các bảng tin, biển cảnh báo về thiên tai ở các đoạn đường, đề kè xung yếu, vùng có nguy cơ rủi ro cao nhằm cảnh báo sớm thiên tai, thảm họa cho người dân chủ động phòng chống.

- Tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức về phòng ngừa ứng phó thảm họa và biến đổi khí hậu cho cán bộ lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể xã, trưởng xóm, tình nguyện viên, giáo viên và học sinh. Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về PNUPTH cho người dân nhằm giảm thiểu rủi ro thiên tai, thảm họa và thích ứng BĐKH.

- Vận động nguồn lực giúp đỡ hộ nghèo và cận nghèo có điều kiện nâng cấp nhà ở an toàn; hỗ trợ kinh phí, cho vay lãi suất thấp. Đặc biệt quan tâm đối với sửa chữa nâng cấp nhà ở cho 500 hộ dân sống ven đê biển thường xuyên đối mặt với gió bão, nước biển dâng. Nên tìm kiếm nguồn tài trợ kinh phí xây dựng mô hình nhà ở hộ dân an toàn cho hộ nghèo trước thiên tai phù hợp với địa phương để người dân làm theo (có thể xây theo mẫu nhà phòng chống lụt bão của Bộ xây dựng).

- Khuyến cáo ngư dân không khai thác đánh bắt hải sản khi cảnh báo gió bão đề phòng chìm thuyền mất tài sản, lưới cụ, ảnh hưởng tính mạng.

#### **Đối với cộng đồng:**

- Thường xuyên cập nhật thông tin về thời tiết và cảnh báo thiên tai.

- Hướng dẫn người dân chủ động dự trữ lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, chằng chống nhà cửa, kê đồ đạc lên cao, chăm sóc người già, trẻ em, người khuyết tật khi có bão, lụt và sẵn sàng sơ tán đến nơi trú ẩn an toàn khi có thông báo của chính quyền.

- Phát huy tinh thần đoàn kết cộng đồng tương thân tương ái, giúp nhau trong phòng ngừa ứng phó thiên tai, hạn chế mức thấp nhất về rủi ro thiên tai, thảm họa.

- Đóng góp nguồn lực vật chất cùng với chính quyền triển khai các biện pháp giảm thiểu rủi ro ngay tại cộng đồng giải quyết những bức xúc và cấp thiết tại các khu dân cư như nâng cấp mở rộng đường cứu hộ, làm nhà cộng đồng để tránh trú an toàn khi có thiên tai.

**5.2. Kết luận 2:** Trồng lúa, trồng màu chịu nhiều rủi ro do tác động của thời tiết cực đoan (bão, ngập úng, mưa nắng bất thường, xâm nhập mặn, dịch bệnh). Cách ứng phó của người dân là những giải pháp còn rất đơn giản và cũng chưa có những giải pháp bền vững. Nhận thức của người dân về biến đổi khí hậu còn hạn chế.

### **Khuyến nghị 2:**

#### **Đối với chính quyền địa phương:**

- Tổ chức nhiều hơn các lớp tập huấn kiến thức về khoa học kỹ thuật trồng lúa. Theo dõi sát dự báo thời tiết khí hậu từ đầu năm, xây dựng lịch mùa vụ, kế hoạch chuyển đổi giống cây trồng phù hợp, giảm thiểu rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Có kế hoạch kiên cố kênh mương, đập cống và chủ động tổ chức nạo vét thường xuyên các tuyến sông, kênh mương khai thông dòng chảy phục vụ cho tưới tiêu cây lúa và cây màu; khảo sát thiết kế dự toán và lập kế hoạch tìm nguồn kinh phí lắp đặt các trạm bơm chống úng, chủ động phục vụ sản xuất theo lịch mùa vụ, giảm thiểu thiệt hại mùa màng do ngập úng và nhiễm mặn.

- Đề nghị đầu tư lắp đặt thêm 3 trạm biến áp, kéo mạng lưới điện ra nội đồng, cung cấp đủ điện cho sinh hoạt và điện phục vụ sản xuất lúa, màu, nuôi trồng thủy hải sản.

- Chỉ đạo các Hợp tác xã nông nghiệp thực hiện tốt dịch vụ cung cấp vật tư sản xuất nông nghiệp, giống chất lượng, bảo vệ thực vật, tiêu thụ sản phẩm đầu ra lương thực, rau màu, thương phẩm, tạo điều kiện trồng lúa và trồng màu ổn định thu nhập có lãi.

- Quan tâm qui hoạch xây dựng cánh đồng mẫu lớn, tạo điều kiện trồng lúa giảm chi phí, tăng thu nhập, có lãi.

- Xây dựng và tổng kết nhân rộng các mô hình trồng màu có hiệu quả, kể cả mô hình trồng màu vụ đông ở chân ruộng hai lúa, tạo điều kiện tiêu thụ nông sản, tăng thu nhập nâng cao đời sống người dân.

- Có chủ trương khuyến khích nuôi mèo bắt chuột, thu mua ốc bươu vàng, thu mua đuôi chuột, phát động và duy trì thường xuyên phong trào toàn dân diệt chuột, thu gom ốc bươu vàng, bảo vệ cây trồng.

- Cùng với việc khuyến khích nhân dân thực hiện chuyển đổi mùa vụ giống cây lương thực, rau màu có hiệu quả, quan tâm tạo điều kiện duy trì và phát triển 2 làng nghề cây cảnh như tổ chức các hình thức hội nghị biểu dương những gương mặt điển

hình sản xuất giỏi, duy trì sinh hoạt Hội sinh vật cảnh để chia sẻ kinh nghiệm, tìm đầu ra ổn định, tạo việc làm cho lao động, có thu nhập cải thiện đời sống.

#### **Đối với cộng đồng:**

- Phổ biến và trao đổi những kinh nghiệm trồng lúa, màu, cây cảnh có hiệu quả; chia sẻ kinh nghiệm cắt tỉa, tạo dáng cây cảnh.

- Hướng dẫn người dân cách chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh lúa, màu và cây cảnh có hiệu quả.

### **5.3. Kết luận 3: Nhân dân lo lắng ô nhiễm môi trường, chất lượng nước không đảm bảo ảnh hưởng sức khỏe, dịch bệnh.**

#### **Khuyến nghị 3**

##### **Đối với chính quyền địa phương:**

- Có biện pháp xử lý rác thải tại bãi rác tập trung hợp vệ sinh, tăng tần suất thu gom rác thải, tránh tình trạng rác thải tồn đọng tại hộ gia đình, khu dân cư gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng sức khỏe người dân.

- Hỗ trợ hộ nghèo và cận nghèo có điều kiện làm hố xí hợp vệ sinh. Chủ động tìm kiếm nguồn kinh phí thông qua các Hội, đoàn thể, nhà tài trợ để hỗ trợ các hộ chăn nuôi có điều kiện thí điểm mô hình làm hầm bi ô ga xử lý phân vật nuôi hợp vệ sinh, có khí đốt dùng trong hộ dân, tiết kiệm chi phí chất đốt, cùng với việc hướng dẫn người dân làm hố ga xử lý nước thải hợp vệ sinh làm sạch môi trường, phòng ngừa bệnh dịch xảy ra từ ô nhiễm môi trường. Về lâu dài nên có quy hoạch xây dựng hệ thống xử lý nước thải công cộng, xây dựng các mô hình xử lý nước thải, chất thải chăn nuôi hợp vệ sinh. Trước mắt cần quy hoạch trang trại chăn nuôi tập trung xa khu dân cư, giảm phát thải ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng sức khỏe người dân.

- Thực trạng nước dùng từ giếng khoan để ăn, uống và sinh hoạt chưa đảm bảo chất lượng do người dân cho rằng có nhiều tạp chất, nên cần có kiến nghị các ngành chức năng gửi xét nghiệm mẫu nước để có khuyến cáo cho người dân cách xử lý và dùng nước hợp vệ sinh đảm bảo sức khỏe. Đồng thời có kế hoạch tuyên truyền cho người dân tiết kiệm nước ngay từ bây giờ bằng cách hướng dẫn xây dựng dự trữ và sử dụng nước mưa hợp vệ sinh, khai thác mạch nước ngầm hợp lý, thí điểm và hướng dẫn mô hình xây bể lọc nước sạch hộ gia đình, cộng đồng, trường học hợp vệ sinh. Đồng thời sớm có kế hoạch xây dựng đề án cung cấp nước sạch tập trung cho người dân trong tương lai gần.

### **Đối với cộng đồng:**

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, thu gom xử lý rác thải, nước thải, phân chăn nuôi gia súc gia cầm và làm hố xí hợp vệ sinh phòng chống các bệnh dịch xảy ra ở người lây qua đường nước, vệ sinh môi trường.

### **5.4. Kết luận 4: Ngư dân đánh bắt hải sản lo lắng thu nhập thiếu ổn định, ảnh hưởng đời sống.**

#### **Khuyến nghị 4**

##### **Đối với chính quyền địa phương:**

- Tạo điều kiện cho ngư dân vay vốn đóng tàu thuyền công suất lớn đánh bắt xa bờ; khuyến khích ngư dân đầu tư lớn cho đánh bắt xa bờ có thu nhập ổn định và tạo điều kiện phát triển dịch vụ nghề cá, chế biến thủy hải sản tạo điều kiện lao động có thêm việc làm.

- Thực hiện thông tin cảnh báo sớm về tình hình diễn biến thiên tai, nhất là gió bão kịp thời để ngư dân chủ động phòng ngừa né tránh thiên tai.

- Tổ chức lực lượng dân phòng phối hợp với Đoàn Biên phòng tăng cường tuần tra kiểm soát ban đêm ở khu vực thuyền neo đậu và đánh bắt, bảo vệ phương tiện ngư lưới cụ, tạo điều kiện ngư dân yên tâm đầu tư đánh bắt.

- Trước mắt động viên ngư dân không bỏ nghề, chuyển nghề, duy trì đánh bắt gần bờ nhưng nghiêm cấm việc dùng xung điện, dùng lưới nhỏ bắt tất cả các loài hải sản lớn nhỏ làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản.

##### **Đối với cộng đồng:**

Thường xuyên cập nhật thông tin về thời tiết và cảnh báo thiên tai kịp thời cho ngư dân, chú trọng cảnh báo qua tin nhắn điện thoại di động.

- Phát huy tinh thần đoàn kết bảo vệ thuyền, phương tiện, ngư lưới cụ an toàn, sẵn sàng chia sẻ thông tin, kinh nghiệm khai thác đánh bắt hải sản an toàn, hiệu quả.

### **5.5. Kết luận 5: Nuôi trồng thủy hải sản là nghề đầu tư lớn nhưng cũng chịu nhiều rủi ro.**

#### **Khuyến nghị 5**

##### **Đối với chính quyền địa phương:**

- Cần sớm qui hoạch nuôi trồng thủy hải sản, tạo điều kiện làm kênh mương riêng dẫn nước vào ra ao hồ nuôi trồng thủy hải sản tránh ô nhiễm nguồn nước do nhiễm thuốc trừ sâu, chất thải, nước thải gây thiệt hại về sản lượng tôm, cá.



- Tổ chức tuyên truyền cho người dân có kiến thức khoa học kỹ thuật về nuôi trồng thủy hải sản, tổ chức nhiều hơn các hình thức tập huấn, hội thảo, hội nghị, cung cấp tài liệu giới thiệu kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm nuôi trồng, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nuôi trồng thủy hải sản có hiệu quả.

- Cần có chủ trương, chính sách như cấp đất, cho thuê đất dài hạn, vay vốn lãi suất thấp, thực hiện miễn giảm thuế nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa phương liên kết vốn, kỹ thuật sản xuất con giống các loài hải sản tại địa phương và dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi trồng thủy hải sản, tiêu thụ sản phẩm đầu ra thuận lợi. Trước mắt giới thiệu các nhà cung cấp con giống chất lượng tốt ở ngoài địa phương cho người dân có nhiều cơ hội lựa chọn giống đạt chuẩn để nuôi trồng phòng tránh dịch bệnh; tạo điều kiện cung cấp con giống đảm bảo chất lượng, có khả năng miễn dịch cao.

- Quan tâm tổ chức các lớp tập huấn cho các hộ nuôi trồng thủy hải sản về giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu, cung cấp thông tin, cảnh báo sớm và hướng dẫn các biện pháp an toàn ao, đầm trước thiên tai.

#### **Đối với cộng đồng:**

- Thường xuyên cập nhật thông tin về thời tiết và cảnh báo thiên tai kịp thời cho hộ nuôi trồng thủy hải sản bằng nhiều cách, chú trọng cảnh báo qua tin nhắn điện thoại di động.

- Phát huy tinh thần đoàn kết bảo vệ ao, đầm an toàn, sẵn sàng chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau.

- Chia sẻ kinh nghiệm xử lý ao đầm vệ sinh, cho thức ăn vừa đủ xuống ao đầm, cách xử lý rong rêu chết gây ô nhiễm ao đầm có hiệu quả, phòng ngừa dịch bệnh tôm, cá.

### **5.6. Kết luận 6: Người dân lo lắng nghề làm muối thu nhập thấp không đảm bảo đời sống.**

#### **Khuyến nghị 6:**

##### **Đối với chính quyền địa phương:**

- Muối rất cần thiết cho đời sống con người, nhưng thực trạng nghề làm muối trên địa bàn xã không còn nhiều hộ làm, diện tích sản xuất muối do làm ăn không có hiệu quả nên người dân đã chuyển dần sang nuôi trồng thủy hải sản và làm màu có thu nhập tăng gấp 3, 4 lần so với làm muối. Hiện tại toàn xã còn hơn 10 hộ làm muối với vài ha là không nhiều, thu nhập rất thấp, thiếu ổn định đời sống họ rất muốn được chuyển sang trồng màu, nuôi trồng thủy hải sản nhưng do nghèo, thiếu vốn. Đề nghị cần khảo sát thực tế kiến nghị với cấp thẩm quyền cho phép và hỗ trợ

kinh phí để họ có điều kiện chuyển đổi đất làm muối sang nuôi trồng thủy hải sản và trồng màu, đảm bảo thu nhập ổn định đời sống.

**Đối với cộng đồng:**

- Thực hiện đoàn kết giúp đỡ cải tạo đất làm muối sang trồng màu, nuôi trồng thủy hải sản; giúp đỡ hỗ trợ giống cây trồng có năng suất cao.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

✚ Báo cáo “*kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2014*” số 35/BC-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2013 xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

✚ Báo cáo “*phòng chống lụt bão*” xã Hải Hòa năm 2013.

✚ Báo cáo “*y tế*” xã năm 2013.

✚ Báo cáo Hội Phụ nữ năm 2012.

✚ Báo cáo Phụ nữ năm 2013.

✚ Sổ tay dành cho hướng dẫn viên đánh giá VCA Hội Chữ thập đỏ Việt Nam GPXB số 77/GP-CXB ngày 29/8.

## PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC 1. GIỚI THIỆU VỀ ĐÁNH GIÁ VCA

#### Thành viên Nhóm đánh giá VCA

TT	Họ và tên	Đơn vị	Chức danh
01	Bà Hoàng Thị Huyền	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	<i>Trưởng nhóm</i>
02	Bà Trần Thị Mai	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên
03	Ông Nguyễn Văn Hậu	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên
04	Ông Trần Quốc Đại	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên
05	Ông Ngô Ngọc Gang	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên
06	Bà Cao Thị Giang	Hội CTĐ tỉnh Nam Định	Thành viên

#### **Nhóm hỗ trợ kỹ thuật:**

- Ông Trần Đình Ký, Tập huấn viên VCA cấp Quốc gia, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.
- Bà Vũ Hồng Anh, Điều phối viên cấp Quốc gia dự án VFD, Hội Chữ thập đỏ Mỹ.
- Bà Đinh Thị Minh Nguyệt, Cán bộ dự án, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

#### **Nhóm hỗ trợ hậu cần:**

- Nguyễn Thị Lành, nhân viên phục vụ văn phòng UBND xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

## PHU LUC 2. BẢNG PHÂN TÍCH SWOT

**Xã: Hải Hòa**

<b>SINH KẾ</b>	
<b>ĐIỂM MẠNH</b>	<b>ĐIỂM YẾU</b>
<p><i>Sinh kế của xã đa dạng ngành nghề, lao động cơ bản có việc làm tăng thu nhập, ổn định đời sống người dân và tạo điều kiện phát triển kinh tế - văn hóa xã hội của xã.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Nghề trồng lúa sản xuất 2 vụ trong năm đảm bảo lương thực cung cấp cho địa phương.</b></li> </ul> <p>Có khoảng 40% số hộ trồng lúa trong đó lao động chính là nữ chiếm 60%. Trồng lúa với diện tích 175,3 ha. Hệ thống kênh mương đảm bảo để phục vụ cho sản xuất. Năng suất lúa bình quân đạt 117,7 tạ/ha. Vụ chiêm đạt 67,7 tạ/ha (2 - 2,2 tạ/sào), vụ mùa đạt 50 tạ/ha (1 - 1,5 tạ/sào). Có khoảng 15 máy cày, máy bừa và 10 máy tuốt lúa phục vụ sản xuất. Người dân được Ngân hàng phát triển Nông thôn và Ngân hàng Chính sách cho vay vốn để đầu tư sản xuất. Ở địa phương có 3 dịch vụ cung cấp giống, vật tư phục vụ cho sản xuất. Có tổ nhóm đổi công cho nhau khi gặt và cấy lúa. Nhân dân có kinh nghiệm trong sản xuất, chọn giống lúa đạt năng suất cao vào gieo trồng như lúa tạp giao, C14, C15.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Nghề trồng màu cung cấp rau, củ, quả trong và ngoài địa phương, góp phần tăng thu nhập đời sống</b></li> </ul> <p>Có khoảng 1.400 hộ trồng màu trong đó lực lượng lao động chính là nữ chiếm 50%. Trồng màu với các loại cây chủ yếu là hành, cà chua, bắp cải, cà rốt, củ cải, dưa lê, dưa leo... với diện tích khoảng 120 ha trong đó có 100 ha trồng qui hoạch tập trung còn 20 ha trồng ở các hộ gia đình. Hàng năm thu nhập bình quân khoảng 120 - 150 triệu đồng/ha (6 triệu đồng/sào/năm 3 vụ). Có khoảng 6 dịch vụ cung cấp giống, vật tư và thu mua sản phẩm. Hàng năm người dân được tập huấn kỹ thuật ( từ 2 - 3 lần trở lên).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Có 2 làng nghề trồng cây xanh (xóm Tân Hùng và Xuân Hà) cung cấp cho các tỉnh trong nước, góp phần tăng thu nhập cải thiện đời sống</b></li> </ul> <p>Có khoảng 400 hộ trồng cây xanh với diện tích khoảng 40ha chủ yếu là cây bon sai và cây phôi bé. Lao động</p>	<p>Việc tiêu nước ở khu vực đồng trũng còn gặp nhiều khó khăn (các xóm: Xuân Phong, Xuân Hà, Xuân Thịnh) vì chưa có máy bơm nước. Diện tích trồng lúa chưa qui hoạch tập trung nên chưa xây dựng được cánh đồng mẫu lớn và chưa đưa cơ giới hóa vào sản xuất. Chi phí cho sản xuất giá thành cao nên thu nhập từ nghề trồng lúa thấp. Đường giao thông nội đồng nhỏ hẹp đi lại gặp khó khăn.</p> <p>Chưa có hệ thống nước tưới cho trồng màu, các gia đình tự khoan giếng để lấy nước ngọt tưới cây. Giá cả sản phẩm trồng màu thấp, không ổn định. Hệ thống tiêu nước một số diện tích trong khu dân cư có lúc bị ngập úng do hệ thống tiêu nước kém (kênh mương nhỏ hẹp, còn bèo cản dòng chảy). Sản xuất thủ công nên còn phải thuê khoán người làm.</p> <p>Trong những năm gần đây do giá cả thị trường thấp, nên việc tiêu thụ cây cảnh chậm.</p>

chính là nam chiếm 80%. Thu nhập bình quân khoảng 540 triệu/ha/năm (20 triệu/sào/năm). Người dân được các ngân hàng cho vay vốn để đầu tư sản xuất. Sản phẩm cung cấp cho các tỉnh trong cả nước. Hàng năm xã tổ chức 1 - 2 lần hội thảo để truyền đạt kỹ thuật. Có tổ nhóm đi làm công uốn tia cây thế. Người dân có kinh nghiệm và kỹ thuật trồng chăm sóc cây cảnh.

- **Ngoài ra trong xã còn có 50 hộ làm nghề sản xuất muối** ở các xã Xuân Đài Đông, Xuân Đài Tây, Xuân Trung, Xuân Hà với diện tích khoảng 5,08 ha, sản lượng thu được khoảng 381 tấn/năm, năng suất khoảng 75 tấn/ha, thu nhập khoảng 40.000 đồng/ngày.

- **Trong xã có khoảng 95 hộ dân nuôi trồng thủy hải sản, đặc biệt là nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cua, cá mú, cá vược, cá chuối (cá lóc bông) cung cấp trong và ngoài địa phương.**

- Diện tích nuôi trồng thủy sản khoảng 40 ha trong đó nước lợ khoảng 30 ha còn lại 10 ha là nước ngọt. Diện tích nuôi trồng tập trung khoảng 20 ha ở ven đê biển thuộc xóm Xuân Trung và Cồn Tròn Đông, Cồn Tròn Tây. Lao động chính là nam chiếm 90%. Thu nhập tôm thẻ chân trắng khoảng 350 -400 triệu/ha. Tôm sú, cá vược, cá lóc bông thu nhập khoảng 150 - 200 triệu/ha. Sản phẩm cung cấp cho các tỉnh trong nước. Người dân được các ngân hàng cho vay vốn để đầu tư sản xuất. Có 2 dịch vụ cung cấp vật tư và giống (chủ yếu là giống cua).

- Có khoảng 200 hộ đánh bắt hải sản gần bờ, lực lượng lao động chính là nam chiếm 95%. Có khoảng 120 thuyền, mùng đánh bắt hải sản. Thu nhập khoảng 50 - 60 triệu/hộ/năm.

- **Chăn nuôi lợn, gà, vịt, ngan, trâu, bò, dê người dân tích cực duy trì có khoảng 700 hộ chăn nuôi cung cấp thực phẩm trong và ngoài địa phương.**

Đàn lợn khoảng 3.350 con, 45 con trâu, bò; 50 con dê; gia cầm 32.000 con. Thu nhập khoảng 5 triệu đồng/hộ/năm. Cán bộ thú y của xã có chuyên môn; người dân có kinh nghiệm chọn giống tốt vào trong chăn nuôi.

- **Tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ phát triển tạo việc làm và tăng thu nhập cho nhân dân.**

Nghề thợ xây có khoảng 600 lao động trong đó nam chiếm 70%, nghề thợ mộc có khoảng 40 lao động trong đó nam chiếm 90%, nghề thợ hàn có khoảng 30 lao động

Giá muối thấp không đáp ứng ngày công lao động nên người dân đã chuyển đổi diện tích sản xuất muối sang trồng màu.

Thời tiết khắc nghiệt, nguồn nước bị ô nhiễm do nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ không theo qui hoạch. Con giống phải nhập từ nơi khác về chất lượng chưa cao. Giá cả đầu ra phụ thuộc vào tư thương.

Phương tiện đánh bắt con thô sơ. Sản phẩm đánh bắt được bị tư thương ép giá.

Các xóm chưa có cán bộ thú y. Chăn nuôi chưa được qui hoạch, giá đầu ra thấp, vốn đầu tư cao.

Công việc thợ xây không ổn định. Dịch vụ cơ khí nghề thợ hàn phát

<p>trong đó nam chiếm 95%. Thu nhập các nghề trên khoảng 170.000 đồng/ngày. Ngoài ra còn có nghề dệt cước, nghề đan lưới tại gia đình (trong đó nghề dệt cước khoảng 50 lao động, nữ chiếm 98%, thu nhập khoảng 120.000 đồng/ngày. Nghề đan lưới có khoảng 1.000 lao động trong đó nữ chiếm 98% thu nhập 30.000 đồng/ngày). Trong xã có 3 xưởng may mỗi xưởng có khoảng 60 người, thu nhập khoảng 100.000 đồng/ngày.</p>	<p>triển chậm. Độ an toàn khi làm thợ mộc chưa cao, máy móc còn thô sơ. Nghề dệt cước và đan lưới còn phụ thuộc vào chủ hàng. Nghề thợ may thu nhập thấp.</p>
<p style="text-align: center;"><b>CƠ HỘI</b></p> <p>Đang thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.</p>	<p style="text-align: center;"><b>THÁCH THỨC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Do ảnh hưởng thời tiết mưa nhiều, vụ lúa mùa dịch bệnh phát sinh, năng suất giảm 50 - 70%.</li> <li>• Nghề trồng màu thường mất mùa giảm năng suất vào tháng 2, 3 hằng năm do gần biển có nhiều sương muối, đất chua mặn.</li> <li>• Những năm gần đây thời tiết mưa nắng thất thường, mưa nhiều hơn những năm trước nên thu nhập từ làm muối thấp.</li> <li>• Đánh bắt hải sản còn gặp khó khăn do thời tiết mưa bão, biển động thường bị mất lưới.</li> <li>• Do thời tiết tháng 2, 3 mưa nhiều phát sinh dịch bệnh trong chăn nuôi gia súc gia cầm.</li> <li>• Thiếu nguồn vốn đầu tư của nhà nước vào cơ sở hạ tầng.</li> </ul>
<b>ĐIỀU KIỆN SỐNG CƠ BẢN</b>	
<p style="text-align: center;"><b>ĐIỂM MẠNH</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhà kiên cố chiếm tỷ lệ 35%; nhà bán kiên cố 50%.</li> <li>• 70% đường trong xã đã được bê tông.</li> <li>• 100% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia.</li> <li>• 95% hộ dân có phương tiện xe máy để đi lại.</li> <li>• Giáo dục: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường tiểu học 1 đạt chuẩn giai đoạn 2 với 20 lớp, 33 giáo viên và 643 học sinh, chia làm 2 khu được xây dựng kiên cố và bán kiên cố.</li> <li>- Trường trung học đang xét chuẩn giai đoạn 2 với</li> </ul> </li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>ĐIỂM YẾU</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Nhà xuống cấp không đảm bảo trước mùa mưa bão 15%.</li> <li>• Hệ thống đường dây điện tới một số hộ dân chưa đảm bảo, không an toàn nhất là trong mùa mưa bão. Công suất điện còn yếu không đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt.</li> <li>• Có 3 km đường liên xã Hòa Cường bị xuống cấp nghiêm trọng;</li> </ul>

<p>11 lớp, 25 giáo viên và 458 học sinh, được xây dựng kiên cố.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường mầm non đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 1 với 16 lớp, 33 giáo viên và 555 cháu chia làm 3 khu được xây dựng kiên cố và bán kiên cố.</li> </ul> <p>Nhìn chung các giáo viên ở các cấp học đều đạt chuẩn và trên chuẩn. Công tác khuyến học, khuyến tài được xã hội quan tâm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Y tế :       <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trạm y tế đã đạt chuẩn quốc gia với 6 cán bộ trong đó 1 bác sĩ, 1 nữ hộ sinh, 2 điều dưỡng, 1 CB dược, 1 lương y có 2 quầy thuốc tư nhân.</li> <li>- 61,38% người dân tham gia bảo hiểm y tế.</li> <li>- 12/12 xóm có cán bộ y tế được đào tạo chuyên môn.</li> <li>- Có đội, xe thu gom rác thải 2 lần/tuần.</li> <li>- 100% người dân dùng nước giếng khoan và nước mưa để sinh hoạt.</li> <li>- 87% hộ dân có hố xí hợp vệ sinh.</li> <li>- 12/12 xóm xây dựng được nhà văn hóa bằng nguồn đóng góp chủ yếu của người dân.</li> </ul> </li> </ul>	<p>30% đường dong xóm còn nhỏ, hẹp bất tiện cho việc đi lại.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Trường trung học cơ sở còn thiếu phòng chức năng; tỷ lệ học sinh không theo học cấp 3 cao khoảng 32%.</li> <li>• Tỷ lệ người dân tham gia BHYT thấp.</li> <li>• Tỷ lệ sinh con thứ 3 cao chiếm 11%.</li> <li>• Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cao 14%.</li> <li>• Bãi rác tập trung chưa được xử lý.</li> <li>• Chất lượng nước giếng khoan còn nhiễm sắt, nhiễm mangan; nước mưa còn nhiều tạp chất.</li> <li>• 13% hộ dân có hố xí còn không đảm bảo vệ sinh.</li> <li>• Hệ thống loa truyền thanh xuống cấp, không đủ công suất. 40% người dân chưa được tiếp cận với phương tiện truyền thông của xã.</li> <li>• Hệ thống kênh mương chưa đảm bảo nên việc điều tiết nước không chủ động được.</li> <li>• Hệ thống thoát nước khu dân cư chưa được xây dựng nên sau khi có mưa khoảng 3 h gây ngập úng tại một số khu dân cư.</li> </ul>
<p style="text-align: center;"><b>CƠ HỘI</b></p> <p>Xã đang triển khai xây dựng nông thôn mới và đã đạt được 16/19 tiêu chí. Phần đầu cuối năm 2014 sẽ hoàn thành 19 chỉ tiêu.</p>	<p style="text-align: center;"><b>THÁCH THỨC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hệ thống đê biển dài 3,2 km có nhiều đoạn bị xuống cấp, rạn, nứt.</li> <li>• Thời tiết khí hậu khắc nghiệt, thiên tai, bão, lụt hằng năm ảnh hưởng đến đời sống của người dân.</li> </ul>
<b>SỰ TỰ BẢO VỆ VÀ BẢO VỆ XÃ HỘI</b>	
<p style="text-align: center;"><b>ĐIỂM MẠNH</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>❖ <b>Cá nhân:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Là một xã ven biển nên tỷ lệ người dân biết bơi trong địa bàn xã cũng khá cao chiếm tới 60% người dân.</li> <li>• Một số trẻ em từ 9-10 tuổi biết bơi chiếm khoảng 10%.</li> <li>• Bản thân người dân đã được nghe và tham dự lớp diễn tập phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu hộ, cứu</li> </ul> </li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>ĐIỂM YẾU</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Còn 40% người dân là không biết bơi trong đó chủ yếu là người già, trẻ em và một số phụ nữ.</li> <li>• Tỷ lệ trẻ em biết bơi còn rất thấp so với những năm về trước (do trong xã chưa có khu bể bơi cho các em thực</li> </ul>



nạn.

- Người dân luôn đoàn kết, chủ động chằng chống nhà cửa, bảo vệ tài sản và tính mạng khi có mưa bão xảy ra.

❖ **Hộ gia đình:**

- Năm bắt thông tin qua các phương tiện như loa truyền thanh, truyền hình, đài radio khi có bão xảy ra. 100% các hộ gia đình có tivi và khoảng 50% các hộ gia đình có đài radio.

- Khi có bão xảy ra gia đình tự chằng chống nhà cửa, di dời đến khu tránh trú an toàn khi có thông báo của chính quyền địa phương (người già, trẻ em và những người sức khoẻ yếu di dời trước).

- Chủ động chuẩn bị phương tiện, lương thực, thực phẩm, dầu đèn phòng khi mất điện và khi di dời.

❖ **Bảo vệ xã hội:**

- Khi có thiên tai xảy ra địa phương cung cấp thông tin cảnh báo đến người dân qua 21 cụm loa truyền thanh trong đó 10 cụm loa không dây và 11 cụm loa có dây được đặt ở 12 xóm trong toàn xã, đảm bảo 60% các hộ gia đình nắm bắt được thông tin cảnh báo. Ngoài ra còn có các hiệu lệnh báo động như đánh kêng, đánh trống liên hồi, giạt chuông nhà thờ, bắn súng và cán bộ tại các thôn xóm trực tiếp đi thông báo khi phải di dời dân.

- Địa phương có ban phòng chống lụt bão gồm 30 người, hằng năm có sơ kết, tổng kết và xây dựng kế hoạch phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu hộ cứu nạn, hoạt động theo phương châm 4 tại chỗ.

- Tại các hợp tác xã có đội xung kích từ 50 người trở lên hỗ trợ ứng phó kịp thời cho nhân dân khi có thiên tai xảy ra.

- Ban phòng chống lụt bão có tham gia các lớp diễn tập của cấp trên tổ chức.

- Chính quyền địa phương vận động và chuẩn bị các trang thiết bị cần thiết khi có thiên tai xảy ra như: cọc tre (4.000 cọc), bao tải (2.300 chiếc), đá dự phòng cho công tác hộ đê, chuẩn bị các phương tiện như ô tô, công nông (tổng là 8 xe) và huy động các phương tiện của người dân trong tình huống phải di dời dân từ vùng nguy cơ cao vào nơi tránh trú an toàn.

- Chủ động di dời dân đến nơi an toàn như nhà thờ, giáo họ, trường học (chủ yếu là nhà thờ), địa điểm từ vùng rủi ro đến nơi tránh trú gần nhất là 1 km, xa nhất là 3 km.

- Hệ thống thủy lợi tưới tiêu được chính quyền địa

hành bơi lội, trước đây tập bơi trong ao hồ nhưng hiện nay ao hồ bị ô nhiễm môi trường nhiều rác thải không đảm bảo an toàn cho các em tập bơi).

- Các lớp tập huấn, diễn tập cho các tầng lớp nhân dân tham gia còn rất ít và chưa được thường xuyên liên tục hàng năm.

- Một số hộ gia đình còn chủ quan bị động trước các thông tin báo bão.

- Phương tiện di dời trong gia đình còn thiếu và hạn chế, không có áo phao, phao cứu sinh.

- Hệ thống loa bị xuống cấp và còn thiếu, có 3 cụm loa bị hỏng không hoạt động được, 40% các hộ dân không nắm bắt được thông tin báo bão từ các cụm loa.

- Công tác chỉ đạo, điều hành trong ban phòng chống lụt bão còn hạn chế có lúc chưa tập trung, kiên quyết.

- Lực lượng xung kích còn thiếu, chưa được tập huấn, diễn tập về phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.

- Các lớp tập huấn, diễn tập không được tổ chức thường xuyên liên tục hàng năm.

- Phương tiện và trang thiết bị còn thiếu và chưa đủ chủng loại, không có áo phao, phao cứu sinh, xuồng cứu hộ.

- Các đoạn sông chưa có thuyền, phà để di dời dân trong trường hợp khẩn cấp.

- Thiếu lương thực, thực phẩm và nước sinh hoạt phục vụ cho người dân khi có mưa bão xảy ra.

- Địa điểm di dời từ nhà dân cho đến khu tránh trú an toàn còn xa, đường giao thông đi lại còn nhỏ hẹp,

<p>phương chỉ đạo sát sao cho cơ sở xóm, đội, khơi thông dòng chảy, tránh ách tắc và ngập úng trong mùa mưa bão.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tuyên truyền kêu gọi nhân dân bảo vệ các công trình đê, đường trên địa bàn xã.</li> </ul>	<p>xuống cấp khó khăn trong việc di dời dân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Công tác nạo vét thủy lợi, khơi thông dòng chảy chưa được thường xuyên.</li> <li>Ý thức của người dân chưa cao còn xả rác bừa bãi tại các kênh mương làm ách tắc dòng chảy, hạn chế khả năng tiêu úng khi có bão xảy ra.</li> <li>3,2 km cao trình đê biển còn thấp chỉ đảm bảo được bão cấp 9 trở xuống.</li> </ul>
<p style="text-align: center;"><b>CƠ HỘI</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Được nhà nước quan tâm, thường xuyên nâng cấp cải tạo tuyến đê biển và các công trình phúc lợi như điện đường trường trạm.</li> <li>Đang thực hiện đề án xây dựng nông thôn mới.</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>THÁCH THỨC</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Do thiên tai diễn ra hàng năm như bão, lụt.</li> <li>Thiếu kinh phí, vốn đầu tư và nhà tài trợ.</li> </ul>
<b>TỔ CHỨC XÃ HỘI, CHÍNH QUYỀN</b>	
<p style="text-align: center;"><b>ĐIỂM MẠNH</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Đảng bộ Hải Hoà được thành lập năm 1960, hiện có 17 chi bộ, BCH Đảng bộ có 17 đồng chí. Trong đó có 5 đồng chí trong Ban thường vụ. Tổng số Đảng viên là 248 đồng chí.</li> <li>Chính quyền địa phương có 1 chủ tịch, 2 phó chủ tịch và 19 đồng chí cán bộ công chức.</li> <li>Có các đoàn thể chính trị - xã hội.</li> <li>Về cơ sở vật chất: Có trụ sở của Đảng, chính quyền, trạm y tế, trường học được xây dựng cao tầng, hệ thống đường giao thông đảm bảo phục vụ cho việc đi lại của nhân dân.</li> <li>Hệ thống đài truyền thanh được phủ kín 12/12 xóm.</li> <li>Có ban chỉ huy phòng chống lụt bão tìm kiếm cứu nạn, xây dựng được kế hoạch, phương án phòng chống lụt bão. Hiện tại địa phương đã thành lập đội ứng phó nhanh.</li> <li>Địa phương đang thực hiện qui hoạch xây dựng nông thôn mới.</li> <li>12/12 xóm có nhà văn hoá, có 2 làng nghề (cây cảnh).</li> <li>Tổ chức đoàn thể hoạt động theo lĩnh vực chuyên môn, đồng thời tham gia công tác phòng chống lụt bão theo chỉ đạo của chính quyền địa phương.</li> <li>Các tổ chức tôn giáo, nhà hảo tâm đã ủng hộ vật</li> </ul>	<p style="text-align: center;"><b>ĐIỂM YẾU</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống đường di dân khi có bão gặp khó khăn do đường nhỏ hẹp, mặt đường còn khoảng 1 km là đường đất cho nên việc di dời dân của 1.700 hộ trong 8 xóm phía nam quốc lộ 21 gặp khó khăn.</li> <li>Trang thiết bị phục vụ phòng chống lụt bão còn thiếu, chưa đồng bộ như: Áo phao, thuyền, máy cưa, loa cầm tay, âm thanh lưu động.</li> <li>Trụ sở thường trực, chỉ huy tại chỗ khu vực đê biển chưa có ảnh hưởng đến việc chỉ đạo, xử lý khi có bão lũ xảy ra.</li> <li>Phụ cấp cán bộ không chuyên trách thấp nên chưa đáp ứng được, phần nào ảnh hưởng đến tư tưởng và công việc trong phòng chống bão lũ.</li> </ul>

chất giúp đỡ nhân dân khắc phục hậu quả sau bão.	
<b>CƠ HỘI</b>	<b>THÁCH THỨC</b>
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tiếp nhận dự án “Rừng và đồng bằng”</li> <li>• Đầu tư vốn, ngư cụ cho nhân dân đánh bắt thủy hải sản.</li> <li>• Có kế hoạch mở rộng các ngành nghề nhằm giải quyết lao động dư thừa.</li> <li>• Có chủ trương sát nhập xã Hải Hoà vào thị xã Thịnh Long.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nước biển dâng xâm nhập sâu vào phía trong đê do hệ thống cống cửa sông Ninh Cơ ảnh hưởng tới sản xuất và nuôi trồng thủy sản.</li> <li>• Nguồn nước sinh hoạt không đảm bảo do người dân sử dụng nguồn nước giếng khoan là chủ yếu ảnh hưởng tới sức khoẻ.</li> <li>• Ô nhiễm môi trường không khí (nhà máy nhiệt điện) nguồn nước ô nhiễm do rác thải.</li> <li>• Sạt lở bờ đê, mái đê quốc lộ 21.</li> <li>• Tuyến đê biển 3,2 km có nhiều đoạn bị sạt lở, hệ thống mặt đê, mái đê đã được kiên cố nhưng chỉ chịu được gió cấp 9 trở xuống.</li> </ul>

**PHU LUC 3. HỒ SƠ LỊCH SỬ CÔNG ĐỒNG**

**Xã: Hải Hòa**

Năm/ Tháng	Loại thiên tai	Đặc điểm và xu hướng thiên tai	Khu vực chịu thiệt hại	Thiệt hại cái gì	Tại sao (Nguyên nhân)	Đã làm gì để phòng chống thiên tai
<b>Cụm 1 (Xóm Xuân Phong, Xuân Thịnh, Xuân Hòa Tây)</b>						
6/1945	Bão, vỡ đê	Chết đói	Toàn xã	Chết người (Từ 1500 - 2000 người; ngập lụt đổ nhà.	Còn nhiều nhà tạm, đê yếu.	Chằng chống nhà cửa, tự nhân dân sơ tán
9/1971	Bão lớn nước biển dâng tràn qua đê	Gió to kèm mưa lớn	Toàn xã	Nhiều nhà đổ, tóc mái, diện tích lúa, hoa màu bị ngập.	Tỷ lệ nhà tạm còn nhiều; Sức gió lớn	Người dân đi sơ tán.
8/1978	Bão	Gió to	Toàn xã	Sạt lở đê Táo Khoai, ngập 2 làng, đổ 2 nhà thờ.	Đê còn yếu	Tổ chức đắp lại đê.
6/1996	Bão to	Gió lớn	Toàn xã	Sạt lở đê, nhà cửa, hoa màu mất trắng.	Đê còn yếu, nhà tạm còn nhiều.	Huy động nhân dân phòng chống đê, mỗi gia đình đóng góp 10 cọc tre, bao cát.
7/2005	Bão to	Triều cường, sóng cao 7-8 m	Ngập ½ xã phía ngoài.	Vỡ 3 đoạn đê 350m.	Đê chưa được kiên cố.	Sơ tán dân vào nhà thờ.
10/201 2	Bão to	Gió mạnh, đường đi phức tạp.	Toàn xã	Thiệt hại nhà cửa, hoa màu.		Sơ tán dân.
<b>Cụm 2 (xóm Xuân Hòa Đông, Tân Hùng, Xuân Hà)</b>						
1962	Bão C	Gió to kèm mưa lớn	Toàn xã	Nhà đổ nhiều, ngập toàn bộ đồng ruộng, mất trắng diện tích, mùa màng.	- Nhà đơn sơ - Gió lớn	Chằng chống nhà cửa.
T9/19 68	Bão lớn	Gió to	Toàn xã	40% nhà bị đổ, mất trắng hoa màu, lúa.	Tỷ lệ nhà tạm còn nhiều; Sức gió lớn.	Chằng chống nhà cửa.
9/1971	Bão lớn nước biển dâng	Gió to kèm mưa lớn	2/3 xã bị ngập	Nhiều nhà đổ, tóc mái, diện tích lúa, hoa màu bị ngập.	Tỷ lệ nhà tạm còn nhiều; Sức gió lớn.	Người dân đi sơ tán.

	tràn qua đê					
8/1985	7 ngày 3 bão	Gió to, mưa nhiều	Toàn xã	Thiệt hại hoa màu.	Gió lớn, kéo dài nhiều ngày.	
8/1996	Bão lớn	Mưa nhiều	Toàn xã	13 nhà bị đổ, 90% nhà bị tốc mái, ruộng vườn hoa màu bị ngập.	Tỷ lệ nhà chưa kiên cố còn cao.	Sơ tán dân vào khu vực bên trong đường 21.
9/2005	Bão lớn	Cấp gió mạnh hơn trước, trên cấp 12	Võ đê Táo Khoai (1 km) 2/3 xã bị ngập	Nhà đổ, tốc mái nhiều. Diện tích lúa, màu, nuôi trồng thủy hải sản bị mất trắng,	Sức gió quá mạnh, Đê chưa được kiên cố hóa, cao trình đê thấp; còn nhiều nhà bán kiên cố và xuống cấp.	Sơ tán dân, chằng chống nhà cửa; bảo vệ tài sản của nhân dân; chuẩn bị vật tư ứng cứu.
10/2012	Bão to	Gió cấp 14, ngày càng mạnh hơn	Toàn xã	40% nhà cấp 4 bị tốc mái; đổ cột phát sóng; đổ 500 cột điện; 20% diện tích lúa bị thiệt hại, hoa màu bị mất trắng.	Nhà chưa kiên cố; sức gió quá mạnh; dự báo không chính xác.	Chằng chống nhà cửa
9/2013	Lốc xoáy	Gió mạnh	Xóm Xuân Đài Đông, Xuân Đài Tây, Tân Hùng	30 nhà bị tốc mái; 80% diện tích hoa màu bị thiệt hại	Nắng nóng kéo dài	Không
6/2014	Sét đánh	Xuất hiện ngày càng nhiều hơn	Xóm Xuân Hòa Đông; Xuân Hà	Cháy toàn bộ thiết bị điện		Ngắt cầu giao điện, rút dây ăng ten tivi
<b>Cụm 3 (xóm Xuân Đài Tây, Xuân Đài Đông, Xuân Trung)</b>						
T9/1971	Bão to	Gió mạnh	Toàn xã	Nhiều nhà đổ, tốc mái, diện tích lúa, hoa màu bị ngập.	Tỷ lệ nhà tạm còn nhiều; Sức gió lớn	Sơ tán dân
T9/2005	Bão to vỡ đê			Nhà đổ, tốc mái nhiều. Diện tích lúa, màu, nuôi trồng thủy hải sản bị mất trắng.	Sức gió quá mạnh, Đê chưa được kiên cố hóa, cao trình đê thấp; còn nhiều nhà bán kiên cố và xuống cấp.	Sơ tán dân, chằng chống nhà cửa; bảo vệ tài sản của nhân dân; chuẩn bị vật tư ứng cứu.
2013	Lốc xoáy		Xuân Đài Đông,	30 nhà tốc mái	Nhà bán kiên cố còn nhiều	Không có

			Xuân Đài Tây			
<b>Cụm 4 ( Xóm Cồn Tròn Đông, Cồn Tròn Tây, Xuân An)</b>						
9/1945	Bão, vỡ đê	Chết đói	Toàn xã	Chết người (từ 1.500 - 2.000 người); ngập lụt đổ nhà.	Còn nhiều nhà tạm, đê yếu	Chằng chống nhà cửa, tư nhân dân sơ tán.
9/1971	Bão lớn nước biển dâng tràn qua đê	Gió to kèm mưa lớn	2/3 xã bị ngập.	Nhiều nhà đổ, tốc mái, diện tích lúa, hoa màu bị ngập.	Tỷ lệ nhà tạm còn nhiều; Sức gió lớn.	Người dân đi sơ tán.
9/1968	Bão lớn	Gió to	Toàn xã	Nhiều nhà đổ, tốc mái, diện tích lúa, hoa màu bị ngập	Tỷ lệ nhà tạm còn nhiều; Sức gió lớn	Người dân đi sơ tán
T9/20 05	Bão lớn	Cấp gió mạnh hơn trước > cấp 12	Vỡ đê Táo khoai ( 1 km) 2/3 xã bị ngập	Nhà đổ, tốc mái nhiều. Diện tích lúa, màu, nuôi trồng thủy hải sản bị mất trắng,	Sức gió quá mạnh, Đê chưa được kiên cố hóa, cao trình đê thấp; còn nhiều nhà bán kiên cố và xuống cấp	Sơ tán dân, chằng chống nha cửa; Bảo vệ tài sản của nhân dân; chuẩn bị vật tư ứng cứu.
T9/20 12	Bão to	Gió cấp 14, ngày càng mạnh hơn	Toàn xã	40% nhà cấp 4 bị tốc mái; đổ cột phát sóng; đổ 500 cột điện; 20% diện tích lúa bị thiệt hại, hoa màu bị mất trắng	Nhà chưa kiên cố; Sức gió quá mạnh; dự báo không chính xác.	Chằng chống nhà cửa
	Nhiễm mặn	Từ 2005 đến nay, năm nào cũng xảy ra	Xóm Xuân An, Cồn Tròn Đông, Cồn Tròn Tây	100% diện tích trồng màu, lúa tại 3 xóm bị nhiễm mặn => giảm sản lượng.	Mực nước biển dâng cao; Cao trình đê biển thấp.	Cần phải xây mô kè, tôn cao đê biển.

## PHỤ LỤC 4. LỊCH MÙA VỤ

**Xã: Hải Hoà**

### Cum 1

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Trồng lúa vụ chiêm												
Trồng lúa vụ mùa												
Chăn nuôi gia súc, gia cầm (lợn, gà, vịt...)												
Nuôi cá nước ngọt (cá trôi, trắm...)												
Thợ xây												
Trồng màu (cà chua, rau, khoai, dưa, ngô...)												
Dệt cước												
Làm may												
Kinh doanh, dịch vụ												
Lễ hội phật giáo		Lễ đầu năm			Lễ phật đàn				Lễ Trần Hưng Đạo			
Lễ hội công giáo						Lễ Kính					Tuần trâu	Noen
Bão												
Lụt												
Nhiễm mặn												
Sương muối												
Giông sét												
Dịch bệnh ở vật nuôi												
Dịch bệnh ở cây trồng				Vụ chiêm					Vụ mùa			
Ô nhiễm môi trường												
Ô nhiễm nguồn nước												

**Cum 2:**

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Trồng lúa vụ chiêm												
Trồng lúa vụ mùa												
Trồng màu	Trồng lạc và trồng dưa					Trồng cà chua, hành, ngô, khoai, đỗ						
Đánh bắt thủy hải sản												
Trồng cây cảnh												
Chăn nuôi gia súc, gia cầm												
Nuôi trồng thủy sản (tôm, cá, ...)												
Thợ xây, thợ mộc												
Nghề đan lưới, dệt cước, thợ may												
Dịch vụ, thương mại												
Lễ hội Phật giáo					Lễ Phật đản				Lễ Trần Hưng Đạo			
Lễ hội Công giáo				Lễ Phục sinh								Noen
Bão												
Lụt												
Ngập úng												
Nhiễm mặn												
Sương mù												
Mưa đá												
Lốc xoáy												
Giông sét												
Dịch bệnh cây trồng			Màu, lúa		Cây cảnh			Lúa				
Dịch bệnh vật nuôi												



**Cum 3:**

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Làm muối												
Trồng màu (rau, cà chua, dưa...)												
Chăn nuôi (gà, lợn, vịt)												
Nuôi trồng thủy sản (tôm, cá, ...)												
Đánh bắt thủy hải sản												
Thợ xây												
Đi may												
Đi làm ăn xa												
Kinh doanh, dịch vụ												
Trồng cây cảnh												
Lễ hội phật giáo					Lễ phật đản							
Lễ hội công giáo											Tuần trâu	Noen
Bão												
Lụt												
Nhiễm mặn												
Sương muối												
Giông sét												
Lốc xoáy												
Dịch bệnh cây trồng, vật nuôi												
Ô nhiễm môi trường												

**Cum 4:**

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Trồng lúa 1 vụ trên đồng màu												
Trồng màu		Trồng lạc						Trồng rau và hành				
Đánh bắt hải sản												
Làm thuê												
Trồng cây cảnh												
Nuôi trồng thủy sản (tôm, cá, cua...)			Tôm thẻ chân trắng						Cua			
Lễ hội				Phật đản								Noen
Bão								Nặng				
Ngập úng								Nặng				
Nhiễm mặn												
Sương muối		Nặng										
Giông sét												
Lốc xoáy												
Rét đậm												
Mưa đá												
Dịch bệnh cây trồng												

**Toàn xã:**

Mùa vụ, Sự kiện xã hội và thiên tai	T.1	T.2	T.3	T.4	T.5	T.6	T.7	T.8	T.9	T.10	T.11	T.12
Trồng lúa vụ chiêm												
Trồng lúa vụ mùa												
Làm muối												
Trồng màu (đỗ, lạc, dưa...)		Trồng lạc						Trồng rau và hành				
Nuôi trồng thủy sản (tôm, cá, ...)												
Đánh bắt hải sản												
Đi làm ăn xa (làm thuê)												

Trồng cây cảnh												
Thợ xây, thợ mộc												
Nghề đan lưới, dệt cước, thợ may												
Dệt cước												
Kinh doanh, dịch vụ												
Lễ hội phật giáo		Lễ đầu năm			Lễ phật đản				Lễ Trần Hưng Đạo			
Lễ hội công giáo						Lễ Kính					Tuần trà	Noen
Bão												
Lụt (ngập úng)												
Nhiễm mặn												
Sương muối												
Giông sét												
Lốc xoáy												
Rét đậm												
Mưa đá												
Dịch bệnh ở vật nuôi												
Dịch bệnh ở cây trồng												
Ô nhiễm môi trường												
Ô nhiễm nguồn nước												

**PHU LUC 5. BẢNG PHÂN TÍCH SINH KẾ**

**Xã: Hải Hòa**

Loại hình Sinh kế	Ai làm	Số người làm trong xã	Thu nhập ngày/tháng	Chính quyền xã có hỗ trợ gì không	Các môi nguy hiểm, rủi ro trong sinh kế	Thiệt hại, mất mát, tổn thương đã xảy ra	Các biện pháp đã áp dụng để giảm rủi ro, nguy hiểm	(Đề xuất) Các biện pháp thay thế khả thi
<b>Cụm 1 (xóm Xuân Phong, Xuân Thịnh, Xuân Hòa Tây)</b>								
Trồng lúa	Nam, nữ	100% số hộ	Vụ chiêm: 1,5 tạ/sào/vụ Vụ mùa: 50-60kg/sào/vụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hỗ trợ điện tích lúa mất trắng 9.000 đ/sào/vụ</li> <li>Cho hộ nghèo vay vốn lãi suất thấp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bão, lụt</li> <li>Sâu bệnh</li> <li>Nhiễm mặn</li> </ul>	Mất mùa tùy từng năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phun thuốc trừ sâu, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Thay đổi giống lúa mới.</li> <li>Thau chua rửa mặn, cải tạo đất</li> </ul>	Công trình thủy lợi cần nâng cấp, tưới tiêu kịp thời.
Chăn nuôi lợn, gà vịt...	Nam, nữ	50% hộ	6 triệu/năm		Bệnh dịch, Bão lụt	Giảm năng suất thu nhập	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sử dụng thuốc phòng bệnh</li> <li>Vệ sinh chuồng trại</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cần nâng cao kiến thức trong chăn nuôi.</li> <li>Cần hỗ trợ vay vốn chăn nuôi.</li> </ul>
Nghề may	Nữ (thanh niên)	0,3% số hộ	700.000đ - 3 triệu/tháng tùy theo tay nghề		Công việc không ổn định	Không có việc làm		
Thợ xây	Chủ yếu là nam, nữ ít	30 người	120.000 - 150.000đ/ngày/người		Tai nạn lao động, ngã ráo	<ul style="list-style-type: none"> <li>Gãy chân tay, chết người (1 người ở Xuân Hòa Đông năm 2012).</li> <li>Sức khỏe bị giảm sút.</li> <li>Công việc không ổn định.</li> </ul>	Cẩn thận trong lao động.	Cần mua bảo hiểm y tế.

Dệt cước	Chủ yếu là nam, nữ ít	6 người	30.000đ/tấm		Ù tai, đau đầu. có độc hại.	Sức khỏe bị giảm sút.	Nhét bông vào tai.	
Kinh doanh dịch vụ	Chủ yếu là nam, nữ ít	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 6 hộ có máy cày bừa.</li> <li>• 10 hộ buôn bán nhỏ lẻ.</li> </ul>			Mua chịu, giá cả chất lượng kém	Thu nhập không ổn định		
Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	Chủ yếu là nam, nữ ít	30-40 hộ	3-4 triệu đ/sào/năm		Ô nhiễm nguồn nước, dịch bệnh	Giảm năng suất	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thuốc phòng dịch</li> <li>• Vệ sinh ao hồ</li> <li>• Thay nước, nạo vét bùn đất, rắc vôi khử trùng</li> </ul>	Cần áp dụng khoa học kỹ thuật vào nuôi trồng thủy sản nước ngọt
Trồng cây cảnh	Nam	90% số hộ				Không có nơi tiêu thụ sản phẩm		
<b>Cụm 2 (Xuân Hòa Đông, Tân Hùng, Xuân Hà )</b>								
Trồng lúa	Nam Nữ (70%)	70% số hộ	200.000đ/sào/năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Hỗ trợ lúa mất trắng 9.000 đ/sào/vụ</li> <li>• Được tập huấn phổ biến kỹ thuật sản xuất</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thiên tai, bão, rét đậm vụ chiêm, ngập úng vụ mùa.</li> <li>• Sâu bệnh.</li> <li>• Thuốc trừ sâu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Mất mùa, giảm năng suất.</li> <li>• Phát sinh dịch bệnh.</li> <li>• Ảnh hưởng đến sức khỏe con người.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Điều chỉnh lịch gieo cấy.</li> <li>• Đã chuyển diện tích trồng lúa sang trồng màu và nuôi trồng thủy sản nuôi cá, tôm sú, tôm chân trắng, cá chuối (cá lóc bông).</li> </ul>	
Trồng màu	Nam, Nữ (80%)	50-60% số hộ	3-4 triệu đ/sào/năm	Được tập huấn phổ biến kỹ thuật sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thiên tai, bão, rét đậm ngập úng.</li> <li>• Sâu bệnh</li> <li>• Thuốc</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Mất mùa, giảm năng suất 35%</li> </ul>	Điều chỉnh lịch gieo trồng	

					trừ sâu. • Giá đầu ra thấp, bấp bênh.	• Ảnh hưởng đến sức khỏe con người • Thu nhập không ổn định		
Đánh bắt hải sản	Nam chiếm 100%	30% số hộ	20 triệu đ/năm/hộ		Bão, lốc xoáy	Chết người, mất lưới	• Trang bị áo phao. • Nghe thời tiết.	
Trồng cây cảnh	Nam chiếm 80%	30% số hộ	7-20 triệu đ/năm/hộ		• Bão, lốc xoáy • Giá cả bấp bênh • Sâu keo	• Gãy cành, đổ cây • Thu nhập không ổn định	• Cắt cành, phát lá, chăm cây. • Phun thuốc trừ sâu bệnh. • Đã chuyển một số diện tích trồng cây cảnh sang trồng màu (10% số hộ)	
Chăn nuôi	Nam, Nữ (80%)	80% số hộ	Không có thu nhập		• Dịch bệnh • Vón đầu tư cao	• Chết lợn, gà • Lỗ vốn	• Vệ sinh chuồng trại • Tiêm phòng sớm theo định kỳ	• Đề nghị cơ sở đại lý chọn giống tốt có khả năng phòng chống dịch bệnh. • Kiểm định chất lượng thức ăn đảm bảo chất lượng.
Nuôi trồng thủy sản	Nam chiếm 70%	10% số hộ	20 triệu đ/năm/hộ	Được tập huấn phổ biến kỹ thuật sản xuất, hỗ trợ vay vốn	Thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm nguồn nước	Vỡ ao đằm, mất sản lượng	• Thu hoạch sớm so với thời vụ khi có thiên tai. • Xử lý ao đằm, thay đổi	

							nước (máy đảo nước). • Ngừng nuôi trồng thủy sản 1 năm sau đó tiếp tục nuôi.	
Thợ xây, thợ mộc	Nam chiếm 60%	10% số hộ	140.000đ/ngày/người		Ngã ráo, tai nạn	Chết người, bị thương tật.		
Đan lưới	Nữ chiếm 100%	10% số hộ	300.000đ/tháng/người		Điện giật	• Ảnh hưởng đến sức khỏe. • Cháy máy dệt.		
Dệt cước	Nữ chiếm 100%	10% số hộ	300.000đ/tháng		Ù tai, đau đầu, có độc hại	Sức khỏe bị giảm sút	Nhét bông vào tai	
Thợ may	Nữ (80%)	5% số hộ	2 triệu đ/tháng			Công việc và thu nhập không ổn định		
Dịch vụ thương g mại	Nữ (70%)	5% số hộ	2 triệu đ/tháng		• Mua chịu, giá cả chất lượng kém • Chập điện	• Thu nhập không ổn định • Cháy hàng		
<b>Cụm 3 (xóm Xuân Đài Tây, Xuân Đài Đông, Xuân Trung)</b>								
Làm muối	Nam, Nữ	100% số hộ	10.000đ/người/ngày /300m <sup>2</sup>		Mưa, lụt	Mất trắng	Làm kho chứa	Đề nghị tăng giá đầu ra
Trồng màu	Nam, Nữ	80% số hộ	1 triệu đồng/tháng/người		Bão, lụt, dịch bệnh	Giảm năng suất	Phun thuốc trừ sâu	• Áp dụng khoa học kỹ thuật. • Đề nghị cho vay vốn, giống cây trồng có năng suất cao.
Nuôi trồng	Nam, Nữ	20% số hộ	• Nước mặn: 20 triệu		• Bão, lụt • Dịch	Mất trắng,	• Thuốc phòng bệnh	Đề nghị chọn

thủy sản			đ/vụ/năm/ 3000 m <sup>2</sup> • Nước ngọt 10 triệu đ/vụ/năm/ 2.000 m <sup>2</sup>		bệnh • Ô nhiễm nguồn nước	giảm thu nhập.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Vệ sinh ao đầm, rắc vôi</li> <li>• Thay nước</li> </ul>	giống tốt
Đánh bắt hải sản	Nam	5% số hộ	500.000đ - 1.000.000/ngày	Hỗ trợ dầu năm 2010 là 7triệu/tàu	Mưa, bão	Mất ngư cụ		Đề nghị trang bị áo phao, phao cứu sinh.
Thợ xây	Nam, Nữ	10% số hộ	150.000/ngày		Ngã giáo	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thiệt mạng ( 2 người)</li> <li>• Gãy chân tay</li> <li>• Ảnh hưởng sức khỏe</li> </ul>		Đề nghị trang bị bảo hộ lao động. Mua bảo hiểm y tế
Thợ may	Nữ	2% số hộ	500.000đ- 1.000.000/tháng/người		Điện giật	Công việc không ổn định		
Đi làm xa	Nam, Nữ	20% số hộ	2,5-3 triệu/tháng		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tai nạn giao thông</li> <li>• Tai nạn lao động</li> <li>• Mất tiền</li> </ul>	Thiệt hại tính mạng, ảnh hưởng đến sức khỏe		
Trồng cây cảnh	Nam, Nữ	20% số hộ				Không có nơi tiêu thụ sản phẩm	Chuyên đổi mọt số diện tích sang trồng màu	
<b>Cụm 4 (Cồn Tròn Đông, Cồn Tròn Tây, Xuân An)</b>								
Trồng lúa vụ mùa trên đất màu	Nam, Nữ (60%)	80% số hộ	Năm nay mới trồng thí điểm					



Trồng màu	Nam, Nữ (60%)	80% số hộ	1,5 triệu/năm/sào	Được tập huấn kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhiễm mặn, nhiễm mù, mưa, bão, lụt, dịch bệnh.</li> <li>Chưa có nơi tiêu thụ sản phẩm. Giá sản phẩm thấp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mất mùa khoảng 80%</li> <li>Thu nhập không ổn định</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tưới nước, rửa mặn, chống lụt</li> <li>Phun thuốc</li> <li>Đa dạng các loại cây trồng</li> </ul>	Đề xuất có nơi tiêu thụ sản phẩm
Đánh bắt hải sản	Nam (100%)	20% số hộ	20 triệu đ/năm/hộ	Có 1 năm hỗ trợ tiền dầu 20 triệu/thuyền	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bão, giông</li> <li>Trộm lưới</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mất lưới</li> <li>Vỡ mùng, hỏng máy</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Trông coi lưới</li> <li>Chằng mùng</li> </ul>	Đề nghị vay vốn lãi xuất thấp để đánh bắt hải sản
Nuôi trồng thủy sản	Nam, Nữ (60%)	3 hộ	Thu nhập không ổn định					
Làm thuê	Nam, Nữ	60-70% số hộ có người đi làm xa	2-3 triệu đ/tháng	Chính quyền tạo điều kiện về thủ tục pháp lý cho dân đi làm xa	Tai nạn lao động	Chết người		
Dệt cước	Nữ 100%	20% số hộ	300.000đ/tháng		Ù tai, đau đầu. có độc hại	Sức khỏe bị giảm sút	Nhét bông vào tai	

**PHU LUC 6. BẢNG PHÂN TÍCH HIỂM HỌA TỰ NHIÊN**

**Xã: Hải Hòa**

<b>Hiểm họa, hiện tượng thời tiết cực đoan</b>	<b>Tần suất</b>	<b>Mức độ tác động</b>	<b>Khi nào thường xảy ra</b>	<b>Diễn ra trong bao lâu</b>	<b>Dấu hiệu cảnh báo</b>	<b>Khu vực bị ảnh hưởng</b>
<b>Cụm 1 (xóm Xuân Phong, Xuân Thịnh, Xuân Hòa Tây)</b>						
Bão	Cao	Nghiêm trọng ( đổ nhà, tốc mái)	Tháng 7-10	1 đến 3 ngày	Đài, ti vi, truyền thanh, kinh nghiệm dân gian: Bùn dưới ao nóng.	Toàn xã, đặc biệt xóm Cồn Tròn Đông, Tây, Xuân An.
Nhiễm mặn	Cao		Tháng 7-10	Từ 7 - 10 ngày		
Mưa lụt	Trung bình	Nghiêm trọng	Tháng 8-9	Từ 10 - 20 ngày	Mưa nhiều, liên tục	Toàn xã
Giông sét	Trung bình	Ít nghiêm trọng	Tháng 7-9	5 - 10 phút		
Dịch bệnh	Trung bình	Ít nghiêm trọng	Tháng 2-3	2 tháng	Âm thấp, chuyển mùa	Toàn xã
<b>Cụm 2 ( xóm Xuân Hòa Đông, Tân Hùng, Xuân Hà)</b>						
Bão	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 7-10	1 ngày	Nắng oi bức, Thấy bùn ở dưới lòng ao nóng, ẩm, biến đổi sồng dây	Toàn xã
Nhiễm mặn	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 10 - 12	3 tháng		Xóm Xuân An, Cồn Tròn Đông, Tây
Ngập úng	Trung bình	Nghiêm trọng	Tháng 8-9	10 - 20 ngày		
Lốc xoáy	Thấp	Nghiêm trọng	Tháng 5-8	3 - 5 phút		Xóm Xuân Đài Đông, Tây, Tân Hùng
Sương mù	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 1-3	3 tháng	Độ ẩm cao	Toàn xã, đặc biệt xóm Cồn Tròn Đông, Tây, Xuân An
Dịch bệnh trên cây lúa	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 1-12	3 tháng	Dự báo của TT khuyến nông	Toàn xã

Sét đánh	Trung bình	Ít nghiêm trọng	Tháng 5-9	15-20 phút	Mưa giông	Xóm Xuân Hòa Đông; Xuân Hà
<b>Cụm 3 ( xóm Xuân Đài Tây, Xuân Đài Đông, Xuân Trung)</b>						
Bão	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 7-10	Từ 1 - 2 ngày	Ti vi, đài báo TƯ và địa phương; kinh nghiệm dân gian. Gió may	Toàn xã
Nhiễm mặn	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 9-10	từ 15 - 20 ngày	Triều cường	Xóm Xuân An, Cồn Tròn Đông, Tây
Giông sét	Thấp	Nghiêm trọng	Tháng 7-10	Từ 1 - 2 phút	Sấm chớp, mây u ám	Xóm Xuân Đài Đông, Tây, Tân Hùng
Sương muối	Trung bình	Ít nghiêm trọng	Tháng 1-3	3 tháng	Nắng, mưa nhiều, độ ẩm cao.	Toàn xã
Ô nhiễm tại các sông	Cao	Ít nghiêm trọng	Tháng 7-10	3 tháng		Sông Múc 1, 2
<b>Cụm 4 ( xóm Cồn Tròn Đông; Cồn Tròn Tây; Xuân An)</b>						
Bão	Cao	Rất nghiêm trọng	Tháng 7-10	2-3 ngày	Gió tây Nam và gió may, lợi xuống bùn ao thấy nóng	Trọng điểm xóm Xuân An, Cồn Tròn Đông, Tây
Nhiễm mặn	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 7-10	3 tháng	Mưa nhiều ngập úng	Trọng điểm xóm Xuân An, Cồn Tròn Đông, Tây
Rét đậm	Trung bình	Ít nghiêm trọng	Tháng 11-12	5-7 ngày	Váng nước đen	Toàn xã
Ngập úng	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 6-9	3-4 ngày	Mưa nhiều, mưa to	
Sương muối	Cao	Nghiêm trọng	Tháng 1-3	5-7 ngày/đợt	Độ ẩm cao, nước biển bốc hơi	Toàn xã
Lốc xoáy	Thấp	Ít nghiêm trọng	Tháng 5-6	5-10 phút	Cơn giông, mưa	Xóm Xuân Đài Đông, Tây, Tân Hùng

**PHỤ LỤC 7. BẢNG RỦI RO, TTDBTT, KHẢ NĂNG VÀ GIẢI PHÁP ỨNG PHÓ**

**Xã: Hải Hòa**

Rủi ro	Tình trạng DBTT	Khả năng	Giải pháp ứng phó
<b>HỢP PHẦN SINH KẾ</b>			
<p><b>Mất mùa, giảm năng suất (lúa, hoa màu, đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thiếu quy hoạch tập trung trong việc trồng lúa, trồng màu, nuôi trồng thủy hải sản.</li> <li>• Diện tích trồng lúa thường bị nhiễm mặn vào vụ chiêm và ngập úng vào vụ mùa nên năng suất sản lượng lúa giảm, nhất là diện tích gần 100 ha của xóm (Xuân Phong, Xuân Hòa, Xuân Thịnh).</li> <li>• Diện tích lúa vụ mùa, rau màu thường bị ảnh hưởng thời tiết như: mưa nhiều, sương muối, sâu bệnh, chuột, ốc bươu vàng phá hoại, ...</li> <li>• Hệ thống kênh mương đất và các tuyến sông bồi lấp nông cạn, bèo rác hẹp dòng chảy; 20 công đập chính xuống cấp tưới tiêu kém.</li> <li>• Phương tiện đánh bắt thô sơ (thuyền, mùng).</li> <li>• Ngư lưới cụ đánh bắt bị mất cấp.</li> <li>• Cạn kiệt nguồn lợi hải sản.</li> <li>• Bến bãi neo đậu ngày càng bị xâm thực thu hẹp.</li> <li>• Nguồn nước nuôi trồng thủy sản bị ô nhiễm, nuôi trồng nhỏ lẻ, thiếu quy hoạch.</li> <li>• Thiếu chủ động con giống (giống chủ yếu mua bên ngoài không kiểm soát được về giống đạt chuẩn).</li> <li>• Kiến thức áp dụng khoa học kỹ thuật trong nuôi trồng thủy sản hạn chế.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kênh mương được nạo vét, khơi thông dòng chảy, và đưa cơ khí hóa vào sản xuất nông nghiệp (có máy cày, máy gặt, máy tuốt lúa).</li> <li>• Có kinh nghiệm dân gian trong bảo vệ cây trồng, diệt chuột, ốc bươu vàng, ...</li> <li>• Nguồn nước tại gia đình sẵn có để tưới đảm bảo nước cho trồng màu và thau rửa nhiễm mặn.</li> <li>• Có thuyền, mùng, phương tiện đánh bắt.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cần lên kế hoạch đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi.</li> <li>• Cần chuyển đổi theo quy hoạch một số diện tích ngập úng, nhiễm mặn sang trồng màu và nuôi cá nước lợ (khi thật sự không khắc phục được).</li> <li>• Lắp đặt trạm bơm chống úng.</li> <li>• Thường xuyên nạo vét làm thông thoáng dòng chảy các tuyến sông và hệ thống kênh mương, công đập.</li> <li>• Cần đưa giống lúa kháng bệnh cao vào trồng trọt, phòng trừ sâu bệnh bằng thuốc thực vật và kinh nghiệm dân gian.</li> <li>• Vãi vôi và thau rửa mặn diện tích bị ngập mặn.</li> <li>• Đầu tư phương tiện đánh bắt hiện đại để đánh bắt hải sản xa bờ.</li> <li>• Cần qui hoạch nuôi trồng thủy hải sản theo vùng.</li> <li>• Cần có hệ thống thủy lợi dẫn nước vào ra ao đầm riêng (tránh ô nhiễm thuốc trừ</li> </ul>

			<p>sâu).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cần có cơ sở sản xuất con giống nuôi trồng thủy sản tại địa phương.</li> <li>• Giới thiệu nhiều cơ sở cung cấp con giống có chất lượng cho hộ nuôi trồng lựa chọn mua.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Diện tích làm muối đối mặt với thời tiết mưa nắng thất thường nhất là vào thời điểm tháng 5 và tháng 6 hàng năm.</li> <li>• Giá muối quá thấp.</li> <li>• Dịch vụ tiêu thụ muối của Hợp tác xã hạn chế (năm 2013 tiêu thụ 50% sản phẩm muối làm ra).</li> <li>• Điều kiện bảo quản muối chưa an toàn (Các gia đình tự bảo quản).</li> <li>• Một số người dân kinh nghiệm làm muối còn hạn chế.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Lao động dồi dào (nữ chiếm 60%).</li> <li>• Có 2 Hợp tác xã nông nghiệp dịch vụ tiêu thụ muối (Duyên Hải và Hưng Thịnh).</li> </ul>	<p>Cần có chính sách hỗ trợ để duy trì nghề làm muối như trợ giá, bao tiêu đầu ra.</p>
<b>Thiệt hại về chăn nuôi</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chăn nuôi nhỏ lẻ khó phòng ngừa bệnh dịch.</li> <li>• Tình trạng nước thải, chất thải chăn nuôi, nước thải sinh hoạt chưa được xử lý hợp vệ sinh, ô nhiễm môi trường dễ gây dịch bệnh (có 20 gia trại chăn nuôi lợn và 2 gia trại chăn nuôi gà xen kẽ trong khu dân cư làm ô nhiễm tăng thêm).</li> <li>• Mạng lưới thú y mỏng (chỉ có cán bộ thú y xã, Hợp tác xã, xóm không có mạng lưới thú y).</li> <li>• Giá cả bấp bênh, chăn nuôi thua lỗ.</li> <li>• Kiến thức khoa học kỹ thuật áp dụng vào chăn nuôi còn hạn chế.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có chuồng trại chăn nuôi.</li> <li>• Tận dụng được lao động dư thừa trong gia đình.</li> <li>• Tận dụng thức ăn dư thừa của gia đình.</li> <li>• Có khả năng tự chế biến thức ăn cho gia súc gia cầm.</li> <li>• Có kinh nghiệm chăn nuôi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cần quy hoạch chăn nuôi theo mô hình trang trại, gia trại xa khu dân cư.</li> <li>• Tăng cường mạng lưới thú y giúp đỡ nhân dân phòng ngừa dịch bệnh vật nuôi.</li> <li>• Cần có mô hình bi ô ga xử lý phân vật nuôi, tạo khí đốt, tiết kiệm chất đốt nhưng hợp vệ sinh.</li> <li>• Cần có mô hình hộ gia đình xử lý nước thải hợp vệ sinh.</li> </ul>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trong tương lai cần có hệ thống xử lý nước thải công cộng.</li> </ul>
<b>Thiệt hại về kinh tế do giá cả thị trường không ổn định đối với cây cảnh.</b>	Giá cả bấp bênh, thị trường tiêu thụ không ổn định (có lúc cây sanh giá cao, nay không bán được).	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có tay nghề và kỹ thuật chăm sóc cây cảnh.</li> <li>• Lao động nam, nữ tham gia (85% nam, 15% nữ).</li> </ul>	Cần duy trì làng nghề và tìm kiếm thị trường tiêu thụ.
<b>Ảnh hưởng sức khỏe con người, thu nhập đối với sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiến thức về an toàn trong lao động còn hạn chế, trang thiết bị bảo hộ an toàn còn thiếu, chưa đồng bộ.</li> <li>• Môi trường lao động độc hại, thiếu an toàn.</li> <li>• Nhu cầu và thị trường còn hạn chế.</li> <li>• Việc làm bấp bênh.</li> <li>• Thu nhập thiếu ổn định, không cao.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có lao động sản xuất các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.</li> <li>• Có tay nghề và kinh nghiệm, giúp tăng thu nhập cho người dân.</li> <li>• Có vốn đầu tư cho dịch vụ, thương mại.</li> <li>• Đáp ứng nhu cầu trong và ngoài địa phương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cần mua bảo hiểm y tế.</li> <li>• Cần mở các lớp tập huấn để trang bị kiến thức an toàn trong lao động.</li> <li>• Phát triển, mở rộng mô hình sản xuất tiểu thủ công nghiệp có hiệu quả.</li> <li>• Tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm đã sản xuất.</li> <li>• Tìm hiểu thông tin nhu cầu lao động các ngành nghề ngoài địa phương.</li> <li>• Chủ động phối hợp các cơ quan chức năng tổ chức hội chợ giới thiệu việc làm cho người dân địa phương.</li> </ul>

## ĐIỀU KIỆN SỐNG CƠ BẢN

<p><b>Tính mạng, nhà ở, tài sản không an toàn khi có thiên tai lụt bão, nhất là bão lớn (siêu bão)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 46% nhà bán kiên cố, trong đó có 40% nhà xuống cấp.</li> <li>• 500 hộ dân có nhà ở dọc đê gần biển có nhà bán kiên cố (một số nhà xuống cấp).</li> <li>• Còn 1,6 km đê biển chưa được kè bờ mỏ.</li> <li>• Cao trình đê biển thấp (nước biển dâng cao).</li> <li>• Nhiều đoạn đê biển xuống cấp, rạn nứt.</li> <li>• Đội ứng phó cộng đồng chưa có kiến thức kỹ năng cứu hộ cứu nạn và chưa được trang bị các dụng cụ, thiết bị.</li> <li>• Đường cứu hộ xóm Cồn Tròn Đông, Tây và Xuân An còn 1,5 - 2 km xuống cấp, nhỏ hẹp khó khăn cho việc di dời dân.</li> <li>• Điểm sơ tán dân xóm Cồn Tròn Đông, Cồn Tròn Tây và Xuân An cách xa 3 km nhưng chưa có nhà trú ẩn an toàn tại chỗ.</li> <li>• Kiến thức về giải pháp an toàn của người dân, hộ gia đình và cộng đồng còn hạn chế.</li> <li>• Người dân thiếu thông tin về diễn biến thiên tai.</li> <li>• Có 500 hộ với 2.000 nhân khẩu ở gần đê biển có nhà ở không an toàn.</li> <li>• Xu hướng bão, nước biển dâng xảy ra trên địa bàn ngày càng cao hơn, mạnh hơn vượt khả năng chống chịu đối với nhà ven đê biển.</li> <li>• Cán bộ và lực lượng cứu hộ, cứu nạn thiếu kiến thức, kỹ năng và trang thiết bị phòng ngừa ứng phó thiên tai.</li> <li>• Vùng trũng thấp khi di dời dân trong mùa mưa bão gặp khó khăn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 54% nhà kiên cố.</li> <li>• Có kinh nghiệm chằng chống nhà cửa và kiến thức phòng chống lụt bão.</li> <li>• Có nơi sơ tán dân tại các nhà cao tầng trường học, nhà thờ, nhà chùa.</li> <li>• Có lực lượng ứng phó tại cộng đồng thường trực 24/24 khi có cảnh báo thiên tai bão lụt sắp xảy ra.</li> <li>• Có BCHPCLB, lực lượng ứng phó.</li> <li>• Có các phương án phòng ngừa ứng phó thiên tai.</li> <li>• Có tinh thần đoàn kết giúp đỡ của cộng đồng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tập huấn kiến thức về phòng ngừa ứng phó thảm họa, hướng dẫn các giải pháp an toàn trước thiên tai cho gia đình và cộng đồng.</li> <li>• Hỗ trợ vay vốn, hoặc một phần kinh phí giúp cho hộ nghèo xây dựng nâng cấp nhà ở. Nên có mô hình nhà chịu đựng được thiên tai, thích ứng với BĐKH lâu dài để hướng dẫn người dân, nhất là các hộ dân sống dọc đê.</li> <li>• Cần đầu tư mở rộng và nâng cấp tuyến đường xóm Cồn Đông, Tây và xóm Xuân An.</li> <li>• Cần tập huấn kiến thức kỹ năng và trang thiết bị cứu hộ cứu nạn cho lực lượng ứng phó tại cộng đồng (thuyền, phao, áo phao...)</li> <li>• Thường xuyên thông tin cảnh báo thiên tai và diễn biến thiên tai cho người dân chủ động phòng ngừa ứng phó với thiên tai cụ thể xảy ra.</li> <li>• Cần nâng cấp đê, bờ mỏ kè, nâng cấp đoạn đê xuống cấp.</li> <li>• Nâng cấp hệ thống truyền thanh.</li> <li>• Lắp đặt các biển báo vùng nguy cơ.</li> <li>• Xây dựng nhà trú ẩn an toàn cho xóm Cồn Tròn Đông, Cồn Tròn</li> </ul>
--	--	---	---

			Tây và Xuân An. <ul style="list-style-type: none"> <li>Cung cấp tàu thuyền hoặc xây cầu sông Phú Lễ sang đường quốc lộ 21 cho vùng trũng thấp để di dời dân trong mùa mưa bão.</li> </ul>
<b>Ảnh hưởng sức khỏe, dịch bệnh xảy ra</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Rác thải ứ đọng hộ gia đình, cộng đồng lâu ngày (vì tần suất thu gom thấp, 4 lần/tháng).</li> <li>Chất thải chăn nuôi, nước thải, tỷ lệ hố xí chưa hợp vệ sinh cao.</li> <li>Nước sạch chủ yếu lấy từ giếng khoan chưa được xét nghiệm, đại bộ phận chưa có bể lọc. Đang có hiện tượng ngày càng cạn kiệt nguồn nước ngầm và nước nhiễm phèn, sắt cao.</li> <li>Tỷ lệ mua bảo hiểm y tế của người dân thấp (mới có 62% người có thẻ BHYT), ít được tiếp cận dịch vụ Y tế.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Người dân có ý thức thu gom rác vào bao, túi ni lông.</li> <li>Một số hộ dự trữ nước mưa, mua nước lọc để uống.</li> <li>Xã hỗ trợ mua BHYT</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cần tăng tần suất thu gom và xử lý rác thải tập trung tại bãi hợp vệ sinh.</li> <li>Tuyên truyền cho người dân về hiện tượng cạn kiệt nguồn nước ngầm để có ý thức tiết kiệm nước như khai thác nước ngầm hợp lý; dự trữ nước mưa, xây bể lọc nước hợp vệ sinh.</li> <li>Cần xét nghiệm nước để có khuyến cáo người dân xử lý nước sạch. Về lâu dài cần cấp nước tập trung. Trước mắt hướng dẫn nhân dân dự trữ nước mưa, lọc nước giếng khoan để dùng.</li> <li>Cần mở rộng chính sách hỗ trợ nhân dân được cấp và được mua BHYT để khám chữa bệnh; quan tâm các hoạt động khám bệnh và cấp thuốc miễn phí từ nguồn kinh phí gây quỹ của các đoàn thể, tổ chức xã hội thông qua kêu gọi tài trợ trong và ngoài xã; trong các tổ chức tôn giáo, các mạnh thường quân quê hương làm ăn xa phát đạt.</li> </ul>
<b>SỰ TỰ BẢO VỆ VÀ BẢO VỆ CỘNG ĐỒNG</b>			
<b>Thiệt hại</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hệ thống loa truyền thanh không</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có Ban</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đầu tư nâng cấp hệ</li> </ul>



<p><b>về tính mạng và tài sản do bão lụt</b></p>	<p>dây bị xuống cấp, các bảng tin, biển báo ở vùng nguy cơ cao chưa được lắp đặt. Chưa có âm thanh lưu động, loa cầm tay.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Khi có mưa bão thường mất điện.</li> <li>• Đội ứng phó chưa được tập huấn, trang thiết bị không có. (thuyền, áo phao, phao cứu sinh, đèn pin, ủng, ...).</li> <li>• Tỷ lệ trẻ em biết bơi thấp, chưa được thực hành bơi dẫn đến đuối nước.</li> <li>• Một số hộ dân còn chủ quan trong công tác phòng chống lụt bão.</li> <li>• Lao động chính, người có sức khỏe đi làm ăn xa nên thiếu lực lượng ứng cứu khi có thiên tai xảy ra.</li> </ul>	<p>chỉ huy phòng chống lụt bão, được phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên phụ trách địa bàn dân cư.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Có hệ thống loa truyền thanh đến xóm.</li> <li>• Lực lượng ứng phó tại 3 HTX được thành lập và phân công cụ thể.</li> </ul>	<p>thông truyền thanh, lắp đặt các bảng tin tại cộng đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cần được tập huấn kỹ năng kiến thức, trang thiết bị phòng ngừa ứng phó thảm họa như xuồng máy, máy phát điện, âm thanh lưu động, loa cầm tay..v.v...</li> <li>• Xây bể bơi, tập huấn bơi, tập huấn sơ cấp cứu cho cộng đồng và trường học.</li> <li>• Nhà trường và gia đình phối hợp tuyên truyền nhắc nhở.</li> <li>• Tuyên truyền tập huấn nâng cao nhận thức cho người dân, giáo viên và học sinh về kiến thức phòng ngừa thảm họa và biến đổi khí hậu.</li> </ul>
--	---	---	--

**TỔ CHỨC XÃ HỘI VÀ CHÍNH QUYỀN**

<p><b>Công tác điều hành phòng chống thiên tai lụt bão còn khó khăn</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thiếu kinh phí, điều kiện phương tiện cho việc phục vụ phòng chống thiên tai.</li> <li>• Sự phối kết hợp giữa các tổ chức, các ngành và người dân chưa chặt chẽ, đồng bộ trước, trong và sau thiên tai.</li> <li>• Việc lồng ghép giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu vào kế hoạch phát triển kinh tế</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Có Ban chỉ huy phòng chống lụt bão, được phân công nhiệm vụ cụ thể và phụ trách các xóm, các Hợp tác xã.</li> <li>• Tổ chức lực lượng ứng phó trực 24/24 trong mùa mưa bão.</li> <li>• Hằng năm có tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm công tác phòng chống thiên tai và đề ra kế hoạch năm tiếp theo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cần tập huấn và trang bị cho các thành viên BCH PCLB và đội xung kích cứu hộ cứu nạn.</li> <li>• Cần có cơ chế chính sách, kinh phí, điều kiện, phương tiện phòng chống thiên tai, kêu gọi nguồn lực thực hiện nhiều hơn, tốt hơn các biện pháp giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng BĐKH.</li> <li>• Cần tiếp nhận và triển khai các dự án giảm nhẹ rủi ro thảm họa và thích ứng BĐKH như dự án VFD.</li> <li>• Cần lồng ghép kế</li> </ul>
---	---	---	---

	<p>xã hội của xã còn hạn chế.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đã có 2 điểm canh đê phòng chống lụt bão, có phân công cụ thể cho các thành viên trong xóm.</li> </ul>	<p>hoạch giảm thiểu rủi ro vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; các chương trình hành động của các tổ chức đoàn thể xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Quan tâm các chính sách phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo gắn quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng và thích ứng BĐKH.</li> <li>• Duy trì diễn tập phòng ngừa ứng phó thảm họa hằng năm.</li> </ul>
--	-----------------------------------	---	--

**PHU LUC 8. KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI**

**Xã Hải Hoà**

TT	Vấn đề	Các yếu tố làm tăng rủi ro	Cách khắc phục	Sáng kiến, hoạt động cụ thể	Kế hoạch thực hiện		
					Ai sẽ làm	Mức độ cấp thiết	Các nguồn lực
1.	<b>Người dân lo lắng không an toàn tính mạng, tài sản khi có thiên tai xảy ra</b>	Nước ngập tràn đe doạ cao trình đe thấp	Nâng cao trình đe	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khảo sát, lập kế hoạch.</li> <li>• Dự trù kinh phí lập dự toán.</li> </ul>	Nhà nước, chính quyền, các cơ quan chức năng	Dài hạn	Nhà nước, nhà tài trợ
		Vỡ đe do nhiều đoạn đe biển bị rạn nứt và mới có ½ chiều dài đe được kè bên ngoài (bỏ mỏ kè)	Nâng cấp, sửa chữa đe biển đảm bảo vững chắc	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khảo sát, lập kế hoạch nâng cấp, cứng hóa mái đe, kêu gọi nguồn lực và tổ chức thi công.</li> <li>• Trồng rừng chắn sóng.</li> </ul>	Nhà nước, chính quyền và các cơ quan chức năng.	Trung hạn	Nhà nước, nhà tài trợ
		❖ Ban phòng chống lụt bão còn gặp nhiều khó khăn nên công tác ứng cứu không kịp thời	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Trang bị các trang thiết bị và phương tiện cần thiết</li> <li>• Nâng cao kiến thức cho cán bộ và người dân</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khảo sát, dự trù kinh phí.</li> <li>• Tìm kinh phí</li> <li>• Chọn nhà cung cấp</li> <li>• Mua sắm và trang bị</li> <li>• Thường xuyên mở các lớp tập huấn về phòng ngừa ứng phó thảm hoạ cho cán bộ và nhân dân.</li> </ul>	<p>Chính quyền, các đoàn thể, ban ngành</p> <p>Chính quyền, các đoàn thể, ban ngành</p>	<p>Ngắn hạn</p> <p>Ngắn hạn</p>	<p>Chính quyền, nhà nước, nhà tài trợ</p> <p>Chính quyền, nhà nước, nhà tài trợ</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>❖ Đường cứu hộ cho dân đi ;2sơ tán tại xóm Cồn Tròn Đông, Cồn Tròn Tây và Xuân An gặp nhiều khó khăn</li> <li>• Đường nhỏ hẹp, xuống cấp chưa được cứng hoá</li> <li>• Điểm sơ tán cách xa khu dân cư (tại các xóm Cồn Tròn Đông, Cồn Tròn Tây và Xuân An chưa có nhà tránh trú an toàn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nâng cấp đường giao thông đảm bảo thuận lợi đi lại di dân trong mùa mưa bão</li> <li>• Mở rộng và cứng hoá mặt đường khoảng 1,2 đến 3 km đường giao thông</li> <li>• Xây nhà tránh trú bão an toàn tại cụm xóm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khảo sát, lập kế hoạch và lập dự trù kinh phí.</li> <li>• Kêu gọi nhà đầu tư</li> <li>• Khảo sát, lập kế hoạch và lập dự trù kinh phí.</li> <li>• Kêu gọi nhà đầu tư</li> </ul>	<p>Nhà nước, chính quyền, các ban ngành đoàn thể, nhân dân</p>	<p>Trung hạn</p> <p>Trung hạn</p>	<p>Nhà nước, dự án</p> <p>Nhà nước, dự án</p>
	<p>Thiếu thông tin do hệ thống loa truyền thanh xuống cấp, các cụm loa còn thiếu và chưa có loa cầm tay và âm thanh lưu động</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nâng cấp hệ thống loa truyền thanh.</li> <li>• Trang bị thêm các cụm loa ở khu dân cư và loa cầm tay, âm thanh lưu động.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khảo sát, lập dự toán, tìm nguồn kinh phí.</li> <li>• Chọn nhà cung cấp</li> <li>• Mua sắm trang bị</li> </ul>	<p>Chính quyền, các cơ quan chức năng</p>	<p>Ngắn hạn</p>	<p>Chính quyền, nhà tài trợ</p>

		Nhà ở kém an toàn do nhiều nhà cấp 4 bị xuống cấp, không có kinh phí xây, sửa lại	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nâng cấp nhà ở đảm bảo an toàn</li> <li>Xây dựng mẫu nhà an toàn trước thiên tai kinh phí thấp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khảo sát, kêu gọi nhà tài trợ hỗ trợ xây sửa</li> <li>Vận động người dân có khả năng tự làm.</li> <li>Hỗ trợ kinh phí, cho vay vốn hộ nghèo, cận nghèo để làm nhà an toàn.</li> <li>Giới thiệu mẫu nhà phòng chống lụt bão của Bộ xây dựng</li> <li>Hỗ trợ xây nhà phòng chống lụt bão theo mẫu nhà Bộ xây dựng, hoặc mẫu nhà phù hợp ở địa phương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chính quyền, đoàn thể</li> <li>Chính quyền, đoàn thể</li> <li>Chính quyền, đoàn thể</li> <li>Chính quyền, đoàn thể, người dân</li> </ul>	Ngắn hạn  Ngắn hạn  Ngắn hạn Ngắn hạn	Người dân  Nhà nước, Đoàn thể, người dân  Ngân sách xã, đoàn thể  Nhà tài trợ, đoàn thể, người dân.
2.	<b>Người dân lo lắng thiệt hại trồng lúa và cây màu, giảm năng suất thu nhập thấp, ảnh hưởng đến đời sống</b>	Hệ thống tưới tiêu chưa đảm bảo:  Cửa cống thoát nước nhỏ hẹp	Xây dựng cống lớn hơn	Khảo sát, mở rộng, xây mới cống tiêu thoát nước đảm bảo trong mùa mưa bão	Chính quyền, các cơ quan chức năng và nhân dân	Trung hạn	Nhà nước, chính quyền, dự án, người dân
		Kênh mương nội đồng nông hẹp, bèo rác tắc nghẽn	Khai thông dòng chảy, nạo vét kênh mương, xây dựng hệ thống kênh mương	Quy hoạch, khảo sát, lập kế hoạch xây dựng; tìm nguồn kinh phí	Chính quyền, các ngành chuyên môn, người dân	Thường xuyên hằng năm	Nhà nước, Nhà tài trợ Nhân dân
		Do đê thấp	Nâng cấp,	Khảo sát, lập kế	Nhà nước,	Dài hạn	Nhà

		khi có triều cường nước ngập tràn qua đê	nâng cao, sửa chữa và củng cố hoá đê điều	hoạch nâng cấp củng cố hoá đê, trồng rừng chắn sóng	chính quyền, nhà tài trợ		nước, nhà tài trợ
3.	<b>Người dân lo lắng ảnh hưởng đến sức khoẻ do ô nhiễm môi trường và chất lượng nước sinh hoạt chưa đảm bảo</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Chưa có hệ thống xử lý rác thải tập trung.</li> <li>Số lần thu gom rác thải ít (1lần/tuần)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây hệ thống xử lý rác thải tập trung.</li> <li>Tăng số lượng thu gom rác thải tuần 2 lần.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khảo sát lập dự toán và huy động vốn</li> <li>Tăng phương tiện thu gom và nhân lực</li> </ul>	<p>Chính quyền, người dân</p> <p>Chính quyền, người dân</p>	<p>Trung hạn</p> <p>Ngắn hạn</p>	<p>Nhà nước, người dân, dự án</p> <p>Địa phương, người dân</p>
		Hồ xí chưa hợp vệ sinh	Xây hồ xí đảm bảo hợp vệ sinh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khảo sát vận động nhân dân tự làm.</li> <li>Vận động hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo làm nhà vệ sinh</li> <li>Cho vay vốn làm nhà vệ sinh</li> </ul>	Nhà nước, chính quyền, Đoàn thể	Ngắn hạn	Nhà nước, chính quyền, người dân, nhà tài trợ
		Phân chăn nuôi, chất thải chăn nuôi (chăn nuôi gia trại)	Xử lý phân chăn nuôi, chất thải chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> <li>Qui hoạch chăn nuôi trang trại xa khu dân cư.</li> <li>Hướng dẫn và hỗ trợ làm hầm bi ô ga.</li> </ul>	Nhà nước, chính quyền, đoàn thể	Trung hạn	Chính quyền, người dân
		Nước sinh hoạt chưa đảm bảo chất lượng	Xử lý đảm bảo chất lượng nước hợp vệ sinh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xét nghiệm nước giếng khoan khuyến cáo người dân.</li> <li>Hướng dẫn mô hình bể lọc.</li> <li>Hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo xây dựng bể lọc hoặc mua sắm dụng cụ dự trữ nước.</li> <li>Dự trữ nước mưa.</li> </ul>	Chính quyền, người dân và các cơ quan chức năng	Ngắn hạn	Nhà nước, người dân, nhà tài trợ

				<ul style="list-style-type: none"> <li>Về lâu dài có kế cung cấp nước sạch.</li> </ul>			
		Thuốc trừ sâu gây ô nhiễm nguồn nước (phun thuốc và vớt vỏ bừa bãi)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không vớt vỏ bao bì thuốc trừ sâu bừa bãi.</li> <li>Tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây bể chứa vỏ bao thuốc trừ sâu ở đầu bờ.</li> <li>Thống nhất xây dựng quy ước trong xóm để người dân thực hiện.</li> <li>Xử phạt hành vi cố tình vớt vỏ thuốc bao bì thuốc trừ sâu bừa bãi.</li> </ul>	Chính quyền, Đoàn thể, người dân	Làm ngay	Chính quyền, người dân, nhà tài trợ
		Hệ thống thoát nước kém gây ngập úng	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nạo vét kênh mương.</li> <li>Xây dựng hệ thống tiêu thoát nước trong xóm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xây dựng kế hoạch, chuẩn bị kinh phí</li> <li>Tổ chức nạo vét</li> <li>Khảo sát, lập kế hoạch, tìm nguồn kinh phí xây dựng</li> </ul>	Chính quyền địa phương, người dân	Thường xuyên  Trung hạn	Chính quyền, người dân
		Nước thải trong sản xuất và trong chăn nuôi chưa được xử lý	Xử lý nước thải trong sản xuất và trong chăn nuôi	Xây dựng hố ga, hầm rút	Người dân	Ngắn hạn	Hỗ trợ của dự án, người dân
4.	<b>Ngư dân lo lắng thu nhập không ổn định do thiếu vốn đầu tư và nguồn lợi hải sản cạn kiệt</b>	Chưa có phương tiện và kiến thức đánh bắt xa bờ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cần có phương tiện đánh bắt tàu thuyền xa bờ công suất lớn</li> <li>Tập huấn kỹ thuật, đánh bắt xa bờ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hỗ trợ vay vốn để mua phương tiện đánh bắt xa bờ</li> <li>Tìm nguồn kinh phí để tổ chức tập huấn</li> </ul>	Chính quyền, người dân	Dài hạn  Trung hạn	Nhà nước, người dân  Nhà nước, chính quyền
		Trang thiết bị thô sơ, xuống cấp	Sửa chữa thuyền	<ul style="list-style-type: none"> <li>Ngư dân bỏ vốn sửa chữa.</li> <li>Hỗ trợ vốn sửa chữa</li> </ul>	Chính quyền, người dân	Dài hạn	Nhà nước, người dân

		Mất cấp trang thiết bị đánh bắt hải sản	Tăng cường an ninh vùng biển	Phối hợp với bộ đội biên phòng và an ninh địa phương tăng cường tuần tra	Chính quyền địa phương, Bộ đội biên phòng người dân	Ngăn hạn	Chính quyền, người dân, Bộ đội biên phòng
		Ngư dân đánh bắt nhiều loài thủy hải sản nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân hạn chế cạn kiệt nguồn hải sản.</li> <li>Thay đổi lưới đánh bắt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mở lớp tập huấn cho ngư dân để nâng cao kiến thức và nhận thức.</li> <li>Hợp các hộ đánh bắt để chia sẻ kinh nghiệm.</li> <li>Kiểm tra xử lý các hoạt động đánh bắt dùng lưới không đúng quy định.</li> </ul>	Chính quyền địa phương, ngư dân	Làm ngay	Chính quyền địa phương,
5.	<b>Người dân lo lắng dịch bệnh nuôi trồng thủy sản thiệt hại kinh tế</b>	Ô nhiễm nguồn nước do thuốc trừ sâu và chất thải trong chăn nuôi và sinh hoạt.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không vứt vỏ bao bì thuốc trừ sâu bừa bãi.</li> <li>Xử lý chất thải trong chăn nuôi và sinh hoạt hợp vệ sinh.</li> <li>Thường xuyên vệ sinh ao đầm, thay nguồn nước mới.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tuyên truyền nâng cao ý thức cho người dân.</li> <li>Làm các bể chứa và xử lý vỏ bao bì thuốc trừ sâu.</li> <li>Xây các hố bi ô ga và bể chứa nước thải trong sản xuất và trong sinh hoạt.</li> </ul>	Các cơ quan chức năng và người dân	Làm ngay	Chính quyền và người dân
		Chưa có quy hoạch và hệ thống kênh mương phục vụ cho nuôi trồng thủy sản	Quy hoạch khu vực nuôi trồng và xây dựng hệ thống kênh mương	Khảo sát, thiết kế, lập dự toán và tìm nhà tài trợ	Chính quyền và các cơ quan chức năng	Ngăn hạn	Nhà nước, chính quyền, nhà tài trợ
		Thiếu kiến thức khoa học kỹ thuật	Nâng cao kiến thức và áp dụng khoa	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mở các lớp tập huấn về kiến thức nuôi trồng và hướng dẫn</li> </ul>	Chính quyền, cơ quan chức năng và	Làm ngay	Chính quyền, các tổ chức



			học kỹ thuật.	người dân áp dụng khoa học kỹ thuật vào nuôi trồng thủy sản. <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đi xem các mô hình điểm và học hỏi kinh nghiệm từ hộ nuôi trồng đạt kết quả cao.</li> <li>• Giao lưu, chia sẻ học hỏi kinh nghiệm từ các hộ gia đình làm tốt.</li> </ul>	người dân		đoàn thể và người dân
		Con giống không đảm bảo chất lượng do không có cơ sở bán con giống tại chỗ phải mua từ nơi khác về.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Mua con giống đảm bảo chất lượng.</li> <li>• Cho các giống ăn thuốc phòng bệnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Khuyến khích mở các cơ sở sản xuất giống tại địa phương.</li> <li>• Chọn cơ sở có con giống tốt để mua.</li> </ul>	Chính quyền, hộ nuôi trồng	Ngăn hạn	Chính quyền, người dân
<b>6.</b>	<b>Người dân lo lắng nghề làm muối thu nhập thấp không đảm bảo đời sống</b>	Do thời tiết cực đoan mưa gió thất thường	Cảnh báo về thời tiết thay đổi để chuyên đổi lịch làm muối cho phù hợp.	Các cơ quan chức năng hướng dẫn cho người dân xây dựng lịch làm muối	Các cơ quan chức năng và người dân	Làm ngay	Nhà nước, người dân
		Giá cả thấp (do thiếu sự hỗ trợ của nhà nước)	Nâng cao giá muối.	Nhà nước có chính sách hỗ trợ về giá để nghề làm muối có lãi.	Nhà nước, chính quyền	Làm ngay	Nhà nước
		Đầu ra tiêu thụ khó khăn	Tìm đầu ra tiêu thụ sản phẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phải có chính sách bao tiêu.</li> <li>• Hợp tác xã liên hệ, phải tăng cường đầu ra.</li> </ul>	Chính quyền, hợp tác xã, người dân	Làm ngay	Chính quyền, hợp tác xã, người dân
		Diện tích làm muối chưa được chuyển đổi	Chuyển đổi diện tích đất làm muối	Khảo sát đánh giá và đề nghị nhà nước hỗ trợ cho phép chuyển đổi	Nhà nước, chính quyền, các tổ chức	Ngăn hạn	Nhà nước, chính quyền,

			sang trồng màu và nuôi trồng thủy sản.	diện tích làm muối kém hiệu quả sang sản xuất cây trồng hoặc nuôi trồng thủy hải sản theo quy hoạch và có chính sách hỗ trợ khi chuyển đổi.	kinh tế và người dân		nhà tài trợ và người dân
--	--	--	--	---	----------------------	--	--------------------------

**Báo cáo hoàn thành ngày 25/7/2014 được in, đóng dấu và gửi cho các bên liên quan.**

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ:

**Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam**

Được tài trợ bởi USAID, thực hiện bởi Tổ chức Winrock International phối hợp với Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tổ chức phát triển Hà Lan SNV, Hội chữ thập đỏ Mỹ, Hội chữ thập đỏ Việt Nam và Trung tâm phát triển nông thôn bền vững.

Địa chỉ: Nhà D, Khách sạn Công đoàn Quảng Bá, 98 Tô Ngọc Vân, Tây Hồ, Hà Nội.

Tel: (84-4) 3 718 2127 | Fax: (84-4) 3 718 2075

Email: [vfd.info@winrock.org](mailto:vfd.info@winrock.org)